J. STA-LIN

NHỮNG VẤN ĐỀ CHỦ NGHĨA LÊ-NIN

TỦ SÁCH
TUYÊN HUẤN

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI

NHỮNG CƠ SỞ CỦA CHỦ NGHĨA LÊ-NIN[1]

Những bài giảng tại trường Đại học Sve-rơ-lốp

XIN TẶNG NHỮNG TRANG NÀY CHO CÁC ĐỒNG CHÍ GIA NHẬP ĐẢNG TRONG DỊP LÊ-NIN TỪ TRẦN.

J. STA-LIN

Những cơ sở của chủ nghĩa Lê-nin là một đề mục rất rộng. Muốn nghiên cứu cho tường tận, phải viết cả một cuốn sách. Hơn thế nữa, phải viết cả một loạt nhiều cuốn sách. Cho nên những bài giảng của tôi cố nhiên không thể trình bày đầy đủ chủ nghĩa Lê-nin được. Nhiều lắm thì những bài này cũng chỉ là một toát yếu vắn tắt về những cơ sở của chủ nghĩa Lê-nin. Tuy nhiên, tôi thấy cần phải có bản toát yếu này để nêu ra một vài khởi điểm cơ bản, cần thiết cho sự nghiên cứu chủ nghĩa Lê-nin một cách có hiệu quả.

Trình bày những cơ sở của chủ nghĩa Lê-nin chưa phải là trình bày những cơ sở của thế giới quan của Lê-nin. Xét về phạm vi, thì thế giới quan của Lê-nin và những cơ sở của chủ nghĩa Lê-nin không phải chỉ là một và cùng một vấn đề. Lê-nin là người mác-xít, và cơ sở thế giới quan của Người lẽ dĩ nhiên là chủ nghĩa Mác. Nhưng như thế không phải là hễ trình bày chủ nghĩa Lê-nin thì nhất định phải bắt đầu bằng trình bày những cơ sở của chủ nghĩa Mác. Trình bày chủ nghĩa Lê-nin tức là trình bày những cái gì đặc biệt và mới mẻ trong những trước tác của Lê-nin, tức là trình bày những điều mà Lê-nin đã góp vào kho tàng chung của chủ nghĩa Mác và những điều dĩ nhiên là

gắn liền với tên tuổi của Người. Trong những bài giảng của tôi, tôi chỉ nói về những cơ sở của chủ nghĩa Lê-nin theo ý nghĩa trên đây.

Vậy thì chủ nghĩa Lê-nin là gì?

Một số người nói rằng chủ nghĩa Lê-nin là sự áp dụng chủ nghĩa Mác vào những điều kiện đặc biệt của hoàn cảnh nước Nga. Định nghĩa ấy có nói lên được một phần nào sự thật, nhưng còn chưa diễn đạt được tất cả sự thật. Quả thế, Lê-nin đã vận dụng chủ nghĩa Mác vào thực tế nước Nga và đã vận dụng được một cách tài tình. Nhưng nếu chủ nghĩa Lê-nin chỉ đơn thuần là sự vận dụng chủ nghĩa Mác vào hoàn cảnh đặc biệt nước Nga thôi, thì chủ nghĩa Lê-nin sẽ là một hiện tượng thuần túy của một nước và chỉ là của một nước, thuần túy của Nga và chỉ là của Nga thôi. Nhưng chúng ta biết rằng chủ nghĩa Lê-nin là một hiện tượng quốc tế bắt nguồn từ toàn bộ quá trình phát triển quốc tế, chứ không phải chỉ là một hiện tượng của nước Nga thôi. Bởi vậy, tôi cho rằng định nghĩa ấy có khuyết điểm là chỉ nhìn có một chiều.

Một số người khác cho rằng chủ nghĩa Lê-nin là sự làm sống lại các yếu tố cách mạng của chủ nghĩa Mác trong những năm 1840-1850, khác với chủ nghĩa Mác những năm sau đó đã trở thành ôn hòa, không cách mạng. Nếu không nói đến sự phân chia ngu xuẩn và nhảm nhí học thuyết Mác làm hai bộ phận như trên — bộ phận cách mạng và bộ phận ôn hòa — thì chúng ta phải thừa nhận rằng ngay trong định nghĩa tuyệt đối không đầy đủ và không thỏa đáng ấy cũng có một phần đúng. Phần đúng ấy là ở chỗ Lê-nin quả thật đã làm sống lại nội dung cách mạng của chủ nghĩa Mác, mà bọn cơ hội chủ nghĩa của Đệ nhị Quốc tế đã bưng bít đi. Nhưng như thế cũng chỉ mới đúng có một phần thôi. Điều hoàn toàn đúng về chủ nghĩa Lê-nin là không những chủ nghĩa ấy đã làm sống lại chủ nghĩa Mác, mà còn tiến lên một bước nữa bằng cách phát triển chủ nghĩa Mác trong những điều kiện mới của chủ nghĩa tư bản và của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản.

Vậy thì rút cục chủ nghĩa Lê-nin là gì?

Chủ nghĩa Lê-nin là chủ nghĩa Mác trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc và cách mạng vô sản. Nói cho đúng hơn: chủ

nghĩa Lê-nin là lý luận và sách lược về cách mạng vô sản nói chung, lý luận và sách lược về chuyên chính vô sản nói riêng. Mác và Ăng-ghen đã chiến đấu trong thời kỳ trước cách mạng (đây là nói cách mạng vô sản), lúc chủ nghĩa đế quốc chưa phát triển, trong thời kỳ chuẩn bị cho vô sản làm cách mạng, trong thời kỳ mà cách mạng vô sản chưa phải trực tiếp, chưa phải thực tế đã là một điều không thể tránh khỏi. Còn như Lê-nin, học trò của Mác và Ăng-ghen, thì đã chiến đấu trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc đã phát triển, trong thời kỳ cách mạng vô sản đang phát triển, lúc cách mạng vô sản đã thắng lợi trong một nước, đã đánh bại nền dân chủ tư sản và đã mở đầu kỷ nguyên dân chủ vô sản, kỷ nguyên các Xô-viết.

Bởi vậy, chủ nghĩa Lê-nin là chủ nghĩa Mác phát triển thêm một bước nữa.

Người ta thường chú ý đến tính chất chiến đấu phi thường, tính chất cách mạng phi thường của chủ nghĩa Lê-nin. Điều ấy hoàn toàn đúng. Nhưng chủ nghĩa Lê-nin sở dĩ có đặc tính đó là vì hai lý do : trước hết, là vì chủ nghĩa Lê-nin phát sinh từ trong lòng cách mạng vô sản mà ra, nên tất nhiên nó phải có những nét đặc sắc của cách mạng vô sản ; sau nữa, là vì chủ nghĩa Lê-nin đã trưởng thành và được củng cố qua những cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội của Đệ nhị Quốc tế, cuộc đấu tranh này trước kia đã là và hiện nay vẫn còn là điều kiện tiên quyết cần thiết để đấu tranh thắng lợi chống chủ nghĩa tư bản. Chúng ta không được quên rằng từ thời Mác và Ăng-ghen đến thời Lê-nin, có cả một thời kỳ độc quyền thống trị của chủ nghĩa cơ hội Đệ nhị Quốc tế, rằng cuộc đấu tranh quyết liệt chống chủ nghĩa cơ hội không thể không là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của chủ nghĩa Lê-nin.

I

NGUỒN GỐC LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA LÊ-NIN

Chủ nghĩa Lê-nin đã lớn lên và đã hình thành trong những điều kiện chủ nghĩa đế quốc, lúc mà những mâu thuẫn của

chủ nghĩa tư bản đã lên đến tột bậc; lúc mà cách mạng vô sản đã thành một vấn đề thực tiễn trước mắt; lúc mà giai đoạn chuẩn bị cũ của giai cấp công nhân để làm cách mạng đã chuyển thành giai đoạn kết thúc, thành một giai đoạn xung kích mới, trực tiếp chống chủ nghĩa tư bản.

Lê-nin gọi chủ nghĩa đế quốc là «chủ nghĩa tư bản giẫy chết». Vì sao? Vì chủ nghĩa đế quốc đẩy các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản đến tột mức, đến hạn độ cùng cực, vượt quá hạn độ đó thì cách mạng bắt đầu nổ ra. Trong các mâu thuẫn ấy, có ba mâu thuẫn mà chúng ta phải coi là quan trọng nhất.

Mâu thuẫn thứ nhất là mâu thuẫn giữa Lao động và Tư bản. Chủ nghĩa đế quốc, chính là quyền lực vô hạn của các tờ-rớt và công-xoóc-xi-om lũng đoạn, của các ngân hàng và của bọn quả đầu tài chính trong những nước công nghiệp. Trong cuộc đấu tranh chống quyền lực vô hạn đó, những thủ đoạn thường dùng của giai cấp công nhân — công đoàn và hợp tác xã, chính đảng trong nghị viện và đấu tranh nghị viện — đã tỏ ra hoàn toàn không đủ nữa. Hoặc là cứ để mặc cho Tư bản định đoạt vận mạng của mình, cứ sống lây lất như ngày trước và ngày càng tụt xuống thấp hơn nữa; hoặc là phải nắm lấy một vũ khí mới: đó là vấn đề mà chủ nghĩa đế quốc đặt ra trước đông đảo quần chúng vô sản. Chủ nghĩa đế quốc đưa giai cấp công nhân tới cách mạng.

Mâu thuẫn thứ hai là mâu thuẫn giữa các nhóm tài chính và các cường quốc đế quốc chủ nghĩa đang đấu tranh với nhau để tranh chiếm các nguồn nguyên liệu, để tranh chiếm lãnh thổ nước khác. Chủ nghĩa đế quốc là sự xuất khẩu tư bản đến những nơi có nguồn nguyên liệu, là cuộc đấu tranh điên cuồng để độc chiếm những nguồn nguyên liệu đó, là cuộc đấu tranh để chia lại thế giới đã phân chia rồi, cuộc đấu tranh đặc biệt ác liệt của những nhóm tài chính và cường quốc mới để giành lấy một «chỗ dưới ánh mặt trời», chống lại những nhóm tài chính và cường quốc cũ cố bám lấy những cái mà chúng đã chiếm đoạt được. Đặc điểm của cuộc đấu tranh điên cuồng ấy giữa các nhóm tư bản, là ở chỗ nó đưa đến cái nhân tố không

thể tránh khỏi tức là những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, những cuộc chiến tranh để chiếm đoạt những lãnh thổ nước khác. Tình trạng này lại có đặc điểm là nó khiến cho bọn đế quốc tự làm cho nhau suy yếu đi, khiến cho địa vị của chủ nghĩa tư bản nói chung bị suy yếu đi, khiến cho cách mạng vô sản chóng nổ ra, khiến cho cuộc cách mạng ấy trở thành tất yếu thực tiễn.

Mâu thuẫn thứ ba là mâu thuẫn giữa một nhúm các nước «văn minh» thống trị với hàng trăm triệu người của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới. Chủ nghĩa đế quốc là sự bóc lột trơ tráo nhất và sự áp bức vô nhân đạo nhất đối với hàng trăm triệu dân cư các nước thuộc địa và phụ thuộc rộng lớn. Bóp nặn siêu lợi nhuận, đó là mục đích của sự bóc lột và áp bức ấy. Nhưng bóc lột các nước đó, chủ nghĩa đế quốc buộc phải kiến thiết những đường xe lửa, những công xưởng và nhà máy, những trung tâm công nghiệp và thương mại. Một giai cấp những người vô sản xuất hiện, những phần tử trí thức bản xứ nẩy sinh, ý thức dân tộc được thức tỉnh, phong trào giải phóng được tăng cường, đó là những kết quả không thể tránh khỏi của «chính sách» ấy. Bằng chứng hiển nhiên về điều đó là phong trào cách mạng trong tất cả các nước thuộc địa và phụ thuộc, không trừ một nước nào, đều được tăng cường thêm. Tình trạng đó sở dĩ quan trọng đối với giai cấp vô sản là vì nó phá hoại tận gốc các vị trí của chủ nghĩa tư bản, và biến các nước thuộc địa và phụ thuộc từ chỗ là lực lượng hậu bị của chủ nghĩa đế quốc thành lực lượng hậu bị của cách mạng vô sản.

Tóm lại, đấy là những mâu thuẫn chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc, những mâu thuẫn đã biến chủ nghĩa tư bản «phồn thịnh» cũ thành chủ nghĩa tư bản giẫy chết.

Cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa nổ ra cách đây mười năm, ngoài những ý nghĩa khác ra, còn có ý nghĩa này là nó đã tập hợp tất cả những mâu thuẫn ấy lại thành một mối duy nhất và đã ném tất cả những mâu thuẫn đó vào đĩa cân, do đó thúc đẩy những trận chiến đấu cách mạng của giai cấp vô sản nổ ra mau chóng và được dễ dàng hơn.

Nói một cách khác, chủ nghĩa đế quốc không những đã khiến cho cách mạng trở thành một vấn đề thực tiễn không thể tránh khỏi, mà còn tạo ra những điều kiện thuận lợi cho cuộc xung kích trực tiếp vào những thành trì của chủ nghĩa tư bản.

Đấy là hoàn cảnh quốc tế đã đẻ ra chủ nghĩa Lê-nin.

Người ta sẽ nói với chúng ta rằng: tất cả những điều nói trên đây đều rất đúng, nhưng ở đây thì có quan hệ gì đến nước Nga là nước không hề và không thể là nước điển hình của chủ nghĩa đế quốc? Ở đây thì có quan hệ gì đến Lê-nin là người đã hoạt động trước hết ở Nga và cho nước Nga? Vì sao nước Nga lại chính là nơi sinh trưởng của chủ nghĩa Lê-nin, là quê hương của lý luận và sách lược về cách mạng vô sản?

Bởi vì lúc đó, nước Nga là nơi tập hợp tất cả những mâu thuẫn ấy của chủ nghĩa đế quốc.

Bởi vì nước Nga, hơn nước nào hết, đã sục sôi cách mạng, và chính vì thế nên chỉ có nước Nga mới có thể giải quyết được các mâu thuẫn ấy bằng con đường cách mạng.

Trước hết, nước Nga của Nga hoàng trước kia là một nơi tập hợp đủ mọi thứ áp bức — áp bức theo lối tư bản chủ nghĩa cũng như theo lối thực dân và quân sự — dưới hình thức vô nhân đạo nhất và dã man nhất. Ai mà không biết rằng ở nước Nga, quyền lực vô hạn của Tư bản đã liên kết với chế độ chuyên chế Nga hoàng; rằng tính chất hiếu chiến của chủ nghĩa dân tộc Nga đã liên kết với những hành động hung bạo của chế độ Nga hoàng chống các dân tộc không phải Nga; rằng sự bóc lột cả từng miền rộng lớn — ở Thổ-nhĩ-kỳ, ở Ba-tư, ở Trung-hoa — đã liên kết với việc chế độ Nga hoàng xâm lược những miền đó, liên kết với chiến tranh xâm lược? Lê-nin đã có lý, khi nói rằng chế độ Nga hoàng là một « chủ nghĩa đế quốc quân sự-phong kiến ». Chế độ Nga hoàng là một chế độ tập trung các nhân tố tiêu cực nhất — các nhân tố đã được nhân lên gấp bội — của chủ nghĩa đế quốc.

Sau nữa, nước Nga của Nga hoàng trước kia là một lực lượng hậu bị hùng mạnh của chủ nghĩa đế quốc phương Tây.

không những vì nó mở rộng cửa cho tư bản ngoại quốc vào nắm những ngành kinh tế quốc dân có tính chất quyết định như nhiên liệu và ngành luyện kim, mà còn vì nó có thể huy động hàng triệu binh lính để làm lợi cho bọn đế quốc phương Tây. Các bạn hãy nhớ lại là mười bốn triệu binh lính Nga đã phải đổ máu trên các chiến trường đế quốc chủ nghĩa để bảo đảm lợi nhuận quá cao cho bọn tư bản Anh - Pháp.

Tiếp nữa là chế độ Nga hoàng không những là một con chó giữ nhà cho chủ nghĩa đế quốc ở phía Đông châu Âu, mà còn là tay sai của chủ nghĩa đế quốc phương Tây, có nhiệm vụ bóp nặn của nhân dân hàng trăm triệu tiền lãi cho những món nợ mà Nga hoàng đã vay ở Luân-đôn và ở Pa-ri, ở Bá-linh và ở Bơ-ruy-xen.

Sau hết, trong việc phân chia Thổ-nhĩ-kỳ, Ba-tư, Trung-hoa, v.v..., chế độ Nga hoàng là đồng minh trung thành nhất của chủ nghĩa đế quốc phương Tây. Còn ai không biết rằng chiến tranh đế quốc chủ nghĩa là do chế độ Nga hoàng liên hợp với bọn đế quốc chủ nghĩa phe Đồng minh đã tiến hành, rằng nước Nga là một yếu tố chủ yếu của cuộc chiến tranh ấy?

Do đó, lợi ích của chế độ Nga hoàng và của chủ nghĩa đế quốc phương Tây đã chằng chịt lấy nhau và hòa lẫn với nhau để rồi họp thành một mối quyền lợi duy nhất của chủ nghĩa đế quốc.

Liệu chủ nghĩa đế quốc phương Tây có thể đành lòng để mất một chỗ dựa hùng hậu ở phương Đông và một kho lực lượng và tài nguyên dồi dào như nước Nga cũ của Nga hoàng và tư sản, mà không cố dồn toàn lực vào một cuộc đấu tranh chí tử chống cách mạng Nga, đặng bảo vệ và duy trì chế độ Nga hoàng không? Dĩ nhiên là không.

Như thế thì người nào muốn đánh chế độ Nga hoàng tất phải đụng đến chủ nghĩa đế quốc; người nào chống lại chế độ Nga hoàng cũng phải chống lại chủ nghĩa đế quốc; vì người nào ra sức lật đổ chế độ Nga hoàng, nếu thực tình muốn không những đánh chế độ đó mà còn tiêu diệt hoàn toàn chế độ đó, thì cũng phải lật đổ chủ nghĩa đế quốc. Bởi vậy, cách

mạng chống chế độ Nga hoàng phải gắn liền với cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc, và phải biến thành cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc, thành cách mạng vô sản.

Nhưng lúc đó, ở Nga, cuộc cách mạng nhân dân vĩ đại nhất đã dâng lên, lãnh đạo cách mạng đó là giai cấp vô sản cách mạng nhất thế giới có sẵn một bạn đồng minh trọng yếu là nông dân cách mạng Nga. Liệu có cần phải chứng minh rằng một cuộc cách mạng như thế không thể nửa đường ngừng lại; rằng khi thắng lợi, nó phải tiếp tục tiến tới mà nâng cao lá cờ khởi nghĩa chống chủ nghĩa đế quốc không?

Bởi thế, nước Nga phải trở thành điểm tập hợp những mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc, không những vì tính chất đặc biệt bỉ ổi và đặc biệt không thể dung thứ được mà những mâu thuẫn ấy đã bộc lộ rõ hơn hết ở chính ngay nước Nga, và không những vì nước Nga là chỗ dựa chính của chủ nghĩa tư bản phương Tây, nối liền tư bản tài chính phương Tây với các thuộc địa phương Đông, mà còn vì, chỉ ở Nga, mới có lực lượng thực sự có thể giải quyết được những mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc bằng con đường cách mạng.

Do đó mà cách mạng ở Nga nhất định phải trở thành một cuộc cách mạng vô sản; mà ngay khi mới phát triển, nó nhất định phải có tính chất quốc tế; mà nó nhất định phải lay chuyển đến ngay cả những cơ sở của chủ nghĩa đế quốc thế giới.

Trong những điều kiện như thế, thử hỏi những người cộng sản Nga có thể chỉ bo bo hoạt động trong khuôn khổ quốc gia chật hẹp của một cuộc cách mạng Nga không? Hiển nhiên là không. Trái lại, tất cả tình hình bên trong (khủng hoảng cách mạng sâu sắc) cũng như tình hình bên ngoài (chiến tranh) đều thúc đẩy họ phải hoạt động vượt ra ngoài khuôn khổ đó, phải đưa cuộc đấu tranh lên vũ đài quốc tế, lột trần những vết thương của chủ nghĩa đế quốc, chứng minh sự phá sản tất nhiên của chủ nghĩa tư bản, đánh bại chủ nghĩa xã hội-sô vanh và chủ nghĩa xã hội-hòa bình và sau cùng phải lật đổ chủ nghĩa tư sản trong nước họ và rèn đúc cho giai cấp vô sản một vũ khí đấu tranh mới, tức là lý luận và sách lược về cách mạng vô sản, đặng giúp cho vô sản toàn thế giới dễ dàng

lật đổ chủ nghĩa tư bản. Vả lại, những người cộng sản Nga không thể nào hành động khác thế được, vì chỉ có theo con đường đó thì mới hy vọng được thấy xuất hiện trong tình hình quốc tế những sự thay đổi có thể bảo đảm không cho chế độ tư sản khôi phục lại ở Nga.

Đó là lẽ vì sao nước Nga đã trở thành nơi sinh ra chủ nghĩa Lê-nin, và Lê-nin, lãnh tụ của những người cộng sản Nga, trở thành người sáng tạo ra chủ nghĩa ấy.

Ở đây, « điều đã xẩy ra » đối với nước Nga và đối với Lê-nin gần giống như điều đã xẩy ra đối với nước Đức và đối với Mác và Ăng-ghen vào khoảng từ 1840 đến 1850. Cũng như nước Nga hồi đầu thế kỷ XX, nước Đức lúc đó cũng sục sôi một cuộc cách mạng tư sản. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác đã viết :

« Những người cộng sản chú ý nhiều nhất đến nước Đức, vì nước Đức hiện đương ở vào đêm trước của một cuộc cách mạng tư sản, vì nước Đức sẽ làm tròn cuộc cách mạng ấy trong những điều kiện tiên tiến hơn của văn minh châu Âu và với một giai cấp vô sản vô cùng phát triển hơn, so với ở Anh trong thế kỷ XVII và ở Pháp trong thế kỷ XVIII, và do đấy, cách mạng tư sản Đức chỉ có thể là giáo đầu trực tiếp cho một cuộc cách mạng vô sản. » *

Nói cách khác, trung tâm của phong trào cách mạng đã chuyển sang Đức.

Người ta không thể nghi ngờ gì nữa rằng chính tình trạng mà Mác đã nêu ra trong đoạn văn trên, chắc chắn là nguyên nhân làm cho nước Đức đã trở thành quê hương của chủ nghĩa xã hội khoa học, và những lãnh tụ của giai cấp vô sản Đức — Mác và Ăng-ghen — trở thành những người sáng tạo ra chủ nghĩa ấy.

Cũng phải nói như thế đối với nước Nga hồi đầu thế kỷ XX, nhưng phải nói với một mức độ cao hơn nữa. Hồi đó, nước Nga đang ở vào đêm trước của cách mạng tư sản ; nước Nga phải làm cuộc cách mạng ấy trong điều kiện một châu Âu

---

* Xem : Mác và Ăng-ghen, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, bản tiếng Việt, xuất bản lần thứ tư, Sự thật, Hà-nội, 1958, tr. 74-75 *(B.T)*

tiên tiến hơn và với một giai cấp vô sản phát triển hơn giai cấp vô sản nước Đức khoảng những năm 40 của thế kỷ XIX (không cần nói đến cả Anh và Pháp nữa); và tất cả đều làm cho người ta tin rằng cuộc cách mạng ấy sẽ trở thành mầm mống và tiền đề của cuộc cách mạng vô sản.

Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ 1902, khi cách mạng vừa mới chớm phát sinh ra, Lê-nin đã viết những câu tiên đoán dưới đây, trong quyển *Làm gì?*:

« Ngày nay lịch sử đã phó thác cho chúng ta (nghĩa là cho những người mác-xít Nga. *J. Sta-lin.*) Một nhiệm vụ trước mắt, *nhiệm vụ cách mạng nhất* trong tất cả những nhiệm vụ *trước mắt* của giai cấp vô sản ở bất cứ một nước nào khác »,

« làm tròn được nhiệm vụ ấy, tức là nhiệm vụ phá hủy thành lũy mạnh mẽ nhất không những của thế lực phản động châu Âu mà cả của thế lực phản động châu Á (bây giờ chúng ta có thể nói như thế được) thì có thể làm cho giai cấp vô sản Nga thành đội tiên phong của giai cấp vô sản cách mạng quốc tế. » (Xem t. IV, tr. 382[2].)

Nói cách khác, trung tâm của phong trào cách mạng đã phải chuyển sang Nga.

Ai nấy đều biết rằng tiến trình của cách mạng Nga đã chứng thực quá đầy đủ lời tiên đoán ấy của Lê-nin.

Như thế thì liệu có đáng phải lấy làm ngạc nhiên khi thấy rằng một nước đã làm một cuộc cách mạng như thế và có một giai cấp vô sản như thế, là quê hương của lý luận và sách lược về cách mạng vô sản không?

Liệu có đáng phải lấy làm ngạc nhiên khi thấy rằng Lê-nin, lãnh tụ của giai cấp vô sản Nga, đồng thời cũng trở thành người sáng tạo ra lý luận và sách lược ấy, trở thành lãnh tụ của giai cấp vô sản quốc tế không?

II

PHƯƠNG PHÁP

Ở trên, tôi có nói rằng từ thời Mác và Ăng-ghen cho đến thời Lê-nin là cả một thời kỳ thống trị của chủ nghĩa cơ hội của Đệ nhị Quốc tế. Để cho rõ hơn, tôi phải nói thêm rằng, ở

đây, không phải là một nền thống trị thuần túy hình thức của chủ nghĩa cơ hội mà quả là sự thống trị thực sự của chủ nghĩa đó. Về hình thức, đứng đầu Đệ nhị Quốc tế là những người mác-xít «trung thành», những người «thuộc phái chính thống» như: Cau-sky và vân vân. Nhưng thật ra, công tác chủ yếu của Đệ nhị Quốc tế đã đi theo đường lối cơ hội chủ nghĩa. Vì bản chất tiểu tư sản thiên về thỏa hiệp, nên bọn cơ hội chủ nghĩa đã thỏa hiệp với giai cấp tư sản; còn bọn «chính thống», thì lại thỏa hiệp với bọn cơ hội chủ nghĩa, vì muốn «duy trì thống nhất» với bọn này, vì muốn giữ «hòa khí trong nội bộ Đảng». Kết quả: chủ nghĩa cơ hội cứ thống trị, vì chính sách của giai cấp tư sản và chính sách của bọn «chính thống» vẫn tiếp tục gắn liền với nhau.

Đấy là một thời kỳ phát triển tương đối hòa bình của chủ nghĩa tư bản, có thể nói là thời kỳ trước chiến tranh, trong đó những mâu thuẫn tai hại của chủ nghĩa đế quốc vẫn chưa có thời giờ để bộc lộ một cách hoàn toàn rõ rệt; những cuộc bãi công kinh tế của công nhân và những công đoàn phát triển một cách tương đối «bình thường», cuộc đấu tranh tuyển cử và các đảng đoàn nghị viện đã đoạt được những thắng lợi «choáng dầu», những hình thức đấu tranh hợp pháp đã được tâng bốc quá sức, và người ta định «giết chết» chủ nghĩa tư bản bằng thủ đoạn hợp pháp; nói tóm lại, đấy là một thời kỳ mà các đảng Đệ nhị Quốc tế ăn cho béo xác và không muốn thực sự nghĩ đến cách mạng, đến chuyên chính vô sản, đến giáo dục cách mạng cho quần chúng.

Đáng lẽ phải có một lý luận cách mạng hoàn chỉnh, thì lại là những luận điểm lý luận trái ngược nhau, những mẩu lý luận tách rời cuộc đấu tranh cách mạng sinh động của quần chúng và trở thành những giáo điều cũ kỹ. Lẽ dĩ nhiên, để giữ thể diện, người ta cũng đã viện dẫn lý luận Mác, nhưng là để làm cho lý luận đó mất hết tinh túy cách mạng sinh động của nó đi.

Đáng lẽ phải có một chính sách cách mạng, thì lại là một chủ nghĩa phi-li-stanh yếu đuối, một thủ đoạn chính trị hèn mạt, một lối xã giao nghị viện và những mánh khóe nghị viện.

Lẽ dĩ nhiên, để giữ thể diện, người ta đã thông qua những nghị quyết và những khẩu hiệu « cách mạng », nhưng là để vùi sâu vào ngăn kéo.

Đáng lẽ phải giáo dục Đảng và làm cho Đảng thông qua kinh nghiệm về những khuyết điểm của bản thân mình mà học tập được sách lược cách mạng đúng đắn, thì người ta lại chú ý tránh khéo những vấn đề bức thiết, làm lu mờ và làm lơ những vấn đề đó. Lẽ dĩ nhiên, muốn giữ thể diện, người ta cũng bàn đến những vấn đề bức thiết, nhưng là để đi đến một nghị quyết « co giãn » nào đó.

Đấy là bộ mặt, phương pháp công tác và vũ khí của Đệ nhị Quốc tế.

Song một thời kỳ mới, thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và chiến đấu cách mạng của giai cấp vô sản đang tới gần. Đứng trước quyền lực vô hạn của tư bản tài chính, những phương pháp đấu tranh cũ đã tỏ rõ ra là không đủ và không có sức mạnh nữa.

Cần phải xét lại toàn bộ hoạt động, phương pháp làm việc của Đệ nhị Quốc tế; phải loại trừ khỏi đó, đầu óc phi-li-stanh, bệnh hẹp òi nhỏ nhen, thủ đoạn chính trị, tinh thần phản bội, chủ nghĩa xã hội - sô-vanh, chủ nghĩa xã hội - hòa bình. Cần phải kiểm tra lại toàn thể kho vũ khí của Đệ nhị Quốc tế, vứt bỏ tất cả những thứ đã han dỉ, cũ kỹ, và rèn đúc những thứ vũ khí mới. Không làm công tác mở đầu đó, thì đừng có hòng đánh chủ nghĩa tư bản. Không làm như thế, thì giai cấp vô sản có cơ lâm vào tình trạng không được vũ trang đầy đủ, hay thậm chí hoàn toàn không có khí giới trước những trận chiến đấu cách mạng mới.

Chính chủ nghĩa Lê-nin đã được vinh dự tiến hành cuộc tổng kiểm tra lại và tổng tẩy uế những chuồng ngựa Ô-gi-át [3] của Đệ nhị Quốc tế.

Phương pháp của chủ nghĩa Lê-nin đã phát sinh và được rèn luyện trong những điều kiện như thế đấy.

Phương pháp này đòi hỏi những gì?

Một là đem những giáo điều lý luận của Đệ nhị Quốc tế mà *kiểm nghiệm* lại trong lửa đấu tranh cách mạng của quần chúng, trong lửa thực tiễn sinh động, nghĩa là khôi phục lại sự nhất trí đã bị phá hoại giữa lý luận và thực tiễn, xóa bỏ sự cách biệt giữa lý luận và thực tiễn, vì chỉ có làm như thế, người ta mới có thể sáng lập được một đảng thực sự vô sản, vũ trang bằng một lý luận cách mạng.

Hai là *kiểm nghiệm* lại chính sách của các đảng Đệ nhị Quốc tế, không phải căn cứ vào những khẩu hiệu và những nghị quyết (mà người ta không thể tin được) của các đảng ấy, mà phải căn cứ vào hành vi thực tế, vào hành động của các đảng ấy, vì chỉ có làm như thế, người ta mới có thể được quần chúng vô sản tín nhiệm, và xứng đáng với lòng tín nhiệm ấy.

Ba là *cải tạo* lại toàn bộ công tác Đảng theo một phương thức mới, cách mạng, theo hướng giáo dục và chuẩn bị cho quần chúng đấu tranh cách mạng, vì chỉ có làm như thế, người ta mới có thể chuẩn bị cho quần chúng làm cách mạng vô sản được.

Bốn là tiến hành *tự phê bình* trong các đảng vô sản, là thông qua kinh nghiệm những khuyết điểm của bản thân các đảng ấy mà giáo dục và rèn luyện các đảng ấy, vì chỉ có làm như thế, người ta mới có thể đào tạo được những cán bộ chân chính và những lãnh tụ chân chính của Đảng.

Đấy là cơ sở và thực chất của phương pháp của chủ nghĩa Lê-nin.

Phương pháp ấy đã được vận dụng trong thực tiễn như thế nào?

Bọn cơ hội chủ nghĩa của Đệ nhị Quốc tế tuyên truyền một loạt giáo điều lý luận mà họ lắp đi lắp lại như đọc kinh. Hãy lấy một vài giáo điều trong số đó ra làm ví dụ:

Giáo điều thứ nhất: về những điều kiện giai cấp vô sản cướp chính quyền. Bọn cơ hội chủ nghĩa quả quyết rằng giai cấp vô sản không thể và không nên cướp chính quyền, nếu bản thân giai cấp vô sản không thành đa số trong cả nước. Nói thế thì chẳng có bằng chứng gì cả, vì vô luận về mặt lý

luận hay về mặt thực tiễn cũng không có gì chứng minh được luận điểm vô lý đó cả. Lê-nin trả lời các tiên sinh Đệ nhị Quốc tế ấy: Cứ cho là đúng như thế đi. Nhưng vì thử xảy ra một hoàn cảnh lịch sử (chiến tranh, khủng hoảng nông nghiệp, v.v...) trong đó giai cấp vô sản là thiểu số trong nhân dân, mà lại có thể tập hợp được chung quanh mình quảng đại đa số quần chúng cần lao, thì tại sao nó lại không cướp lấy chính quyền? Tại sao giai cấp vô sản lại không lợi dụng tình hình quốc tế và tình hình trong nước thuận lợi mà chọc thủng mặt trận của Tư bản và làm cho cuộc cách mạng thế giới chóng bùng nổ? Ngay từ những năm 1850, Mác đã chẳng nói rằng cách mạng vô sản ở Đức sẽ ở vào một tình thế «rất tốt», nếu người ta có thể giúp đỡ cách mạng vô sản, có thể nói là bằng một sự «tái diễn cuộc chiến tranh nông dân[4]», đó sao? Thử hỏi có ai không biết là vô sản ở Đức hồi ấy tương đối không đông bằng vô sản Nga năm 1917, chẳng hạn? Thực tiễn cách mạng vô sản Nga há chẳng đã chứng minh rằng, đối với giai cấp vô sản, thì giáo điều yêu quý ấy của bọn anh hùng Đệ nhị Quốc tế hoàn toàn không có ý nghĩa gì thực tế sao? Há chẳng rõ ràng là thực tiễn đấu tranh cách mạng của quần chúng đã đả kích và phá tan cái giáo điều cũ kỹ ấy rồi sao?

Giáo điều thứ hai: giai cấp vô sản không thể giữ được chính quyền nếu nó không có sẵn đủ số cán bộ văn hóa và cán bộ hành chính có khả năng tổ chức việc quản lý quốc gia; vậy thì, trước hết, phải đào tạo những cán bộ ấy dưới chế độ tư bản đã, để sau đó mới cướp chính quyền. Lê-nin trả lời: cứ cho là đúng như thế đi. Nhưng tại sao lại không thể lật ngược vấn đề lại như thế này: trước hết cướp chính quyền, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho giai cấp vô sản phát triển, rồi sau đó đi hia bảy dặm vào mà tiến lên, đặng nâng cao trình độ văn hóa của quần chúng lao động, đào tạo nhiều cán bộ lãnh đạo và cán bộ hành chính xuất thân từ trong hàng ngũ công nhân mà ra? Thực tiễn Nga há chẳng đã chứng minh rằng, dưới chính quyền vô sản, con số cán bộ lãnh đạo xuất thân từ trong hàng ngũ công nhân đã tăng lên gấp trăm lần nhiều hơn và mau hơn dưới chính quyền tư bản đó sao?

Há chẳng rõ ràng là thực tiễn đấu tranh cách mạng của quần chúng cũng đã thẳng tay đả phá giáo điều lý luận ấy của bọn cơ hội chủ nghĩa đó sao?

Giáo điều thứ ba: đối với giai cấp vô sản, phương pháp tổng bãi công *chính trị* là phương pháp không thể thừa nhận được, vì nó không có căn cứ về mặt lý luận (xem lời phê phán của Ăng-ghen) và nguy hiểm về mặt thực tiễn (nó có thể làm rối loạn tiến trình bình thường của đời sống kinh tế trong nước, nó có thể làm cho quỹ các công đoàn khánh kiệt); nó không thể thay thế cho những hình thức đấu tranh nghị viện là hình thức đấu tranh giai cấp chủ yếu của giai cấp vô sản. Những người lê-nin-nít trả lời: được. Nhưng, một là, Ăng-ghen không phê phán tất cả mọi cuộc tổng bãi công, ông chỉ phê phán một loại tổng bãi công nào đó thôi, đó là loại tổng bãi công *kinh tế* của bọn vô chính phủ chủ nghĩa [5], loại tổng bãi công mà bọn vô chính phủ chủ trương đem *thay thế* cho cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản, — thế thì liệu phương pháp tổng bãi công *chính trị* có can hệ gì ở đây? Hai là, người nào và ở chỗ nào đã chứng minh rằng hình thức đấu tranh nghị viện là hình thức đấu tranh chủ yếu của giai cấp vô sản? Lịch sử phong trào cách mạng há chẳng chứng minh rằng đấu tranh nghị viện chỉ là một trường học và một trợ lực cho việc giai cấp vô sản tổ chức đấu tranh ngoài nghị viện; rằng trong chế độ tư bản chủ nghĩa, những vấn đề chủ yếu của phong trào công nhân đều phải giải quyết bằng vũ lực, bằng đấu tranh trực tiếp của quần chúng vô sản, bằng tổng bãi công của họ, bằng khởi nghĩa của họ đấy ư? Ba là, người ta đã đi tìm ở đâu ra vấn đề thay thế cuộc đấu tranh nghị viện bằng phương pháp tổng bãi công chính trị? Ở đâu, và vào lúc nào, những người chủ trương tổng bãi công chính trị đã định thay thế những hình thức đấu tranh nghị viện bằng những hình thức đấu tranh ngoài nghị viện? Bốn là, cách mạng ở Nga há chẳng đã chứng minh rằng tổng bãi công *chính trị* là trường học lớn nhất của cách mạng vô sản và là một phương pháp thần diệu để động viên và tổ chức quảng đại quần chúng vô sản, trước ngày xung kích vào những thành trì của chủ nghĩa tư bản đấy

ư? Vậy thì những lời than vãn phi-li-stanh về sự phá hoại tiến trình bình thường của đời sống kinh tế và về quỹ của các công đoàn có can hệ gì ở đây? Há chẳng rõ ràng là thực tiễn đấu tranh cách mạng cũng đập tan giáo điều ấy của bọn cơ hội chủ nghĩa đó sao?

Vân vân, vân vân.

Bởi vậy, Lê-nin đã nói: « lý luận cách mạng không phải là một giáo điều », « chỉ có liên hệ mật thiết với thực tiễn của một phong trào thực sự quần chúng và thực sự cách mạng thì lý luận mới thành hình hẳn được » *(Bệnh ấu trĩ* [6]*)*, vì lý luận phải phục vụ thực tiễn, vì « lý luận phải trả lời những câu hỏi mà thực tiễn đã đề ra », *(Những người « bạn dân »*[7]*)*, vì nó phải được kiểm nghiệm bởi những kết quả của thực tiễn.

Về những khẩu hiệu chính trị và nghị quyết chính trị của các đảng Đệ nhị Quốc tế, thì chỉ cần nhớ lại lịch sử của khẩu hiệu: « Lấy chiến tranh chống chiến tranh », cũng đủ thấy rõ tất cả sự giả dối, tất cả sự thối nát của chính sách của các đảng ấy, tức là những đảng đang che đậy sự nghiệp phản cách mạng của mình bằng những khẩu hiệu và nghị quyết cách mạng huênh hoang. Mọi người đều còn nhớ sự thị uy huênh hoang của Đệ nhị Quốc tế tại Đại hội Ba-lơ [8], khi họ hăm dọa bọn đế quốc rằng nếu chúng dám gây ra chiến tranh thì chúng sẽ gặp tất cả những sự rùng rợn của khởi nghĩa, đồng thời họ đã đưa ra khẩu hiệu ghê gớm là « Lấy chiến tranh chống chiến tranh ». Nhưng ai mà không nhớ rằng sau đó ít lâu, khi chiến tranh sắp bùng nổ thì nghị quyết Ba-lơ đã bị chôn vùi trong ngăn kéo, và một khẩu hiệu mới đã được tung ra kêu gọi công nhân hãy tàn sát lẫn nhau vì sự quang vinh của tổ quốc tư bản chủ nghĩa? Há lại chẳng rõ ràng rằng nếu những khẩu hiệu và nghị quyết cách mạng mà không được chứng minh bằng hành động thì không đáng giá lấy một xu hay sao? Chỉ cần so sánh chính sách « biến chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến » của Lê-nin với chính sách phản bội của Đệ nhị Quốc tế trong thời kỳ chiến tranh, cũng đủ thấy rõ tất cả sự hèn hạ của bọn chính khách của chủ nghĩa cơ hội, thấy rõ tất cả sự vĩ đại của phương pháp của chủ nghĩa Lê-nin.

Tôi không thể không dẫn ra một đoạn trong tác phẩm của Lê-nin: *Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-sky*, trong đó, Người kịch liệt đả kích Cau-sky, lãnh tụ của Đệ nhị Quốc tế về thái độ cơ hội chủ nghĩa của y trong việc nhận xét các đảng phái, không căn cứ vào những hành động của các đảng ấy mà lại căn cứ vào những khẩu hiệu và nghị quyết trên giấy tờ của họ:

« Cau-sky thực hành một chính sách có tính chất điển hình tiểu tư sản, phi-li-stanh, cho rằng.. *đưa ra một khẩu hiệu* là thay đổi được một cái gì trong tình hình. Toàn bộ lịch sử chế độ dân chủ tư sản đã lột trần cái ảo tưởng ấy: để lừa dối nhân dân, bọn dân chủ tư sản đã và đang luôn luôn đề ra đủ mọi thứ « khẩu hiệu ». Vấn đề là phải *kiểm nghiệm* lòng thành thật của chúng, phải đối chiếu hành động với lời nói, không được yên trí với những *lời nói suông* duy tâm chủ nghĩa hoặc có tính chất bịp bợm mà phải tìm ra *nội dung giai cấp thực sự* của những lời nói đó. » (Xem t. XXIII, tr. 377 [9].)

Tôi cũng không cần nói đến thái độ sợ tự phê bình của các đảng Đệ nhị Quốc tế, đến cách họ giấu giếm những khuyết điểm của họ, làm lu mờ những vấn đề gay go, che đậy những thiếu sót của họ bằng sự phô trương giả dối một tình trạng có vẻ như là vừa ý, do đó làm nhụt tư tưởng sinh động và kìm hãm không để cho Đảng dùng kinh nghiệm sai lầm bản thân mà tự giáo dục cách mạng cho mình — cái cách mà Lê-nin đã chế giễu và đem ra bêu giếu. Lê-nin đã viết về vấn đề tự phê bình của các đảng vô sản trong quyển *Bệnh ấu trĩ* như sau:

« Thái độ của một chính đảng trước những sai lầm của mình là một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất và chắc chắn nhất để xét xem đảng ấy có nghiêm chỉnh không, có *thực sự* làm tròn nghĩa vụ của mình đối với *giai cấp* mình và đối với *quần chúng* lao động không. Công khai thừa nhận sai lầm của mình, tìm ra nguyên nhân sai lầm, phân tích hoàn cảnh đã đẻ ra sai lầm, nghiên cứu cẩn thận những biện pháp để sửa chữa sai lầm ấy; đó là dấu hiệu của một đảng nghiêm chỉnh, — đối với đảng đó, như thế gọi là làm tròn nghĩa vụ của mình là giáo dục và huấn luyện *giai cấp*, rồi đến *quần chúng*. » (Xem t.XXV, tr. 200[6].)

Một số người cho rằng vạch rõ những sai lầm của bản thân và tự phê bình là nguy hiểm cho Đảng, vì kẻ thù có thể lợi dụng để chống lại đảng của giai cấp vô sản. Lê-nin cho

rằng những lời cãi lại như thế là không nghiêm túc và hoàn toàn sai. Về vấn đề đó, năm 1904, khi Đảng ta còn yếu và chưa có nhiều đảng viên, Lê-nin đã viết trong cuốn *Một bước tiến* như sau :

« Chúng (nghĩa là những kẻ địch của những người mác-xít — *J. Sta-lin.*) reo mừng và múa may quay cuồng khi thấy chúng ta tranh luận với nhau ; hiển nhiên là để phục vụ cho mục đích của chúng, chúng sẽ cố sức nêu ra những đoạn nào đó trong quyển sách của tôi nói về những khuyết điểm và những thiếu sót của Đảng ta. Những người xã hội-dân chủ Nga đã được tôi luyện khá nhiều trong chiến đấu, cho nên họ không để cho những hành động châm chọc ấy làm cho mình bối rối ; cho nên bất chấp tất cả, họ vẫn cứ tiến hành công tác tự phê bình và tiếp tục bóc trần một cách không e dè những thiếu sót của bản thân mình, những thiếu sót nhất định và chắc chắn sẽ khắc phục được với phong trào công nhân đang lớn lên. » (Xem t. VI, tr. 161[10].)

Tóm lại, đấy là những đặc điểm của phương pháp của chủ nghĩa Lê-nin.

Điều mà phương pháp của Lê-nin cống hiến, thì về căn bản, đã có ở trong học thuyết của Mác, học thuyết mà Mác đã nói là học thuyết « về bản chất là có tinh thần phê phán và cách mạng[11]. » Chính tinh thần phê phán và cách mạng ấy là tinh thần quán triệt trong phương pháp của Lê-nin. Nhưng nếu cứ tưởng rằng phương pháp của Lê-nin chỉ là khôi phục lại phương pháp của Mác, thì thật là sai. Thật ra, phương pháp của Lê-nin không những chỉ là khôi phục lại, mà còn là cụ thể hóa và phát triển liên tục phương pháp phê phán và cách mạng của Mác, phép biện chứng duy vật của Mác.

III

LÝ LUẬN

Trong đề mục này, tôi sẽ nói đến ba vấn đề :

a) sự quan trọng của lý luận đối với phong trào vô sản ;

b) phê phán « thuyết » tự phát ;

c) lý luận về cách mạng vô sản.

1. *Sự quan trọng của lý luận.* Một số người nghĩ rằng chủ nghĩa Lê-nin trọng thực tiễn hơn lý luận, vì rằng điểm chủ yếu của chủ nghĩa Lê-nin là sự áp dụng các nguyên lý mác-xít, là « việc chấp hành » các nguyên lý ấy ; còn về lý luận thì chủ nghĩa Lê-nin rất ít quan tâm đến. Người ta biết rằng Pơ-lê-kha-nốp đã nhiều lần chế giễu sự « không quan tâm » của Lê-nin đối với lý luận và đặc biệt đối với triết học. Hơn nữa, người ta lại biết rằng nhiều người lê-nin-nít công tác thực tế ngày nay ít ưa thích lý luận, nhất là vì hoàn cảnh bắt buộc phải làm quá nhiều công tác thực tiễn. Tôi cần phải tuyên bố rằng ý kiến quá lạ lùng này về Lê-nin và chủ nghĩa Lê-nin là hoàn toàn sai lầm và không đúng với sự thật chút nào hết, rằng xu hướng của những người công tác thực tiễn dửng dưng với lý luận là hoàn toàn trái với tinh thần chủ nghĩa Lê-nin và gây nhiều nguy hại lớn cho sự nghiệp.

Lý luận là kinh nghiệm của phong trào công nhân toàn thế giới, đem khái quát lại. Lẽ dĩ nhiên, lý luận sẽ là lý luận trống rỗng, nếu không được gắn liền với thực tiễn cách mạng ; cũng hệt như thực tiễn sẽ trở thành mù quáng nếu không được lý luận cách mạng soi đường. Nhưng lý luận có thể trở thành một lực lượng lớn rộng của phong trào công nhân, nếu nó được hình thành trong sự liên hệ mật thiết với thực tiễn cách mạng, vì nó, và chỉ có nó, mới đem lại cho phong trào lòng tin tưởng, sức mạnh của sự định hướng và sự hiểu biết mối liên hệ nội tại của các biến cố đang diễn ra ; vì nó, và chỉ có nó, mới có thể giúp cho thực tiễn hiểu được không những các giai cấp hiện nay chuyển động theo hướng nào và như thế nào, mà còn hiểu được trong tương lai gần nhất, các giai cấp ấy sẽ phải chuyển động theo hướng nào và như thế nào. Chính Lê-nin đã nói và đã nhắc lại nhiều lần nguyên lý trứ danh này :

« *Không có lý luận cách mạng thì không thể có phong trào cách mạng* * ». (Xem t. IV, tr. 380*.)

---

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin.*

Hơn ai hết, Lê-nin đã hiểu sự quan trọng lớn lao của lý luận, nhất là đối với một đảng như Đảng ta, vì Đảng ta phải giữ vai trò chiến sĩ tiên phong của giai cấp vô sản quốc tế và hiện đang ở vào một hoàn cảnh trong nước và quốc tế phức tạp. Ngay từ năm 1902, nhận thấy trước vai trò đặc biệt ấy của Đảng ta nên Lê-nin, lúc đó, xét thấy cần phải nhắc rằng:

«Chỉ có một Đảng được lý luận tiên phong hướng dẫn mới có thể làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong». (Như trên.)

Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng hiện nay khi mà lời tiên đoán ấy của Lê-nin về vai trò của Đảng ta đã thành sự thật, thì nguyên lý ấy của Lê-nin càng có một sức mạnh đặc biệt và một ý nghĩa đặc biệt.

Có lẽ người ta phải coi sự việc dưới đây là một biểu hiện nổi bật nhất chứng tỏ rằng Lê-nin đã hết sức trọng lý luận: chính Lê-nin đã tiến hành một nhiệm vụ trọng đại nhất, đó là nhiệm vụ khái quát trong triết học duy vật chủ nghĩa điều quan trọng nhất mà khoa học đã cống hiến từ Ăng-ghen đến Lê-nin; và phê phán sâu sắc những tư trào phản duy vật chủ nghĩa trong những người mác-xít. Ăng-ghen đã nói rằng «mỗi khi có một phát minh lớn mới, thì chủ nghĩa duy vật buộc phải mang một hình thức mới[12].» Người ta biết rằng chính Lê-nin đã làm tròn nhiệm vụ ấy đối với thời đại Người, trong tác phẩm trứ danh: *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*. Người ta biết rằng Pơ-lê-kha-nốp là người thường chế giễu sự «không quan tâm» của Lê-nin đối với triết học, thì thậm chí lại không dám nhận lấy nhiệm vụ này một cách nghiêm chỉnh.

2. *Phê bình «thuyết» tự phát, hay bàn về vai trò tiên phong trong phong trào.* «Thuyết» tự phát là thuyết của chủ nghĩa cơ hội, là thuyết sùng bái tính tự phát của phong trào công nhân, là thuyết mà trong thực tế thì phủ nhận vai trò lãnh đạo của đội tiên phong của giai cấp công nhân, của Đảng của giai cấp công nhân.

Thuyết sùng bái tính tự phát kiên quyết phản đối lại tính chất cách mạng của phong trào công nhân; nó phản đối

việc phong trào hướng về đấu tranh chống những cơ sở của chủ nghĩa tư bản — nó tán thành là cuộc vận động chỉ đi theo đường lối những yêu sách « có thể thực hiện được », « có thể tiếp thu được » đối với chủ nghĩa tư bản, nó hoàn toàn tán thành « đường lối ít tốn sức nhất ». Thuyết tự phát ấy là hệ tư tưởng của chủ nghĩa công liên.

Thuyết sùng bái tính tự phát kiên quyết phản đối việc làm cho phong trào tự phát trở thành phong trào tự giác, có kế hoạch ; nó phản đối việc Đảng dẫn đầu giai cấp công nhân, việc Đảng nâng quần chúng đến trình độ tự giác, việc Đảng lãnh đạo phong trào. Nó tán thành việc những phần tử giác ngộ của phong trào không cản trở bước tiến triển của phong trào ; nó tán thành việc Đảng chỉ quan sát phong trào tự phát và đi theo đuôi phong trào. Thuyết tự phát ấy là thuyết hạ thấp vai trò của phần tử giác ngộ trong phong trào, là hệ tư tưởng của « chủ nghĩa theo đuôi », là cơ sở lô-gích của *bất cứ* chủ nghĩa cơ hội nào.

Trên thực tế, thuyết này, bước lên sân khấu ngay từ trước cách mạng Nga lần thứ nhất, đã đi đến chỗ là những kẻ chủ trương nó, tức là « phái kinh tế », phủ nhận sự tất yếu phải có một chính đảng công nhân độc lập ở Nga, phản đối cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân nhằm lật đổ chế độ Nga hoàng, cổ vũ chính sách công liên chủ nghĩa trong phong trào, và nói chung, đặt phong trào công nhân dưới quyền lãnh đạo của bọn tư bản thuộc phái tự do.

Cuộc đấu tranh của tờ *Tia lửa* [13] cũ, và lời phê phán của Lê-nin trong *Làm gì?* đối với « chủ nghĩa theo đuôi », không những đã đánh bại « chủ nghĩa kinh tế », mà còn đặt cơ sở lý luận cho một phong trào thật sự cách mạng của giai cấp công nhân Nga.

Không có cuộc đấu tranh đó thì đừng hòng nghĩ ngay cả đến việc thành lập ở Nga một đảng công nhân độc lập và đến vai trò lãnh đạo của đảng đó trong cuộc cách mạng.

Nhưng thuyết sùng bái tính tự phát không phải là một hiện tượng riêng của Nga. Nó được phổ biến rất rộng rãi, dưới một hình thức thật ra có hơi khác, trong tất cả các đảng Đệ

nhị Quốc tế, không trừ một đảng nào. Ở đây, tôi nói đến cái thuyết mệnh danh « lực lượng sản xuất », thuyết đã bị bọn lãnh tụ Đệ nhị Quốc tế bôi nhọ, nó biện hộ cho tất cả mọi việc và điều hòa tất cả mọi người : nó nêu ra những sự việc và giải thích những sự việc đó khi mọi người đã thừa hiểu rồi và nó chỉ biết có nêu ra những sự việc đó thôi. Mác đã nói rằng học thuyết duy vật chủ nghĩa không thể chỉ giải thích thế giới mà lại còn phải cải biến thế giới [14]. Nhưng Cau-sky và bè lũ không hề quan tâm đến điều đó ; chúng thích bám lấy phần thứ nhất của công thức của Mác.

Đây là một trong nhiều thí dụ về sự vận dụng « thuyết » ấy. Người ta nói rằng trước cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, các đảng Đệ nhị Quốc tế đã de là sẽ tuyên bố « lấy chiến tranh chống chiến tranh », nếu bọn đế quốc bắt đầu phát động chiến tranh. Người ta nói rằng, ngay khi sắp xẩy ra chiến tranh, các đảng ấy đã vùi vào trong ngăn kéo khẩu hiệu : « lấy chiến tranh chống chiến tranh » và đã thực hiện khẩu hiệu trái ngược : « chiến tranh vì tổ quốc đế quốc chủ nghĩa ». Người ta nói rằng việc thay đổi khẩu hiệu như thế đã làm cho hàng triệu công nhân bị chết. Nhưng người ta sẽ nhầm nếu tưởng rằng trong số công nhân chết ấy, có những thủ phạm, có những kẻ đã phản bội hay đã bán giai cấp công nhân. Tuyệt nhiên không phải thế ! Mọi sự đã xẩy ra như tất phải xẩy ra. Một là, vì Quốc tế hình như là một « công cụ hòa bình », chứ không phải công cụ chiến tranh. Hai là, vì với « trình độ lực lượng sản xuất » hồi bấy giờ, thì không thể làm khác thế được. Đó là « lỗi » tại « lực lượng sản xuất ». Đó đúng là điều mà thuyết « lực lượng sản xuất » của ngài Cau-sky giải thích cho « chúng ta ». Vả lại ai không tin « thuyết » đó thì không phải là mác-xít. Còn vai trò của các đảng ? Còn sự quan trọng của các đảng trong phong trào ? Nhưng đứng trước một nhân tố quyết định như « trình độ lực lượng sản xuất » thì thử hỏi một đảng có thể làm được trò trống gì ?...

Người ta có thể kể hàng tràng những thí dụ xuyên tạc chủ nghĩa Mác như thế.

Chẳng cần phải chứng minh rằng thứ « chủ nghĩa Mác » đã bị xuyên tạc như thế và cốt để che bộ mặt thật của chủ

nghĩa cơ hội, chỉ là một loại của chính ngay cái thuyết «chủ nghĩa theo đuôi» ấy, cái thuyết đã được làm cho thích hợp với cái kiểu đang thịnh hành ở châu Âu và đã bị Lê-nin đả kích từ trước cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất.

Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng phá hủy sự xuyên tạc lý luận ấy là tạo điều kiện tiên quyết cho việc thành lập các đảng thật sự cách mạng ở phương Tây.

3. *Lý luận về cách mạng vô sản.* Lý luận cách mạng vô sản của Lê-nin xuất phát từ ba nguyên lý cơ bản.

Nguyên lý thứ nhất. — Sự thống trị của tư bản tài chính trong các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến; việc phát hành giá khoản là một trong những nghiệp vụ chủ yếu của tư bản tài chính; việc xuất khẩu tư bản đến những miền có nguyên liệu là một trong những cơ sở của chủ nghĩa đế quốc; quyền lực vô hạn của bọn quả đầu tài chính là kết quả của sự thống trị của tư bản tài chính — tất cả những điều ấy biểu lộ tính chất ăn bám tai hại nhất của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, làm cho cái ách các tờ-rớt và công-xoóc xi-om tư bản chủ nghĩa thấm thía hơn gấp trăm lần, làm tăng mối bất bình của giai cấp công nhân đối với những cơ sở của chủ nghĩa tư bản, đưa quần chúng đến cách mạng vô sản, con đường sống duy nhất. (Xem *Chủ nghĩa đế quốc*[15] của Lê-nin.)

Do đó rút ra kết luận thứ nhất: khủng hoảng cách mạng trầm trọng thêm trong các nước tư bản, các nhân tố bột phát ngày càng có nhiều trên mặt trận nội bộ, mặt trận vô sản, ở các «chính quốc».

Nguyên lý thứ hai. — Việc xuất khẩu tư bản càng ngày càng nhiều vào các nước thuộc địa và phụ thuộc, sự bành trướng những «khu vực ảnh hưởng» và những thuộc địa trên toàn bộ trái đất; sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản thành một *hệ thống thế giới* về sự nô dịch bằng tài chính và áp bức kiểu thuộc địa đối với quảng đại đa số nhân dân trên trái đất bởi một nhúm những nước «tiên tiến» — tất cả những điều ấy, một mặt, biến các nền kinh tế dân tộc và các lãnh thổ dân tộc thành những khâu của sợi xích duy nhất, gọi là nền kinh tế thế giới, và mặt khác, chia nhân dân thế giới ra làm hai

phe: một nhúm những nước tư bản chủ nghĩa « tiên tiến » bóc lột và áp bức những nước thuộc địa và phụ thuộc rộng lớn, và đại đa số những nước thuộc địa và phụ thuộc bắt buộc phải tiến hành cuộc đấu tranh để thoát khỏi ách đế quốc chủ nghĩa. (Xem *Chủ nghĩa đế quốc*.)

Do đó rút ra kết luận thứ hai: khủng hoảng cách mạng trầm trọng thêm trong những nước thuộc địa, nhân tố quật khởi chống chủ nghĩa đế quốc ngày càng có nhiều trên mặt trận bên ngoài, mặt trận thuộc địa.

Nguyên lý thứ ba.— Sự độc chiếm các « khu vực ảnh hưởng » và các thuộc địa; sự phát triển không đều của các nước tư bản chủ nghĩa, sự phát triển đưa đến một cuộc đấu tranh điên cuồng để chia lại thế giới giữa các nước tư bản chủ nghĩa đã chiếm được đất đai và các nước muốn được hưởng « phần »; chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, thủ đoạn duy nhất để khôi phục lại « thăng bằng » đã bị phá hoại, — tất cả những điều ấy làm cho cuộc đấu tranh trên mặt trận thứ ba, giữa các cường quốc tư bản chủ nghĩa, thêm trầm trọng, do đó mà làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc và tạo điều kiện thuận lợi cho sự liên hiệp của hai mặt trận thứ nhất chống chủ nghĩa đế quốc: mặt trận vô sản cách mạng và mặt trận giải phóng thuộc địa. (Xem *Chủ nghĩa đế quốc*.)

Do đó rút ra kết luận thứ ba: dưới chủ nghĩa đế quốc, chiến tranh là không thể tránh được; cách mạng vô sản ở châu Âu và cách mạng thuộc địa ở phương Đông tất nhiên phải liên hợp thành một mặt trận thế giới duy nhất của cách mạng chống mặt trận thế giới của chủ nghĩa đế quốc.

Lê-nin đã tổng hợp tất cả những kết luận ấy thành kết luận chung này: *« chủ nghĩa đế quốc là đêm trước của cách mạng xã hội chủ nghĩa** ». (Xem t. XIX, tr. 71[15].)

Do đó mà chính ngay cách nhận xét vấn đề cách mạng vô sản, tính chất của cách mạng, bề rộng và bề sâu của nó, cũng thay đổi; phương án về cách mạng nói chung, cũng thay đổi.

---

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin.*

Ngày trước, người ta thường phân tích những điều kiện tiên quyết của cách mạng vô sản, căn cứ vào tình hình kinh tế nước này hay nước khác, xét riêng biệt. Hiện nay, cách xét vấn đề như thế không đủ nữa. Hiện nay, phải nhận xét vấn đề, căn cứ vào tình trạng kinh tế của toàn thể hoặc đa số các nước, căn cứ vào tình trạng kinh tế thế giới, vì các nước và nền kinh tế dân tộc không còn là những đơn vị độc lập nữa, mà đã trở thành những khâu của sợi xích duy nhất gọi là nền kinh tế thế giới; vì chủ nghĩa tư bản «văn minh» cũ đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc; mà chủ nghĩa đế quốc lại là hệ thống thế giới về sự nô dịch bằng tài chính và sự áp bức kiểu thuộc địa đối với quảng đại đa số nhân dân trên trái đất bởi một nhúm các nước «tiên tiến».

Ngày trước, người ta thường quen nói đến việc có hay không có những điều kiện khách quan của cách mạng vô sản trong các nước, hoặc đúng hơn, trong một nước đã phát triển nào đó. Hiện nay, cách xét vấn đề như thế không còn đủ nữa. Hiện nay, phải nói đến việc đã có điều kiện khách quan cho cách mạng bùng nổ trong toàn bộ hệ thống kinh tế đế quốc chủ nghĩa thế giới, hệ thống phải được coi là một khối thống nhất; hơn nữa, việc có vài nước chưa phát triển đầy đủ về phương diện công nghiệp, trong cơ thể của hệ thống ấy, không thể là một trở ngại không vượt nổi đối với cách mạng, *nếu* hệ thống ấy, xét toàn bộ, hoặc nói cho đúng hơn, *bởi vì* hệ thống ấy, xét toàn bộ, đã chín muồi đến độ nổ ra cách mạng.

Ngày trước, người ta thường quen nói đến cách mạng vô sản trong một nước đã phát triển nào đó, như một lực lượng tuyệt đối nào đó, đối lập với mặt trận dân tộc nào đó của Tư bản tức là đối phương của cách mạng vô sản. Hiện nay, cách xét vấn đề như thế không đủ nữa. Hiện nay, phải nói đến cách mạng vô sản thế giới, vì các mặt trận dân tộc của Tư bản đã trở thành những khâu của sợi xích duy nhất gọi là mặt trận thế giới của chủ nghĩa đế quốc, và phải đem mặt trận chung của phong trào cách mạng toàn thế giới mà đối lập với mặt trận thế giới ấy của Tư bản.

Ngày trước, người ta xem cuộc cách mạng vô sản như là kết quả của riêng sự phát triển nội bộ của một nước nhất

định. Hiện nay, cách xét vấn đề như thế không đủ nữa. Hiện nay, phải xem cách mạng vô sản, trước hết là kết quả của sự phát triển của những mâu thuẫn trong hệ thống thế giới của chủ nghĩa đế quốc, là kết quả của việc bẻ gẫy sợi xích mặt trận đế quốc chủ nghĩa thế giới ở nước này hoặc ở nước khác.

Cách mạng sẽ bắt đầu ở đâu? Ở đâu, trong nước nào, mặt trận của Tư bản có thể bị chọc thủng trước nhất?

Ở nơi nào mà công nghiệp phát triển nhất, mà giai cấp vô sản chiếm đa số, mà trình độ văn hóa cao hơn, mà chế độ dân chủ rộng hơn, trước kia người ta thường trả lời như thế.

Lý luận của Lê-nin về cách mạng phản đối: *Không, không nhất thiết là ở nơi mà công nghiệp phát triển hơn cả, v.v...* Mặt trận của Tư bản sẽ bị chọc thủng ở nơi mà sợi xích chủ nghĩa đế quốc yếu nhất, vì cách mạng vô sản là kết quả của việc bẻ gẫy sợi xích mặt trận đế quốc chủ nghĩa thế giới, ở điểm yếu nhất của nó, và rất có thể là nước bắt đầu làm cách mạng, nước chọc thủng mặt trận của Tư bản, lại là nước mà về phương diện tư bản chủ nghĩa, thì phát triển kém những nước khác phát triển hơn nhưng vẫn còn nằm trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản.

Năm 1917, sợi xích mặt trận đế quốc chủ nghĩa thế giới ở Nga yếu hơn ở các nước khác. Chính nó đã bị bẻ gẫy tại đó để mở đường cho cách mạng vô sản. Vì sao? Vì ở Nga, đã diễn ra cuộc cách mạng nhân dân lớn nhất do giai cấp vô sản cách mạng lãnh đạo, giai cấp này có một bạn đồng minh đáng kể là hàng triệu nông dân bị đại địa chủ áp bức và bóc lột. Vì ở đấy, kẻ địch của cách mạng là kẻ đại diện xấu xa của chủ nghĩa đế quốc, tức là chế độ Nga hoàng, chế độ đã mất hết uy tín về tinh thần và đáng bị toàn thể dân cư căm thù. Ở Nga, sợi xích ấy đã yếu nhất, mặc dầu nước Nga, về phương diện tư bản chủ nghĩa, là nước không phát triển bằng các nước khác, chẳng hạn như Pháp hay Đức, như Anh hoặc Mỹ.

Trong tương lai gần đây, sợi xích đó sẽ bị đứt đoạn ở đâu? Lại cũng ở chỗ mà nó yếu nhất. Rất có thể là nó bị bẻ gẫy ở

Ấn-độ chẳng hạn. Vì sao? Bởi vì, ở đấy, có một giai cấp vô sản cách mạng trẻ tuổi và hăng hái, giai cấp này có bạn đồng minh là phong trào giải phóng dân tộc, bạn đồng minh thật là quan trọng và thật là đáng kể. Vì trong nước ấy, cách mạng có một kẻ địch mà ai cũng biết, tức là chủ nghĩa đế quốc ngoại quốc, đã mất hết uy tín về tinh thần và đáng bị hết thảy quần chúng bị áp bức và bóc lột ở Ấn-độ căm thù.

Cũng rất có thể sợi xích bị bẻ gẫy ở Đức. Vì sao? Vì những nhân tố đang tác động ở Ấn-độ chẳng hạn, cũng bắt đầu tác động ở Đức. Và lẽ dĩ nhiên, sự khác nhau to lớn giữa trình độ phát triển của Ấn-độ và của nước Đức không thể không ảnh hưởng đến tiến trình và kết cục của cách mạng ở Đức.

Bởi vậy, Lê-nin nói:

« Các nước tư bản Tây Âu hoàn thành bước phát triển của họ đến chủ nghĩa xã hội... không phải do chủ nghĩa xã hội đã « chín muồi » một cách bình thường trong nước họ, mà do việc những Quốc gia này bóc lột những Quốc gia khác, do sự bóc lột Quốc gia đầu tiên bị thua trận trong cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, sự bóc lột ấy gắn liền với sự bóc lột toàn thể phương Đông. Mặt khác, chính vì cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa lần thứ nhất đó mà phương Đông đã bước hẳn vào phong trào cách mạng và đã bị lôi cuốn hẳn vào trong toàn bộ phong trào cách mạng thế giới » (Xem t.XXVII, tr. 415-416[16]).

Tóm lại, theo quy tắc chung, thì sợi xích mặt trận đế quốc chủ nghĩa phải bị bẻ gẫy ở nơi có những khâu yếu nhất, và bất luận trường hợp nào, cũng không nhất thiết là phải bị bẻ gẫy ở nơi mà chủ nghĩa tư bản phát triển nhất, ở nơi mà vô sản chiếm mấy phần trăm và nông dân chiếm mấy phần trăm và vân vân.

Bởi vậy, trong việc giải quyết vấn đề cách mạng vô sản, những sự ước lượng về tỷ lệ phần trăm của vô sản trong nhân dân nước này hay nước khác xét riêng biệt, mất hết ý nghĩa đặc biệt mà những nhà chú giải của Đệ nhị Quốc tế đã sẵn sàng gán cho những sự ước lượng đó, họ không hiểu chủ nghĩa đế quốc là gì và sợ cách mạng như sợ bệnh dịch tả.

Chúng ta bàn tiếp. Các vị anh hùng Đệ nhị Quốc tế đã quả quyết (và vẫn quả quyết) rằng giữa cách mạng tư sản dân chủ

một bên, và cách mạng vô sản một bên, có một vực sâu hoặc thậm chí có một vạn lý trường thành phân cách đôi bên bằng một khoảng thời gian tương đối dài, trong đó giai cấp tư sản nắm được chính quyền thì phát triển chủ nghĩa tư bản, còn giai cấp vô sản thì tích lũy lực lượng và chuẩn bị để tiến hành cuộc «đấu tranh quyết định» chống chủ nghĩa tư bản. Thường thường thì người ta ước lượng quãng thời gian ấy dài hàng chục năm, nếu không phải là ước lượng dài hơn thế. Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng trong những điều kiện chủ nghĩa đế quốc, «thuyết» vạn lý trường thành ấy không có một tý giá trị khoa học nào hết, nó chỉ là và chỉ có thể là một thủ đoạn để che đậy, để hóa trang những sự ham muốn phản cách mạng của giai cấp tư sản. Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng trong những điều kiện chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa mang trong lòng nó mầm mống xung đột và chiến tranh, rằng trong lúc «cách mạng xã hội chủ nghĩa sắp bùng nổ», khi mà chủ nghĩa tư bản «phồn thịnh» chuyển biến thành chủ nghĩa tư bản «giẫy chết» *(Lê-nin)*, còn phong trào cách mạng thì đang lớn lên trong tất cả các nước trên thế giới, khi mà chủ nghĩa đế quốc liên minh với tất cả các lực lượng phản động không trừ một lực lượng nào, cho đến cả chế độ Nga hoàng và chế độ nông nô, và do đó mà làm cho sự liên minh của tất cả các lực lượng cách mạng, kể từ phong trào vô sản ở phương Tây đến phong trào giải phóng dân tộc ở phương Đông, trở thành tất nhiên, khi mà không đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc thì không tiêu diệt được những tàn tích của chế độ phong kiến, — không cần chứng minh cũng thấy rằng trong những điều kiện như thế, thì ở một nước phát triển hoặc ít hoặc nhiều, cách mạng tư sản dân chủ tất sẽ tiến gần đến cách mạng vô sản và cuộc cách mạng thứ nhất phải chuyển biến thành cuộc cách mạng thứ nhì. Lịch sử cuộc cách mạng Nga đã chứng minh một cách hiển nhiên rằng nguyên lý ấy là đúng và không thể chối cãi được. Ngay từ 1905, lúc cách mạng Nga lần thứ nhất sắp bùng nổ, không phải là không có lý do mà Lê-nin đã trình bày, trong quyển *Hai sách lược*, cuộc cách mạng tư sản dân chủ và cuộc cách mạng xã

hội chủ nghĩa như là hai khâu của một sợi xích, như là một bức tranh duy nhất, một bức tranh toàn bộ về quy mô của cách mạng Nga :

« *Giai cấp vô sản phải làm cách mạng dân chủ tới cùng, bằng cách kéo quần chúng nông dân theo mình, để đè bẹp bằng bạo lực sự phản kháng của chế độ chuyên chế và làm tê liệt tính không ổn định của giai cấp tư sản. Giai cấp vô sản phải làm cách mạng xã hội chủ nghĩa bằng cách kéo những thành phần nửa vô sản trong nhân dân theo mình, để dùng bạo lực đập tan sự phản kháng của giai cấp tư sản và làm tê liệt tính không ổn định của nông dân và của giai cấp tiểu tư sản.* Đó là những nhiệm vụ của giai cấp vô sản, những nhiệm vụ mà bọn người thuộc phái *Tia lửa* mới đưa ra trình bày một cách quá cụt ngủn trong tất cả những lập luận và trong tất cả những nghị quyết của họ về quy mô của cách mạng. » (Xem t.VIII, tr. 96[17].)

Đấy là tôi còn chưa nói đến những tác phẩm khác, mới hơn của Lê-nin ; trong những tác phẩm đó, ý niệm về sự chuyển biến của cách mạng tư sản thành cách mạng vô sản biểu lộ ra rõ rệt hơn trong quyển *Hai sách lược*, như một trong những viên đá tảng của lý luận của Lê-nin về cách mạng.

Hình như một số đồng chí tưởng rằng mãi đến 1916, Lê-nin mới nghĩ được như thế, rằng từ trước đến lúc đó, Người vẫn cho là cách mạng ở Nga phải đóng khung trong phạm vi tư sản, rằng do đó mà chính quyền sẽ chuyển từ tay cơ quan của chuyên chính vô sản và nông dân sang tay giai cấp tư sản, chứ không phải sang tay giai cấp vô sản. Người ta nói rằng sự khẳng định ấy cũng đã thâm nhập vào báo chí cộng sản chúng ta. Tôi phải nói rằng sự khẳng định ấy hoàn toàn sai, nó không đúng với sự thật chút nào cả.

Tôi có thể dẫn chứng bài diễn văn mà người ta đều biết của Lê-nin đọc tại Đại hội thứ III của Đảng (1905), trong đó Lê-nin coi chuyên chính của vô sản và nông dân, nghĩa là thắng lợi của cách mạng dân chủ, không phải là « tổ chức của « trật tự », mà là « tổ chức của chiến tranh ». (Xem t. VII, tr. 264 [18].)

Tôi lại có thể dẫn chứng những bài mà người ta đều biết của Lê-nin « *Bàn về chính phủ lâm thời* » (1905)[19], trong đó, khi trình bày triển vọng phát triển của cách mạng Nga, Lê-nin giao phó cho Đảng nhiệm vụ « làm thế nào cho cách mạng Nga

không phải là một phong trào vài tháng mà là một phong trào nhiều năm; làm thế nào cho nó không phải chỉ thu được những nhân nhượng vụn vặt của những kẻ nắm chính quyền mà lại lật đổ hoàn toàn được chính quyền ấy», — những bài trong đó, khi phát triển triển vọng ấy thêm nữa và gắn chặt nó vào cuộc cách mạng ở châu Âu, Lê-nin viết tiếp:

« Và, nếu người ta đạt được như thế, thì lúc đó... lúc đó ngọn lửa cách mạng sẽ bừng đỏ khắp châu Âu; người công nhân châu Âu không thể chịu đựng được ách phản động tư sản nữa, đến lượt họ sẽ vùng dậy và cho chúng ta thấy là « phải làm như thế nào »; lúc đó cao trào cách mạng ở châu Âu sẽ ảnh hưởng trở lại nước Nga và sẽ biến một thời đại mấy năm cách mạng thành một thời đại mấy chục năm cách mạng... » (Xem t. VII, tr.191 [20].)

Tôi lại có thể dẫn chứng bài mà người ta điều biết của Lê-nin đăng hồi tháng Một 1915 và trong đó Người viết:

« Giai cấp vô sản đấu tranh và sẽ đấu tranh quên mình để cướp chính quyền, để thành lập nước Cộng hòa, để tịch thu ruộng đất... để làm cho « quần chúng nhân dân *phi* vô sản » tham dự vào công cuộc giải phóng nước Nga tư sản ra khỏi ách của « chủ nghĩa đế quốc » *quân sự - phong kiến* (= chế độ Nga hoàng). Và giai cấp vô sản sẽ lợi dụng *tức khắc** cuộc giải phóng ấy, cuộc giải phóng nước Nga tư sản ra khỏi ách của chế độ Nga hoàng, ra khỏi quyền hành của bọn đại địa chủ đối với ruộng đất, không phải là để giúp đỡ nông dân sung túc đấu tranh chống công nhân nông nghiệp, nhưng là để liên minh với vô sản châu Âu mà hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa. » (Xem t. XVIII, tr.318 [21].)

Cuối cùng tôi có thể dẫn chứng một đoạn mà người ta biết ở trong quyển *Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-sky*, trong đó, Lê-nin, căn cứ vào đoạn trích dẫn trên kia trong cuốn *Hai sách lược***, nói về quy mô của cuộc cách mạng Nga, mà đi đến kết luận sau đây:

« Tất cả mọi cái đều xảy ra đúng như chúng ta đã nói. Tiến trình của cách mạng đã xác nhận lý lẽ của chúng ta là đúng. *Trước hết* là, cùng với « toàn thể » nông dân chống chế độ quân chủ, chống bọn đại địa chủ, chống chế độ phong kiến (vì thế nên cách mạng vẫn còn là cách mạng tư sản, là cách mạng dân chủ tư sản). Sau đó, thì cùng

---

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin.*

** Xem tập này, trang 37. (*B.T.*)

với nông dân nghèo, cùng với tầng lớp nửa vô sản, với tất cả những người bị bóc lột, *chống lại chủ nghĩa tư bản* kể cả bọn nhà giàu ở nông thôn, bọn cu-lắc, bọn đầu cơ; vì thế nên cách mạng trở thành *cách mạng xã hội chủ nghĩa*. Muốn dựng lên một cách giả tạo một bức vạn lý trường thành giữa hai cuộc cách mạng đó, muốn tách rời hai cuộc cách mạng đó bằng một cái gì khác *chứ không phải bằng* trình độ chuẩn bị của giai cấp vô sản và trình độ liên hợp của giai cấp vô sản với nông dân nghèo, thì như thế là xuyên tạc chủ nghĩa Mác đến cùng cực, là bôi nhọ chủ nghĩa Mác, là đem chủ nghĩa tự do thay thế chủ nghĩa Mác». (Xem t. XXIII, tr 391 [9].)

Tôi thiết tưởng dẫn chứng như thế là đủ rồi.

Người ta sẽ nói: Được! Nhưng nếu đúng như thế thì tại sao Lê-nin lại đã đả phá ý niệm «cách mạng thường trực (không ngừng)»?

Vì Lê-nin chủ trương «tận dụng» những khả năng cách mạng của nông dân và sử dụng triệt để nghị lực cách mạng của nông dân để thủ tiêu hoàn toàn chế độ Nga hoàng và để chuyển sang cách mạng vô sản; trái lại những kẻ chủ trương «cách mạng thường trực» đã không hiểu tác dụng trọng đại của nông dân trong cách mạng Nga, đã đánh giá thấp nghị lực cách mạng của nông dân, đánh giá thấp lực lượng của giai cấp vô sản Nga, và khả năng lôi cuốn nông dân đi theo mình của giai cấp vô sản đó, và do đó, làm khó khăn thêm cho sự nghiệp giải phóng nông dân ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản, cho sự nghiệp tập hợp nông dân chung quanh giai cấp vô sản.

Vì Lê-nin chủ trương *hoàn thành* sự nghiệp cách mạng bằng việc chuyển chính quyền vào tay giai cấp vô sản, còn bọn chủ trương cách mạng «thường trực» lại muốn *mở đầu* ngay bằng chính quyền của giai cấp vô sản; họ không hiểu rằng như thế là họ đã nhắm mắt trước cái «chi tiết» này là những tàn tích của chủ nghĩa phong kiến và họ không đếm xỉa đến cái lực lượng đáng kể là nông dân Nga; họ không hiểu rằng một chính sách như thế chỉ có thể kìm hãm sự tranh thủ nông dân đứng về phía giai cấp vô sản.

Như vậy thì Lê-nin đấu tranh chống bọn chủ trương cách mạng «thường trực», không phải tại bọn này khẳng định tính

chất không ngừng của cách mạng, vì chính Lê-nin cũng chủ trương cách mạng không ngừng, mà tại chúng đánh giá thấp vai trò của nông dân, lực lượng hậu bị lớn nhất của giai cấp vô sản, vì chúng không hiểu ý niệm quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản.

Người ta không thể coi ý niệm cách mạng «thường trực» là một ý niệm mới được. Ý niệm này đã được Mác đề ra, lần đầu tiên, vào khoảng 1850, trong văn kiện nổi tiếng: *Thư gửi cho Liên đoàn những người cộng sản*. Chính trong văn kiện ấy mà «bọn thường trực» của chúng ta đã rút ra ý niệm cách mạng không ngừng. Cần phải ghi rằng khi đã lấy ý kiến ấy của Mác, «bọn thường trực» của chúng ta đã đem chế biến đi ít nhiều, và vì đem chế biến đi nên đã làm «hư hỏng» ý kiến đó và làm cho nó không thể đem dùng trong thực tiễn được nữa. Phải đến bàn tay lão luyện của Lê-nin mới sửa chữa được sai lầm ấy, mới lấy được ý niệm cách mạng không ngừng của Mác dưới hình thức thật sự của nó và đem nó làm thành một trong những hòn đá tảng của lý luận của Lê-nin về cách mạng.

Sau khi kê ra trong *Bức thư* một loạt yêu sách dân chủ cách mạng mà ông kêu gọi những người cộng sản phải giành cho được, Mác nói về cách mạng không ngừng (thường trực) như sau:

«Trong khi những người tiểu tư sản dân chủ muốn kết thúc thật nhanh chóng cuộc cách mạng bằng cách thỏa mãn số tối đa những yêu sách kể trên, thì lợi ích và nhiệm vụ của chúng ta là làm cho cách mạng trở thành cách mạng thường trực, chừng nào mà tất cả các giai cấp ít nhiều hữu sản chưa bị gạt ra ngoài chính quyền, mà giai cấp vô sản chưa cướp được chính quyền Nhà nước, mà những tổ chức của vô sản trong tất cả các nước chủ yếu trên thế giới, chứ không phải chỉ trong một nước, chưa được phát triển đủ để chấm dứt cạnh tranh giữa vô sản các nước ấy, và chừng nào mà các lực lượng sản xuất, ít nhất là các lực lượng quyết định, chưa tập trung trong tay vô sản.»

Nói cách khác:

a) *Ngược lại* với những kế hoạch của «bọn thường trực» Nga của chúng ta, Mác không hề chủ trương *mở đầu* cuộc cách mạng ở Đức hồi những năm 50, trực tiếp bằng chính quyền vô sản;

b) Mác chỉ chủ trương kiến lập chính quyền Nhà nước vô sản để *hoàn thành* công cuộc cách mạng bằng cách lật đổ một cách tuần tự, hết bọn này đến bọn khác, tất cả những phái của giai cấp tư sản, để rồi, một khi giai cấp vô sản lên nắm chính quyền, thì nhóm ngọn lửa cách mạng trong tất cả các nước. Tất cả những điều mà Lê-nin đã căn cứ theo lý luận của mình về cách mạng vô sản trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc mà dạy chúng ta và thực hiện trong quá trình cách mạng ở nước ta, đều *hoàn toàn phù hợp* với chủ trương trên đây của Mác.

Như vậy, «bọn thường trực» Nga của chúng ta không những đã đánh giá thấp vai trò của nông dân trong cách mạng Nga, cũng như đã đánh giá thấp sự quan trọng của ý niệm quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản, mà lại còn chế biến (đồng thời làm hư hỏng) ý niệm cách mạng «thường trực» của Mác và làm cho nó không thể đem dùng trong thực tiễn được.

Đó là lẽ tại sao Lê-nin đã chế giễu lý luận của «bọn thường trực» nước ta, Người gọi lý luận ấy là lý luận «độc đáo» và «huy hoàng», mà trách cứ họ là đã không muốn «suy nghĩ về những lý do mà trong mười năm, cuộc sống đã không để ý tới lý luận huy hoàng ấy». (Lê-nin viết bài này năm 1915, tức là mười năm sau ngày lý luận của «bọn thường trực» xuất hiện ở Nga. (Xem t. XVIII, tr. 317[21].)

Bởi vậy, Lê-nin coi lý luận ấy là lý luận nửa men-sê-vích, Người nói rằng nó «mượn của những người bôn-sê-vích lời kêu gọi giai cấp vô sản đấu tranh cách mạng kiên quyết và cướp chính quyền; nó mượn của những người men-sê-vích sự «phủ nhận» vai trò của nông dân». (*Như trên*, xem bài «Hai đường lối cách mạng» của Lê-nin.)

Đấy là những ý kiến của Lê-nin về sự chuyển biến cách mạng dân chủ tư sản thành cách mạng vô sản, về việc lợi dụng cách mạng tư sản để «tức khắc» chuyển sang cách mạng vô sản.

Chúng ta bàn tiếp. Ngày trước, người ta cho rằng cách mạng không thể thắng lợi trong riêng một nước được, vì người ta tưởng rằng muốn thắng giai cấp tư sản, thì phải có hành động chung của vô sản ở toàn thể các nước tiên tiến hoặc ít

ra ở đa số các nước ấy. Hiện nay, quan điểm ấy không thích hợp với tình hình thực tế nữa. Hiện nay, phải xuất phát từ khả năng có thể có thắng lợi ấy, vì sự phát triển không đồng đều và nhảy vọt của các nước tư bản chủ nghĩa trong những điều kiện của chủ nghĩa đế quốc; sự phát triển của những mâu thuẫn tai hại trong nội bộ chủ nghĩa đế quốc, những mâu thuẫn đưa đến những cuộc chiến tranh không tránh được; sự trưởng thành của phong trào cách mạng trong tất cả các nước trên thế giới; tất cả những điều ấy không những đưa đến chỗ giai cấp vô sản chẳng những có khả năng thắng lợi mà tất yếu sẽ thắng lợi trong những nước riêng biệt. Lịch sử của cách mạng ở Nga là một bằng chứng trực tiếp. Tuy nhiên, ở đây, cần phải nhớ rằng chỉ có thể thực hiện thắng lợi việc lật đổ giai cấp tư sản, khi đã có đủ một số điều kiện tối cần thiết, không có những điều kiện này thì đừng hòng nghĩ đến việc giai cấp vô sản cướp chính quyền.

Dưới đây là những lời Lê-nin nói về những điều kiện ấy trong quyển *Bệnh ấu trĩ :*

« Quy luật cơ bản của cách mạng đã được mọi cuộc cách mạng và nhất là ba cuộc cách mạng Nga trong thế kỷ XX xác nhận, là: muốn cho cách mạng nổ ra, thì không phải chỉ cần quần chúng bị áp bức và bị bóc lột nhận thức được rằng không thể sống như trước nữa, và đòi hỏi phải có những sự thay đổi, là đủ. Muốn cho cách mạng nổ ra, còn phải có điều kiện là những kẻ bóc lột không thể sống và thống trị như trước nữa. Chỉ khi nào « *những người bên dưới* » *không muốn* và « những kẻ bên trên » *không thể tiếp tục* sống theo lối cũ được nữa thì khi ấy cách mạng mới có thể thắng lợi. Chân lý đó, nói một cách khác là: *không thể có cách mạng, nếu không có một cuộc khủng hoảng toàn quốc (lay chuyển cả đám người bị bóc lột lẫn đám người bóc lột)**. Vậy cho nên muốn có một cuộc cách mạng, thì phải: một là đa số công nhân (hay dù sao cũng là đa số công nhân giác ngộ, có suy nghĩ, tích cực về mặt chính trị) hoàn toàn hiểu được rằng cách mạng là cần thiết và sẵn sàng hy sinh vì cách mạng, hai là các giai cấp thống trị phải lâm vào một cuộc khủng hoảng chính phủ, khủng hoảng này lôi cuốn đến cả số quần chúng lạc hậu nhất vào trong sinh hoạt chính trị..., làm cho chính phủ suy nhược đi và tạo điều kiện cho những người cách mạng có thể lật đổ chính phủ ấy một cách nhanh chóng.» (Xem t. XXV, tr. 222.)

---

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin.*

Nhưng lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản và thiết lập chính quyền của giai cấp vô sản trong riêng một nước, chưa phải là bảo đảm sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội. Sau khi củng cố chính quyền và lôi cuốn được nông dân đi theo mình, giai cấp vô sản của nước thắng lợi có thể và phải kiến thiết xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhưng như thế có phải có nghĩa là do đó mà giai cấp đó sẽ đi tới thắng lợi hoàn toàn, thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa xã hội không? Nói cách khác, như thế có phải có nghĩa là giai cấp đó có thể dùng lực lượng riêng của nước mình mà thiết lập xong xuôi chủ nghĩa xã hội và bảo đảm hoàn toàn cho nước nhà khỏi cái họa can thiệp và do đó khỏi cái họa phục hồi của chế độ cũ không? Lẽ dĩ nhiên là không. Muốn thế, thì cách mạng phải thắng lợi ít nhất ở vài nước. Bởi vậy, cách mạng thắng lợi có nhiệm vụ chủ yếu là phát triển và ủng hộ cách mạng ở những nước khác. Bởi vậy, cách mạng của nước thắng lợi không được tự coi là một lực lượng độc lập tự trị, mà phải tự coi là một trợ lực, là một công cụ để thúc cho thắng lợi của giai cấp vô sản ở các nước khác chóng tới.

Tư tưởng ấy, Lê-nin đã diễn đạt vắn tắt là: nhiệm vụ của cuộc cách mạng thắng lợi là phải làm « đến mức tối đa những điều có thể thực hiện được trong một nước *để* phát triển, ủng hộ, thức tỉnh cách mạng *ở tất cả các nước* ». (Xem t. XXIII, tr. 385.)

Tóm lại, đấy là những đặc trưng của lý luận của Lê-nin về cách mạng vô sản.

IV

CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN

Về đề mục này, tôi sẽ nói đến ba vấn đề cơ bản:

a) chuyên chính vô sản, công cụ của cách mạng vô sản;

b) chuyên chính vô sản, sự thống trị của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản;

c) chính quyền xô-viết, hình thức Nhà nước của chuyên chính vô sản.

1. *Chuyên chính vô sản, công cụ của cách mạng vô sản.* Vấn đề chuyên chính vô sản trước hết là vấn đề nội dung chủ yếu của cách mạng vô sản. Cách mạng vô sản, sự tiến triển của nó, quy mô của nó, những thành quả của nó chỉ thực hiện cụ thể được là nhờ chuyên chính vô sản. Chuyên chính vô sản là công cụ, là cơ quan, là chỗ dựa quan trọng nhất của cách mạng vô sản, sinh ra trước hết là để đè bẹp sức phản kháng của bọn bóc lột đã bị lật đổ và để củng cố những thành quả của chuyên chính vô sản, và sau nữa là để đưa cách mạng vô sản đi đến cùng, đưa cách mạng đến thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội. Chiến thắng giai cấp tư sản, lật đổ chính quyền của nó, cách mạng có thể làm được những việc đó, mà không cần đến chuyên chính vô sản. Nhưng đè bẹp sự phản kháng của giai cấp tư sản, duy trì thắng lợi và tiến đến thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa xã hội lại là những việc mà cách mạng sẽ không thể nào làm được, nếu như đến một mức độ phát triển nào đó, nó không lập ra một cơ quan đặc biệt dưới hình thức chuyên chính vô sản để làm chỗ dựa cơ bản cho mình.

« Vấn đề chính quyền là vấn đề cơ bản của tất cả mọi cuộc cách mạng » *(Lê-nin)*. Như thế phải chăng có nghĩa là ở đây người ta chỉ việc nắm lấy chính quyền, đoạt lấy chính quyền là đủ rồi hay sao? Hiển nhiên là không. Nắm được chính quyền chỉ mới là bước đầu của nhiệm vụ. Giai cấp tư sản bị lật đổ trong một nước, trong một thời gian lâu dài vẫn còn mạnh hơn, — vì nhiều lẽ, — giai cấp vô sản đã lật đổ nó. Cho nên toàn bộ vấn đề là ở chỗ giữ được chính quyền, củng cố nó, làm cho nó trở nên vô địch. Phải làm gì để đạt mục đích ấy? Ít nhất là phải làm tròn ba nhiệm vụ chính đặt ra cho nền chuyên chính vô sản « ngay sau » ngày thắng lợi của cách mạng:

a) đập tan sự phản kháng của bọn đại địa chủ và bọn tư bản đã bị cách mạng lật đổ và tước đoạt, tiêu diệt tất cả những mưu toan của chúng muốn khôi phục lại chính quyền của Tư bản;

b) tổ chức công cuộc kiến thiết bằng cách tập hợp tất cả những người lao động xung quanh giai cấp vô sản, và hướng công tác ấy vào chỗ sao cho chuẩn bị được việc tiêu diệt, xóa bỏ các giai cấp ;

c) võ trang cho cách mạng, tổ chức quân đội của cách mạng để đấu tranh chống những kẻ thù bên ngoài, để đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Muốn hoàn thành những nhiệm vụ ấy thì cần có chuyên chính vô sản.

Lê-nin nói :

« Bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa cộng sản, là cả một thời đại lịch sử. Chừng nào mà thời đại đó chưa chấm dứt, thì bọn bóc lột nhất định vẫn còn nuôi cái hy vọng hồi phục, *hy vọng* này sẽ biến thành *những hành động mưu toan* hồi phục. Sau cuộc thất bại nặng nề lần đầu, bọn bóc lột vốn không hề ngờ là sẽ bị đánh đổ, không mảy may tin là sẽ như thế và không hề muốn nghĩ đến chuyện đó, nên chúng lao mình vào trận chiến đấu với một nghị lực tăng gấp mười lần, với một sự say mê cuồng dại, với một lòng căm thù tăng gấp trăm lần, để chiếm lại « thiên đường » đã mất, cho gia đình của chúng trước kia đã từng sống một cuộc đời rất êm ấm, mà ngày nay đang bị « đám dân đen » buộc phải lâm vào cảnh phá sản và bần cùng (hay buộc phải lao động « hèn hạ »...) Và đằng sau bọn tư bản bóc lột đó, là quảng đại quần chúng tiểu tư sản, tầng lớp mà hàng chục năm kinh nghiệm lịch sử ở tất cả các nước đã chứng tỏ là họ ngập ngừng và dao động, hôm nay thì đi theo giai cấp vô sản và ngày mai, vì sợ những khó khăn của cách mạng, rồi hễ thấy công nhân mới hơi thất bại hoặc thất bại một nửa, thì đâm ra hoảng hốt, hoang mang, cuống cuồng, khóc lóc, chạy hết phe này sang phe khác. » (Xem t. XXIII, tr. 355[9].)

Giai cấp tư sản có những lý do của nó trong khi mưu toan hồi phục, vì sau khi bị lật đổ, trong một thời gian lâu dài, nó vẫn còn mạnh hơn giai cấp vô sản đã lật đổ nó.

Lê-nin nói :

« Nếu bọn bóc lột chỉ bị đánh đổ trong độc một nước thôi, — dĩ nhiên đấy là trường hợp điển hình, vì cách mạng đồng thời nổ ra ở nhiều nước là một ngoại lệ hiếm có,— thì *tuy vậy*, chúng cũng vẫn còn *mạnh hơn* những người bị bóc lột. » (*Như trên*, tr. 354.)

Lực lượng của giai cấp tư sản đã bị lật đổ, lực lượng đó là ở chỗ nào ?

Một là, «ở lực lượng của tư bản quốc tế, ở những mối liên lạc quốc tế mạnh mẽ và vững chắc của giai cấp tư sản» (Xem t. XXV, tr. 173[4].)

Hai là, ở chỗ «một thời gian lâu sau cách mạng, bọn bóc lột tất nhiên vẫn còn giữ được nhiều ưu thế thực tế và đáng kể: chúng còn có tiền bạc (không thể xóa bỏ điều đó ngay một lúc được), còn có một số động sản nào đó, thường là to lớn; chúng còn có những mối liên hệ, những kỹ năng tổ chức và quản lý, còn có sự hiểu biết về tất cả mọi «bí quyết» trong việc quản lý (như tập quán, phương pháp, thủ đoạn, khả năng); chúng vẫn còn có một trình độ học vấn cao hơn, còn những quan hệ gần gũi với những nhân viên kỹ thuật cao cấp (những người này do đời sống và tư tưởng của họ, họ vẫn còn có tính chất tư sản); chúng còn có một kinh nghiệm vô cùng cao hơn về mặt nghệ thuật quân sự (đó là điều rất quan trọng), v.v., v.v.». (Xem t. XXIII, tr. 354[5].)

Ba là «ở *sức mạnh của tập quán*, ở sức mạnh của nền *tiểu sản xuất*, vì, rủi thay, hiện nay trên thế giới, nền tiểu sản xuất đang còn chiếm phần hết sức, hết sức lớn; mà nền tiểu sản xuất thì lại từng ngày, từng giờ, luôn luôn *đẻ ra* chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản, một cách tự phát và trên những quy mô rộng lớn»... vì «xóa bỏ các giai cấp không phải chỉ là tống cổ bọn đại địa chủ đi, — đối với chúng ta, việc này tương đối dễ — mà còn phải *xóa bỏ tầng lớp những người tiểu sản xuất hàng hóa* nữa; nhưng đối với những người này thì *không thể tống cổ họ đi được*, không thể đè bẹp họ, mà phải *ăn ở thuận hòa* với họ. Chúng ta có thể (và phải) cải tạo họ, giáo dục lại họ, — nhưng chỉ bằng một công tác tổ chức rất lâu dài, rất chậm và rất thận trọng.» (Xem t. XXV, tr. 173 và 189[6].)

Bởi vậy Lê-nin nói:

«Chuyên chính vô sản là cuộc chiến tranh anh dũng nhất và quyết liệt nhất của giai cấp mới chống một kẻ thù *mạnh hơn*, chống giai cấp tư sản là giai cấp có một sức phản kháng càng tăng lên *gấp bội* do chỗ nó bị lật đổ»,

rằng «chuyên chính vô sản là một cuộc đấu tranh kiên trì, đổ máu và không đổ máu, bạo lực và hòa bình, bằng quân sự và kinh tế, bằng giáo dục và hành chính, chống những thế lực và tập tục của xã hội cũ». (*Như trên*, tr. 173 và 190.)

Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng tuyệt đối không thể hoàn thành được những nhiệm vụ ấy trong một thời hạn ngắn, không thể thực hiện được tất cả những điều đó trong vòng vài năm. Cho nên phải coi chuyên chính vô sản, tức là bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa cộng sản,

không phải là một thời kỳ ngắn ngủi dùng những pháp lệnh và những sắc lệnh « rất mực cách mạng », mà là cả một thời đại lịch sử đầy rẫy những cuộc nội chiến và những cuộc xung đột với bên ngoài, đầy rẫy công tác kiên trì về tổ chức và kiến thiết kinh tế, đầy rẫy những cuộc tấn công và thoái thủ, những thắng lợi và thất bại. Thời đại lịch sử này là tất yếu, không những để tạo những tiền đề kinh tế và văn hóa cho sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội, mà còn để giúp cho giai cấp vô sản, một là tự giáo dục và tự rèn luyện thành một lực lượng có thể lãnh đạo nước nhà ; hai là giáo dục lại và cải tạo các tầng lớp tiểu tư sản theo hướng bảo đảm sự tổ chức của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Mác đã nói với công nhân :

« Các bạn sẽ phải trải qua mười lăm, hai mươi, năm mươi năm nội chiến và chiến tranh giữa các dân tộc, không những để thay đổi các quan hệ hiện có, mà còn để thay đổi ngay cả bản thân các bạn nữa và để làm cho các bạn có đủ sức thi hành chính quyền. » (Mác và Ăng-ghen : *Toàn tập*, t.VIII, tr. 506[22].)

Tiếp tục và phát triển tư tưởng này của Mác, Lê-nin viết :

« Dưới nền chuyên chính vô sản, sẽ phải giáo dục lại hàng triệu nông dân, tiểu chủ, hàng chục vạn nhân viên, công chức, trí thức tư sản, làm cho tất cả những người ấy phục tùng Nhà nước vô sản và chịu quyền lãnh đạo vô sản, sẽ phải chiến thắng những thói quen và tập truyền tư sản của họ » cũng như là phải «... trải qua một cuộc đấu tranh lâu dài, trên cơ sở chuyên chính vô sản, mà tiến hành giáo dục lại ngay cả những người vô sản nữa, vì chính ngay những người vô sản cũng không thể bỗng chốc mà gột rửa ngay được những thiên kiến tiểu tư sản, bằng phép mầu, bằng chỉ lệnh của Đức bà, bằng ý muốn của một khẩu hiệu, của một nghị quyết, một sắc lệnh, mà chỉ có trải qua một cuộc đấu tranh quần chúng lâu dài và khó khăn, chống lại ảnh hưởng của quần chúng tiểu tư sản, mới gột rửa được ». (Xem t. XXV, tr. 248 và 247[6].)

2. *Chuyên chính vô sản, sự thống trị của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản.* Những điều chúng ta đã nói, chứng tỏ rằng chuyên chính vô sản không phải là một cuộc thay đổi thông thường những người trong chính phủ, không phải là một cuộc thay đổi « nội các », v.v..., mà vẫn còn giữ y nguyên chế độ kinh tế và chính trị cũ. Bọn men-sê-vích và bọn cơ hội

chủ nghĩa ở tất cả các nước sợ chuyên chính như sợ lửa và vì khiếp sợ, nên chúng đem khái niệm «giành chính quyền» thay thế vào khái niệm chuyên chính, thường cho việc «giành chính quyền» chỉ là một cuộc «thay đổi nội các», chỉ là sự xuất hiện trong chính quyền một nội các mới gồm những người như Sây-đơ-man và Nô-scơ, Mác-Đô-nan và Hen-đéc-xơn. Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng những việc thay đổi nội các như thế và những việc thay đổi khác tương tự, đều không có dính dáng gì với chuyên chính vô sản cả, với việc giai cấp vô sản chân chính giành chính quyền chân chính cả. Bọn Mác-Đô-nan và Sây-đơ-man mà chấp chính, thì chế độ cũ của giai cấp tư sản vẫn được duy trì, những cái mà chúng gọi là chính phủ của chúng chẳng qua chỉ là một bộ máy phục vụ giai cấp tư sản, một sự che đậy những ung nhọt của chủ nghĩa đế quốc, một công cụ trong tay giai cấp tư sản chống phong trào cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột. Tư bản chỉ cần đến chính những chính phủ ấy là để làm bình phong, khi nào mà không có bình phong ấy thì nó không thể áp bức và bóc lột quần chúng một cách thuận tiện, có lợi và dễ dàng được. Thật vậy, sự xuất hiện những chính phủ như thế là một dấu hiệu chứng tỏ rằng «ở đó» (nghĩa là trong bọn tư bản), ở «trên đèo Síp-ca», mọi việc chẳng phải đều yên ổn cả đâu [23], nhưng mặc dầu như thế, những chính phủ thuộc loại ấy tất nhiên cũng vẫn là những chính phủ của Tư bản đã hóa trang đi mà thôi. Từ một chính phủ Mác-Đô-nan hoặc Sây-đơ-man đến việc giai cấp vô sản giành chính quyền, thật là xa cách một trời một vực. Chuyên chính vô sản không phải là một sự thay đổi chính phủ, mà là một Nhà nước mới với những cơ quan chính quyền mới ở trung ương và ở địa phương, Nhà nước của giai cấp vô sản, xuất hiện trên sự đổ nát của Nhà nước cũ, của Nhà nước của giai cấp tư sản.

Chuyên chính vô sản xuất hiện không phải trên cơ sở của chế độ tư sản, mà xuất hiện trong quá trình phá hủy chế độ ấy, sau khi đã lật đổ giai cấp tư sản, trong quá trình tước đoạt tài sản của bọn đại địa chủ và bọn tư bản, trong quá trình xã hội hóa các công cụ và tư liệu sản xuất chủ yếu, trong

quá trình tiến hành cách mạng vô sản bằng bạo lực. Chuyên chính vô sản là một chính quyền cách mạng, dựa vào việc dùng bạo lực đối với giai cấp tư sản.

Trong tay giai cấp thống trị, Nhà nước là một bộ máy dùng để đè bẹp sự phản kháng của những kẻ thù giai cấp của nó. *Về phương diện ấy*, đứng về mặt thực chất mà nói, thì chuyên chính vô sản cũng không khác gì chuyên chính của bất cứ giai cấp nào khác, bởi vì Nhà nước vô sản là một bộ máy dùng để đè bẹp giai cấp tư sản. Nhưng ở đây, vẫn có một sự khác nhau *chủ yếu*. Tức là tất cả các Nhà nước giai cấp vốn có từ trước đến nay đều là chuyên chính của thiểu số bóc lột đối với đa số bị bóc lột, còn chuyên chính vô sản là chuyên chính của đa số bị bóc lột đối với thiểu số bóc lột.

Tóm lại: *chuyên chính vô sản là sự thống trị của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản, sự thống trị không bị pháp luật hạn chế, nó dựa vào bạo lực và được sự đồng tình và ủng hộ của quần chúng cần lao và quần chúng bị bóc lột.* (Lê-nin: *Nhà nước và Cách mạng.*)

Do đó, rút ra hai kết luận căn bản:

Kết luận thứ nhất. Chuyên chính vô sản không thể là nền dân chủ «toàn vẹn», nền dân chủ cho *hết thảy mọi người*, cho cả người giàu lẫn người nghèo; chuyên chính vô sản «phải là một Nhà nước dân chủ *theo một lối mới* (*cho** những người vô sản và những người tay trắng nói chung) và phải là chuyên chính *theo một lối mới* (*chống** giai cấp tư sản)». (Xem t. XXI, tr. 393[24].) Những luận điệu của Cau-sky và đồng bọn về quyền bình đẳng phổ biến, về dân chủ «thuần túy», về dân chủ hoàn thiện» v.v..., chỉ là hành động của giai cấp tư sản che giấu sự thật hiển nhiên là không thể có bình đẳng giữa những người bị bóc lột và những kẻ bóc lột được. Thuyết dân chủ «thuần túy» là thuyết của bọn công nhân quý tộc đã được bọn ăn cướp đế quốc chủ nghĩa huấn luyện và nuôi dưỡng. Thuyết đó được nặn ra để che đậy những ung nhọt của chủ nghĩa tư bản, để làm cho chủ nghĩa đế quốc bớt tính chất kinh

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin.*

tởm đi và để tạo cho chúng một lực lượng tinh thần trong cuộc đấu tranh chống quần chúng bị bóc lột. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, những người bị bóc lột không có và cũng không thể có được những quyền « tự do » thực sự, ít ra thì cũng là vì các trụ sở, các nhà in, các kho giấy v.v... cần cho việc sử dụng các quyền « tự do » ấy, đều là đặc quyền của bọn bóc lột. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, không có và cũng không thể có được sự tham dự thực sự của quần chúng bị bóc lột vào việc quản lý quốc gia, ít ra thì cũng là vì trong những điều kiện của chủ nghĩa tư bản, ngay cả dưới chế độ dân chủ nhất, các chính phủ đều không phải do dân chúng mà là do bọn Rốt-sin và Sti-nét, bọn Rốc-cơ-phi-lơ và Moóc-gan [25] thiết lập ra. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nền dân chủ là một nền dân chủ *tư bản chủ nghĩa*, nền dân chủ của thiểu số bóc lột, dựa trên sự hạn chế quyền của đa số bị bóc lột và chống lại đa số ấy. Chỉ có dưới nền chuyên chính vô sản thì những người bị bóc lột mới có thể có được những quyền tự do thực sự và những người vô sản và nông dân mới có thể thực sự được tham gia vào việc quản lý quốc gia. Dưới nền chuyên chính vô sản, dân chủ là một nền dân chủ *vô sản*, tức là nền dân chủ của đa số bị bóc lột, dựa trên sự hạn chế quyền của thiểu số bóc lột, và chống lại thiểu số ấy.

Kết luận thứ hai. Chuyên chính vô sản không thể là kết quả của sự phát triển hòa bình của xã hội tư sản và của nền dân chủ tư sản được, — chuyên chính đó chỉ có thể là kết quả của sự phá hủy bộ máy Nhà nước tư sản, quân đội tư sản, bộ máy hành chính tư sản, cảnh sát tư sản.

Trong bài tựa *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăng-ghen nói:

« Giai cấp công nhân không thể chỉ giản đơn chiếm lấy bộ máy Nhà nước sẵn có và vận dụng nó để đạt những mục đích của mình ». Trong một bức thư gửi cho Cu-ghen-man hồi 1871, Mác viết rằng cách mạng vô sản không nên « ... như vẫn làm từ trước đến nay, là đem bộ máy quan liêu và quân phiệt chuyển từ tay này qua tay khác, *mà phải đập tan nó đi*. Đấy là điều kiện tiên quyết của mọi cuộc cách mạng nhân dân chân chính ở lục địa. »

Việc Mác chỉ đặt vấn đề đó trong khuôn khổ lục địa là một cớ cho bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn men-sê-vích ở tất cả các

nước vin vào mà kêu lớn lên rằng Mác đã thừa nhận là có khả năng phát triển hòa bình từ nền dân chủ tư sản tiến sang nền dân chủ vô sản, ít ra là cho một số nước không thuộc lục địa châu Âu (Anh, Mỹ). Thật thế, Mác đã thừa nhận là có khả năng ấy và ông có lý do để thừa nhận như thế đối với Anh và Mỹ trong những năm 1870–1880 là lúc mà chưa có chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, chưa có chủ nghĩa đế quốc, và ở những nước ấy, do những điều kiện phát triển đặc biệt của nó, chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa quan liêu chưa phát triển. Trước khi chủ nghĩa đế quốc phát triển, thì tình hình là như thế. Nhưng sau đó ba chục hoặc bốn chục năm, khi tình hình các nước ấy đã thay đổi về căn bản, khi chủ nghĩa đế quốc đã phát triển và bao trùm tất cả các nước tư bản chủ nghĩa không trừ một nước nào, khi chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa quan liêu cũng đã xuất hiện ở Anh và Mỹ và những điều kiện đặc biệt của sự phát triển hòa bình ở hai nước ấy không còn nữa, thì không thể coi hai nước đó là ngoại lệ được nữa.

Lê-nin nói:

> «Ngày nay, trong năm 1917, vào thời kỳ đại chiến đế quốc chủ nghĩa lần thứ nhất, sự giới hạn đó của Mác không còn hiệu lực nữa. Nước Anh cũng như nước Mỹ, tức là những đại biểu lớn nhất và những đại biểu cuối cùng — trên toàn thế giới — của «chế độ tự do» Ăng-gơ-lô-xắc-xông (không có chế độ quân phiệt và quan liêu), đã hoàn toàn sa vào những vũng bùn lầy và đẫm máu là những cơ quan quân phiệt và quan liêu ở châu Âu, những cơ quan này bắt hết thảy phải lệ thuộc vào chúng và đem uy lực của chúng để áp bức tất cả. Giờ đây, ở Anh cũng như ở Mỹ, «điều kiện tiên quyết cho bất cứ cuộc cách mạng thật sự nhân dân nào» là *phá hoại, phá hủy* «bộ máy Nhà nước sẵn có», (đã được nâng lên ở các nước đó, từ năm 1914 đến năm 1917, đến một trình độ hoàn bị «kiểu châu Âu», đến một trình độ hoàn bị đế quốc chủ nghĩa).» (Xem t. XXI, tr. 395[24].)

Nói cách khác, quy luật cách mạng bạo lực của giai cấp vô sản, tức là quy luật phá hủy bộ máy Nhà nước tư sản, được coi là điều kiện tiên quyết của một cuộc cách mạng như thế, là quy luật tất yếu của phong trào cách mạng ở các nước đế quốc chủ nghĩa trên thế giới.

Dĩ nhiên, trong một tương lai xa xôi, nếu giai cấp vô sản thắng lợi trong các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu và nếu sự

bao vây hiện nay của chủ nghĩa tư bản nhường chỗ cho sự bao vây của chủ nghĩa xã hội thì con đường phát triển «hòa bình» là hoàn toàn có thể thực hiện được đối với một số nước tư bản chủ nghĩa nào đó, ở đấy, trước tình hình quốc tế «bất lợi», bọn tư bản sẽ xét thấy hợp lý hơn là phải «hoàn toàn tự nguyện» chịu những sự nhượng bộ quan trọng đối với giai cấp vô sản. Nhưng giả thuyết ấy chỉ thuộc về một tương lai xa xôi và có thể xảy đến mà thôi. Còn đối với tương lai gần hơn, thì giả thuyết ấy không có, tuyệt nhiên không có chút căn cứ nào hết.

Bởi vậy, Lê-nin đã có lý, khi Người nói:

«Cách mạng vô sản không thể có được, nếu không dùng bạo lực mà phá hủy bộ máy Nhà nước tư sản và thay thế nó bằng *một bộ máy mới*» (Xem t. XXIII, tr. 342 [9].)

3. *Chính quyền xô-viết, hình thức Nhà nước của chuyên chính vô sản.* Sự thắng lợi của chuyên chính vô sản có nghĩa là sự đè bẹp giai cấp tư sản, phá hủy bộ máy Nhà nước tư sản, thay thế nền dân chủ tư sản bằng nền dân chủ vô sản. Điều ấy thật là rõ ràng. Nhưng cần phải dựa vào những tổ chức nào để có thể hoàn thành được công tác rất lớn lao ấy? Nhất định rằng những hình thức tổ chức cũ của giai cấp vô sản, những hình thức tổ chức đã phát triển trên cơ sở của chế độ đại nghị tư sản, là những hình thức không đủ sức để làm công tác ấy, điều này không còn nghi ngờ gì nữa. Vậy thì những hình thức tổ chức mới nào của giai cấp vô sản có thể đóng vai trò đào hố chôn bộ máy Nhà nước tư sản, có thể không những đập tan bộ máy ấy và thay thế nền dân chủ tư sản bằng nền dân chủ vô sản, mà lại còn trở thành cơ sở của chính quyền Nhà nước vô sản nữa?

Các Xô-viết là hình thức tổ chức mới ấy của giai cấp vô sản.

So với các hình thức tổ chức cũ, thì sức mạnh của các Xô-viết là ở chỗ nào?

Chính là ở chỗ các Xô-viết là những tổ chức quần chúng *rộng rãi* nhất của giai cấp vô sản, vì các Xô-viết và chỉ có các Xô-viết mới bao gồm được tất cả các công nhân không trừ một người nào.

Chính là ở chỗ các Xô-viết là những tổ chức quần chúng *duy nhất* có thể đoàn kết được hết thảy mọi người bị áp bức và bị bóc lột, công nhân và nông dân, bộ binh và thủy binh, và vì lẽ đó, cho nên trong các tổ chức ấy, đội tiên phong của quần chúng, tức là giai cấp vô sản có thể thực hiện được dễ dàng và đầy đủ nhất quyền lãnh đạo chính trị của mình trong cuộc đấu tranh của quần chúng.

Chính là ở chỗ các Xô-viết là những *cơ quan mạnh mẽ nhất* của cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng, của hoạt động chính trị của quần chúng, của cuộc khởi nghĩa của quần chúng, những cơ quan có khả năng đập tan được quyền lực vô hạn của tư bản tài chính và các tổ chức chính trị phụ thuộc vào tư bản tài chính đó.

Chính là ở chỗ các Xô-viết là những tổ chức *trực tiếp* của bản thân quần chúng, nghĩa là những tổ chức *dân chủ nhất* và do đó mà trở thành những cơ quan có uy tín nhất đối với quần chúng, hết sức tạo điều kiện cho quần chúng dễ dàng tham dự vào việc tổ chức và quản lý Nhà nước mới, và phát huy đến mực tối đa, năng lực cách mạng, óc sáng kiến, năng khiếu sáng tạo của quần chúng đang đấu tranh để phá hủy chế độ cũ, đang đấu tranh để thiết lập chế độ mới, chế độ vô sản.

Chính quyền xô-viết là sự thống nhất và sự tổ chức các Xô-viết địa phương thành một tổ chức Nhà nước duy nhất, thành một tổ chức Nhà nước của giai cấp vô sản, tức là đội tiên phong của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột và là giai cấp thống trị, — là sự thống nhất các Xô-viết địa phương thành một nước Cộng hòa Xô-viết.

Thực chất của chính quyền xô-viết là ở chỗ các tổ chức quần chúng — đông đảo nhất và cách mạng nhất — của chính những giai cấp trước kia đã bị bọn tư bản và địa chủ áp bức, mà hiện nay, lại là « cơ sở *thường xuyên và duy nhất** của toàn bộ chính quyền Nhà nước, của toàn bộ bộ máy Nhà nước »; là ở chỗ « chính những quần chúng ở ngay trong các nước cộng hòa tư sản dân chủ nhất », trước kia theo pháp luật

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin.*

thì họ được bình đẳng, nhưng thật ra thì « họ đã bị người ta dùng hàng nghìn thủ đoạn và mưu kế để làm cho họ không được tham dự vào sinh hoạt chính trị và không được hưởng các quyền lợi và các quyền tự do dân chủ, — thì ngày nay họ lại có nhiệm vụ tham gia vào việc quản lý dân chủ Nhà nước một cách *thường xuyên**, và do đó, sự tham gia ấy có một *tác dụng quyết định** ». (Xem t. XXIV, tr. 13[26].)

Bởi vậy chính quyền xô-viết là một *hình thức mới* của tổ chức Nhà nước, hình thức đó về mặt nguyên tắc thì khác với hình thức dân chủ tư sản và đại nghị cũ; là một Nhà nước *kiểu mới* không thích hợp với mục đích bóc lột và áp bức quần chúng lao động mà lại thích hợp với mục đích hoàn toàn giải phóng họ khỏi mọi sự áp bức và bóc lột, với những nhiệm vụ của chuyên chính vô sản.

Lê-nin đã có lý, khi Người nói rằng sự xuất hiện của chính quyền xô-viết « chứng tỏ rằng thời đại của chế độ đại nghị dân chủ tư sản đã chấm dứt, một chương mới trong lịch sử thế giới đã bắt đầu: thời đại của chuyên chính vô sản ».

Chính quyền xô-viết có những đặc điểm gì?

Ấy là: khi các giai cấp còn tồn tại thì, trong tất cả các tổ chức Nhà nước có thể có được, chính quyền xô-viết là một tổ chức có tính chất quần chúng nổi bật nhất, một tổ chức dân chủ nhất; vì khi đã là một vũ đài cho sự liên minh và sự hợp tác của công nhân và nông dân bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột, và khi đã dựa vào sự liên minh và hợp tác ấy mà hoạt động, thì chính vì thế mà chính quyền xô-viết là chính quyền của đa số dân cư thống trị thiểu số, là Nhà nước của đa số ấy, là biểu hiện của nền chuyên chính của đa số ấy.

Ấy là: chính quyền xô-viết là một tổ chức có tính chất quốc tế nhất trong tất cả các tổ chức Nhà nước của xã hội có giai cấp, vì, khi đã xóa bỏ mọi sự áp bức dân tộc và dựa vào sự hợp tác của quần chúng lao động thuộc nhiều dân tộc khác nhau, thì chính vì thế, chính quyền xô-viết làm cho sự tập hợp các quần chúng ấy thành một Nhà nước thống nhất duy nhất, được dễ dàng.

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin.*

Ấy là: chính quyền xô-viết, do chính cơ cấu của nó, nên nó tạo điều kiện thuận tiện cho sự lãnh đạo quần chúng bị áp bức và bị bóc lột; tiến hành sự lãnh đạo này, là do đội tiền phong của quần chúng ấy, là do giai cấp vô sản, hạt nhân cố kết nhất và giác ngộ nhất của các Xô-viết.

Lê-nin nói: «Kinh nghiệm của tất cả các cuộc cách mạng và của tất cả các phong trào của những giai cấp bị áp bức, kinh nghiệm của phong trào xã hội chủ nghĩa toàn thế giới dạy chúng ta rằng chỉ có giai cấp vô sản mới đủ sức tập hợp và lãnh đạo những tầng lớp rải rác và lạc hậu của dân chúng cần lao và bị bóc lột.» (Xem t. XXIV, tr. 14[26].) Ấy là: cơ cấu của chính quyền xô-viết khiến cho có thể áp dụng một cách dễ dàng những bài học của kinh nghiệm ấy.

Ấy là: chính quyền xô-viết, khi kết hợp các quyền lập pháp và hành pháp thành một tổ chức Nhà nước duy nhất, và khi thay thế những khu vực tuyển cử địa phương bằng những đơn vị sản xuất, — các công xưởng và nhà máy, — là đã trực tiếp liên kết công nhân và nói chung là quần chúng lao động với bộ máy quản lý Nhà nước, và đã dạy cho họ biết quản lý quốc gia.

Ấy là: chỉ có chính quyền xô-viết mới có khả năng giải thoát được quân đội ra khỏi sự lệ thuộc vào bọn chỉ huy tư sản, và biến quân đội ấy, từ chỗ là công cụ áp bức nhân dân dưới chế độ tư sản, thành công cụ giải phóng nhân dân thoát khỏi ách của giai cấp tư sản nước mình và giai cấp tư sản nước ngoài.

Ấy là: chỉ có tổ chức Nhà nước Xô-viết mới thực sự đập tan được tức khắc và phá hủy hoàn toàn được bộ máy cũ, nghĩa là bộ máy quan liêu và tư pháp tư sản». *(Như trên.)*

Ấy là: chỉ có hình thức Nhà nước Xô-viết, hình thức làm cho các tổ chức quần chúng lao động và bị áp bức tham dự một cách thường xuyên và tuyệt đối vào việc quản lý Nhà nước, mới có khả năng chuẩn bị cho Nhà nước tiêu vong, sự tiêu vong ấy là một trong những nhân tố căn bản của xã hội tương lai không có Nhà nước, của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Vậy Cộng hòa Xô-viết là một hình thức chính trị mà người ta đã tìm kiếm và cuối cùng đã tìm thấy; trong khuôn khổ của hình thức ấy; tất phải thực hiện được sự giải phóng kinh tế cho giai cấp vô sản và thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội.

Công xã Pa-ri đã là sự phôi thai của hình thức ấy. Chính quyền xô-viết là sự phát triển và hoàn thành của hình thức đó.

Bởi vậy, Lê-nin nói:

«Nước Cộng hòa Xô-viết của các đại biểu công nhân, binh sĩ và nông dân không những là một hình thức chế độ dân chủ kiểu cao hơn... mà còn là hình thức *duy nhất** có khả năng đảm bảo được việc chuyển lên chủ nghĩa xã hội một cách ít đau đớn nhất.» (Xem t. XXII, tr. 131[27]).

V

VẤN ĐỀ NÔNG DÂN

Về đề mục này, tôi sẽ chú trọng bốn vấn đề:

a) cách đặt vấn đề;

b) nông dân trong cuộc cách mạng dân chủ tư sản;

c) nông dân trong cách mạng vô sản;

d) nông dân sau khi chính quyền xô-viết đã được củng cố.

1. *Cách đặt vấn đề.* Có người nghĩ rằng vấn đề căn bản của chủ nghĩa Lê-nin là vấn đề nông dân; rằng xuất phát điểm của chủ nghĩa Lê-nin là vấn đề nông dân, vấn đề vai trò và tầm quan trọng của nông dân. Như thế là hoàn toàn sai. Vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Lê-nin, xuất phát điểm của chủ nghĩa Lê-nin không phải là vấn đề nông dân, mà là vấn đề chuyên chính vô sản, vấn đề điều kiện giành lấy chuyên chính vô sản, điều kiện củng cố chuyên chính vô sản. Vấn đề nông dân, tức

---

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin.*

là vấn đề bạn đồng minh của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh giành chính quyền, là một vấn đề do vấn đề chuyên chính vô sản mà ra.

Tuy nhiên, tình hình đó vẫn không làm cho vấn đề nông dân mất ý nghĩa trọng đại và bức thiết mà nó nhất định có đối với cách mạng vô sản. Người ta biết rằng những nhà mác-xit Nga đã bắt đầu thực sự nghiên cứu vấn đề nông dân ngay từ lúc Cách mạng Nga lần thứ nhất (1905) sắp bùng nổ, khi mà vấn đề lật đổ chế độ Nga hoàng và sự thực hiện quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản đã được đặt ra trước Đảng, với tất cả ý nghĩa trọng đại của nó, và khi mà vấn đề bạn đồng minh của giai cấp vô sản trong cách mạng tư sản sắp bùng nổ đã có một tính chất hết sức bức thiết. Người ta cũng biết rằng trong thời kỳ cách mạng vô sản, khi mà vấn đề chuyên chính vô sản, vấn đề giành lấy và duy trì chuyên chính vô sản đã dẫn đến vấn đề những bạn đồng minh của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng vô sản sắp bùng nổ, thì vấn đề nông dân ở Nga càng có tính chất còn bức thiết hơn nữa. Và điều đó thật là dễ hiểu: kẻ nào tiến tới và chuẩn bị cướp chính quyền, tất phải quan tâm đến vấn đề tìm xem những ai là đồng minh chân chính của mình.

Trong ý nghĩa ấy, vấn đề nông dân là một bộ phận của vấn đề chung về chuyên chính vô sản, và do đó, nó là một trong những vấn đề bức thiết nhất của chủ nghĩa Lê-nin.

Thái độ của các đảng trong Đệ nhị Quốc tế tỏ ra lãnh đạm hoặc thậm chí rõ rệt phủ nhận vấn đề nông dân, không phải chỉ giản đơn do những điều kiện đặc biệt của sự phát triển ở phương Tây gây ra. Trước hết, đó là do các đảng ấy không tin tưởng ở chuyên chính vô sản, sợ cách mạng và không nghĩ đến việc đưa giai cấp vô sản lên nắm chính quyền. Hơn nữa, kẻ nào sợ cách mạng, kẻ nào không muốn đưa giai cấp vô sản lên nắm chính quyền, thì không thể thiết tha đến vấn đề bạn đồng minh của giai cấp vô sản trong cách mạng được,— đối với kẻ ấy, vấn đề bạn đồng minh là một vấn đề dửng dưng, không có tính chất bức thiết gì cả. Thái độ mỉa mai của bọn anh hùng Đệ nhị Quốc tế đối với vấn đề nông dân, đã được

các đảng ấy coi là biểu hiện của một thái độ đúng đắn, biểu hiện của chủ nghĩa Mác « chân chính ». Thật ra, ở đây không có một chút gì là chủ nghĩa Mác cả, vì sự lãnh đạm đối với một vấn đề quan trọng như vấn đề nông dân, giữa lúc cách mạng vô sản sắp bùng nổ, là một mặt khác của sự phủ nhận chuyên chính vô sản, một biểu hiện chắc chắn của sự phản bội trực tiếp đối với chủ nghĩa Mác.

Vấn đề đặt ra như thế này: những khả năng cách mạng tiềm tàng trong nông dân do những điều kiện đặc biệt trong sinh hoạt của họ, *đã được dùng hết* hay chưa, và nếu những khả năng ấy chưa được dùng hết thì liệu có *hy vọng*, có *lý do* sử dụng những khả năng ấy *cho* cách mạng vô sản, để biến nông dân, biến đa số những người bị bóc lột trong nông dân, từ chỗ trước kia trong các cuộc cách mạng tư sản ở phương Tây, vốn là lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản, và ngày nay cũng vẫn là lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản,— thành một lực lượng hậu bị, một bạn đồng minh của giai cấp vô sản không?

Đối với vấn đề ấy, chủ nghĩa Lê-nin trả lời là có; nghĩa là thừa nhận rằng đa số nông dân có những khả năng cách mạng và thừa nhận rằng có thể sử dụng những khả năng ấy cho lợi ích của chuyên chính vô sản.

Lịch sử ba cuộc cách mạng Nga hoàn toàn xác nhận những kết luận của chủ nghĩa Lê-nin về điểm ấy.

Do đó, kết luận thực tế là cần phải ủng hộ quần chúng nông dân lao động trong cuộc đấu tranh của họ chống ách nô dịch và bóc lột, trong cuộc đấu tranh của họ để tự giải thoát khỏi áp bức và khốn cùng. Điều đó nhất định không có nghĩa là giai cấp vô sản phải ủng hộ *bất cứ* phong trào nào của nông dân. Nói ủng hộ ở đây là ủng hộ một phong trào và một cuộc đấu tranh nào của nông dân mà trực tiếp hoặc gián tiếp làm cho phong trào giải phóng giai cấp vô sản được dễ dàng, làm lợi cho cách mạng vô sản bằng cách này hay bằng cách khác, và góp phần vào việc biến nông dân thành lực lượng hậu bị và bạn đồng minh của giai cấp công nhân.

2. *Nông dân trong cuộc cách mạng dân chủ tư sản.* Thời kỳ này gồm khoảng thời gian từ cách mạng Nga lần thứ nhất (1905) đến hết cách mạng Nga lần thứ hai (tháng Hai 1917). Đặc điểm của thời kỳ này là nông dân thoát khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản tự do, *tách khỏi* bọn lập hiến - dân chủ mà hướng về giai cấp vô sản, về Đảng bôn-sê-vích. Lịch sử thời kỳ này là lịch sử đấu tranh giữa bọn lập hiến - dân chủ (phái tư sản tự do) với những người bôn-sê-vích (giai cấp vô sản) để tranh thủ nông dân. Thời kỳ viện Đu-ma quyết định vận mệnh của cuộc đấu tranh ấy, vì thời kỳ bốn khóa Đu-ma là một bài học thiết thực cho nông dân, và bài học ấy đã chỉ cho nông dân thấy rằng họ sẽ không đời nào nhận được ruộng đất và tự do từ tay bọn lập hiến - dân chủ đâu; rằng Nga hoàng hoàn toàn đứng về phía địa chủ và bọn lập hiến - dân chủ thì ủng hộ Nga hoàng; rằng lực lượng độc nhất mà họ có thể trông cậy được là công nhân thành thị, là giai cấp vô sản. Chiến tranh đế quốc chủ nghĩa chỉ xác nhận thêm những bài học của thời kỳ viện Đu-ma; chiến tranh đế quốc chủ nghĩa đã làm cho nông dân tách hẳn khỏi giai cấp tư sản và đã cô lập hẳn phái tư sản tự do, vì những năm chiến tranh đã chứng tỏ rằng ai mà hy vọng Nga hoàng và bọn đồng minh tư sản của Nga hoàng sẽ đem lại hòa bình thì thật là hoài công, thật là ảo tưởng biết bao. Không có những bài học thực tế của thời kỳ viện Đu-ma, thì giai cấp vô sản không thể nắm quyền lãnh đạo được.

Liên minh công nông trong cách mạng dân chủ tư sản đã hình thành như thế. Bá quyền (quyền lãnh đạo) của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chung để lật đổ chế độ Nga hoàng, bá quyền đưa đến cách mạng tháng Hai 1917, đã được thiết lập như thế.

Ai nấy đều biết rằng các cuộc cách mạng tư sản ở phương Tây (Anh, Pháp, Đức, Áo) đã đi theo một con đường khác. Ở đấy, giai cấp vô sản còn yếu ớt, không đại diện và không thể đại diện cho một lực lượng chính trị độc lập, nên quyền lãnh đạo trong cách mạng không thuộc về giai cấp vô sản, mà lại thuộc về phái tư sản tự do. Ở đấy, nông dân đã được giải

thoát khỏi chế độ phong kiến, nhưng không phải do giai cấp vô sản, — vì giai cấp này, lúc đó, còn ít và chưa có tổ chức, — mà lại do giai cấp tư sản. Ở đấy, nông dân đã đi với phái tư sản tự do để chống chế độ cũ. Ở đấy, nông dân là lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản. Vì thế cho nên, ở đấy, kết quả là cách mạng đã tăng cường thế lực chính trị của giai cấp tư sản thêm khá nhiều.

Ở Nga, trái lại, cách mạng tư sản đã đem lại những kết quả trái ngược hẳn. Cách mạng Nga đã không tăng thêm sức mạnh cho giai cấp tư sản, mà còn làm cho nó suy yếu về phương diện là lực lượng chính trị; đã không tăng thêm lực lượng hậu bị chính trị cho giai cấp tư sản, mà còn làm cho nó mất lực lượng hậu bị cơ bản, làm cho nó mất nông dân. Cách mạng tư sản ở Nga đã đưa giai cấp vô sản cách mạng, chứ không phải phái tư sản tự do, lên hàng đầu và đã tập hợp xung quanh giai cấp vô sản, đông đảo quần chúng nông dân.

Ngoài những điều khác ra thì điều đó làm cho chúng ta hiểu tại sao cách mạng tư sản ở Nga, trong một thời gian tương đối ngắn, đã chuyển biến thành cách mạng vô sản. Quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản là mầm mống của chuyên chính vô sản, là bậc thang để bước lên chuyên chính vô sản.

Phải giải thích hiện tượng độc đáo ấy của cách mạng Nga, hiện tượng chưa từng có trong lịch sử các cuộc cách mạng tư sản phương Tây, như thế nào? Do đâu mà có tính chất độc đáo ấy?

Sở dĩ có hiện tượng độc đáo ấy là do cách mạng tư sản ở Nga đã diễn ra trong lúc những điều kiện đấu tranh giai cấp ở đấy đã phát triển hơn ở phương Tây; là do giai cấp vô sản Nga lúc đó đã có đủ thì giờ để trở thành một lực lượng chính trị độc lập, còn phái tư sản tự do, thì hoảng sợ trước tinh thần cách mạng của giai cấp vô sản, nên đã mất hết cả tính chất cách mạng (nhất là sau những bài học năm 1905), và đã quay sang liên minh với Nga hoàng và bọn địa chủ, chống lại cách mạng, chống lại công nông.

Cần chú ý đến những trường hợp sau đây, những trường hợp đã quyết định tính chất độc đáo của cách mạng tư sản Nga :

a) Sự tập trung phi thường của công nghiệp Nga, ngay trước ngày cách mạng bùng nổ. Ví dụ, như ai nấy đều biết, ở Nga, 54% tổng số công nhân làm việc trong các xí nghiệp dùng trên 500 công nhân, còn ở một nước phát triển như Mỹ, trong lúc ấy, thì chỉ có 33% tổng số công nhân làm việc trong những xí nghiệp tương tự. Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng, trong lúc đã có một đảng cách mạng như Đảng bôn-sê-vích, thì chỉ riêng trường hợp nói trên cũng đủ làm cho giai cấp công nhân ở Nga trở thành lực lượng to lớn nhất trong đời sống chính trị của đất nước.

b) Những hình thức bóc lột bỉ ổi trong các xí nghiệp, lại thêm chế độ cảnh sát tàn ác của bọn sát nhân của Nga hoàng,— tình trạng đó đã làm cho mỗi cuộc bãi công lớn của công nhân biến thành một hành động chính trị có ý nghĩa trọng đại, và đã tôi luyện giai cấp công nhân, tức là lực lượng cách mạng triệt để.

c) Sự nhu nhược chính trị của giai cấp tư sản Nga, sự nhu nhược mà sau Cách mạng 1905, đã trở thành sự nô lệ đối với chế độ Nga hoàng và thái độ phản cách mạng rõ rệt ; thái độ này phát sinh chẳng những là do tinh thần cách mạng của giai cấp vô sản Nga đã đẩy giai cấp tư sản Nga vào tay chế độ Nga hoàng, mà cũng là do sự lệ thuộc trực tiếp của giai cấp tư sản ấy đối với Nhà nước, là khách đặt hàng của nó.

d) Những tàn dư bỉ ổi nhất và khó chịu nhất của chế độ phong kiến ở nông thôn, lại thêm quyền lực vô hạn của bọn địa chủ, — tình trạng đó đã đưa đến kết quả là đẩy nông dân vào tay cách mạng.

đ) Chế độ Nga hoàng tức là chế độ đã áp chế tất cả những cái gì sinh động, và do sự chuyên chế của nó, đã làm cho ách áp bức của tư bản và địa chủ nặng nề thêm, — tình trạng đó đã đưa đến kết quả là kết hợp cuộc đấu tranh của công nhân với cuộc đấu tranh của nông dân thành một ngọn trào cách mạng duy nhất.

e) Cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, tức là cuộc chiến tranh đã chung đúc hết thảy những mâu thuẫn ấy trong đời sống chính trị Nga thành một cuộc khủng hoảng cách mạng sâu sắc, và đã đem lại cho cách mạng một sức tấn công phi thường.

Trong những điều kiện như thế, thì nông dân phải làm thế nào? Hướng về ai để có được sự ủng hộ cho mình chống lại quyền lực tối cao của bọn địa chủ, chống lại ách chuyên chế của Nga hoàng, chống lại cuộc chiến tranh tai hại đã làm cho mình phá sản? Hướng về phái tư sản tự do chăng? Nhưng phái này đã là kẻ thù của họ rồi; kinh nghiệm lâu dài của bốn khóa Đu-ma đã xác nhận điều đó. Hướng về bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng chăng? Bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng chắc chắn là «khá hơn» bọn lập hiến - dân chủ, và cương lĩnh của chúng «nghe cũng xuôi», gần như một cương lĩnh nông dân vậy, nhưng thử hỏi bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng có thể đem lại được gì, nếu chúng chỉ dựa vào riêng có nông dân thôi, và nếu ở thành thị là nơi mà kẻ thù có nhiều lực lượng hơn cả thì chúng lại yếu thế? Đâu là lực lượng mới ấy, lực lượng sẽ không lùi bước trước bất cứ cái gì, dầu ở nông thôn hay ở thành thị, và sẽ dũng cảm đi đầu trong cuộc đấu tranh chống Nga hoàng và địa chủ; lực lượng sẽ giúp nông dân thoát vòng nô dịch, có ruộng đất, và thoát khỏi cảnh áp bức và chiến tranh? Ở nước Nga, đã từng có một lực lượng như thế chưa? Có. Ở Nga, đã có lực lượng như thế. Đó là giai cấp vô sản Nga, giai cấp đã từng tỏ rõ sức mạnh của nó, tỏ rõ khả năng đấu tranh đến cùng của nó, tỏ rõ lòng dũng cảm và tinh thần cách mạng của nó, ngay từ 1905.

Dù sao cũng không thể có lực lượng nào khác nữa, và cũng không thể tìm đâu ra một lực lượng nào khác.

Bởi vậy, nông dân, sau khi đã rời bỏ phía bọn lập hiến-dân chủ để sang phía bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, lại thấy ngay là cần phải chịu sự lãnh đạo của nhà lãnh tụ anh dũng của cách mạng là giai cấp vô sản Nga.

Đấy là những nhân tố đã tạo nên tính chất độc đáo của cách mạng tư sản Nga.

3. *Nông dân trong cách mạng vô sản.* Thời kỳ này gồm khoảng thời gian từ Cách mạng tháng Hai (1917) đến Cách mạng tháng Mười (1917). Thời kỳ ấy tương đối ngắn, vẻn vẹn chỉ có tám tháng; nhưng, về phương diện rèn luyện chính trị và giáo dục cách mạng cho quần chúng, thì tám tháng ấy quyết có thể coi bằng mấy chục năm phát triển dưới chế độ lập hiến bình thường; vì tám tháng đó là tám tháng *cách mạng.* Đặc điểm của thời kỳ ấy là nông dân thấm nhuần cách mạng sâu sắc hơn, họ thất vọng về bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, họ *rời bỏ* bọn này, mà *chuyển sang trực tiếp đoàn kết* xung quanh giai cấp vô sản là lực lượng cách mạng triệt để độc nhất có đủ sức đưa nước nhà đến hòa bình. Lịch sử thời kỳ ấy là lịch sử đấu tranh giữa bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng (phái dân chủ tiểu tư sản) và những người bôn-sê-vích (phái dân chủ vô sản) để tranh thủ nông dân, để giành lấy đa số nông dân. Thời kỳ Chính phủ liên hiệp, thời kỳ Kê-ren-ski, việc bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích từ chối không chịu tịch thu ruộng đất của địa chủ, cuộc đấu tranh của bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và men-sê-vích nhằm tiếp tục chiến tranh, cuộc tấn công tháng Sáu ở tiền tuyến, án tử hình đối với binh sĩ, cuộc nổi loạn của Co-rơ-ni-lốp, tất cả những cái đó đã quyết định vận mệnh của cuộc đấu tranh ấy.

Nếu trong thời kỳ trước, vấn đề cơ bản của cách mạng là lật đổ Nga hoàng và chính quyền địa chủ, thì hiện nay, trong thời kỳ sau cách mạng tháng Hai, lúc mà không còn Nga hoàng nữa, và lúc mà chiến tranh kéo dài làm tan rã hẳn nền kinh tế nước nhà sau khi đã làm cho nông dân hoàn toàn phá sản, thì việc chấm dứt chiến tranh trở thành vấn đề cơ bản của cách mạng. Trọng tâm đã rõ rệt chuyển từ các vấn đề thuần túy nội bộ sang vấn đề cơ bản, vấn đề chiến tranh. «Chấm dứt chiến tranh», «thoát ra khỏi chiến tranh», đó là tiếng hô chung của nhân dân cả nước bị đọa dày, và trước hết là của nông dân.

Nhưng, muốn thoát khỏi chiến tranh, thì cần phải lật đổ Chính phủ lâm thời, cần phải lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản, cần phải lật đổ chính quyền của bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng và men-sê-vích, vì chỉ có chúng là muốn kéo dài

chiến tranh cho đến « thắng lợi cuối cùng ». Thực tế, muốn ra khỏi chiến tranh, thì chỉ có một cách duy nhất là : lật đổ giai cấp tư sản.

Đó là một cuộc cách mạng mới, một cuộc cách mạng vô sản, vì nó đuổi ra khỏi chính quyền bộ phận cuối cùng, bộ phận cực tả của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa tức là những đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng và men-sê-vích, để thành lập một chính quyền mới, vô sản, chính quyền xô-viết, để đưa đảng của giai cấp vô sản cách mạng, Đảng bôn-sê-vích, đảng đấu tranh cách mạng chống chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và giành lấy hòa bình dân chủ, lên nắm chính quyền. Đa số nông dân đã ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân giành hòa bình, giành chính quyền xô-viết.

Nông dân không còn lối thoát nào khác nữa. Và cũng không thể có lối thoát nào khác.

Như vậy, thời kỳ Kê-ren-ski là một bài học lớn lao cho quần chúng lao động trong nông dân, vì thời kỳ ấy đã chứng tỏ rõ rằng bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích mà nắm chính quyền, thì nước nhà không thể nào thoát ra khỏi chiến tranh, nông dân không thể nào có ruộng đất và tự do ; rằng bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng chỉ khác bọn lập hiến - dân chủ ở những bài biễn văn ngon ngọt và những lời hứa hẹn hão huyền ; rằng thật ra thì chúng cùng theo đuổi một chính sách đế quốc chủ nghĩa như nhau, chính sách của bọn lập hiến - dân chủ, rằng chính quyền độc nhất có đủ sức đưa nước nhà ra khỏi con đường bế tắc chỉ có thể là chính quyền xô-viết. Chiến tranh kéo dài chỉ xác nhận thêm sự chính xác của bài học ấy ; chiến tranh kích thích cách mạng và thúc đẩy đông đảo quần chúng nông dân và binh lính *trực tiếp đoàn kết* xung quanh cách mạng vô sản. Bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích đã bị cô lập, việc đó trở thành một sự thật không chối cãi được. Không có những bài học thực tiễn của thời kỳ chính phủ liên hiệp, thì có lẽ không thể có chuyên chính vô sản được.

Đấy là những nhân tố làm cho quá trình chuyển biến của cách mạng tư sản thành cách mạng vô sản được dễ dàng.

Chuyên chính vô sản ở Nga đã được thiết lập như thế đấy.

4. *Nông dân sau khi chính quyền xô-viết đã được củng cố.* Nếu trước kia, trong thời kỳ đầu của cách mạng, vấn đề chủ yếu là lật đổ chế độ Nga hoàng, và kế đó, sau Cách mạng tháng Hai, vấn đề chủ yếu là trước hết phải thoát ra khỏi chiến tranh đế quốc chủ nghĩa bằng cách lật đổ giai cấp tư sản, — thì hiện nay, một khi nội chiến đã chấm dứt và chính quyền xô-viết đã được củng cố, thì các vấn đề xây dựng kinh tế phải được đặt lên hàng đầu. Phải tăng cường và phát triển công nghiệp đã quốc hữu hóa; muốn thế, phải gắn liền công nghiệp với kinh tế nông dân bằng thương mại do Nhà nước điều tiết; thay chế độ trưng mua lương thực thừa bằng thuế lương thực, để sau đó, đi đến chỗ giảm dần dần thứ thuế này đi, mà tiến tới đổi các sản phẩm công nghiệp lấy các sản phẩm của nền kinh tế nông dân; chấn hưng thương mại và phát triển hợp tác xã bằng cách làm cho hàng triệu nông dân tham gia hợp tác xã : đấy là những nhiệm vụ trước mắt của việc xây dựng kinh tế mà Lê-nin đã đề ra để xây dựng nền móng của kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Người ta nói rằng nhiệm vụ ấy có thể là quá sức đối với một nước nông dân như nước Nga. Một số người hoài nghi còn đi đến chỗ nói rằng đó chỉ là điều không tưởng và không thể thực hiện được, vì nông dân vẫn là nông dân, — nông dân gồm những người tiểu sản xuất và vì thế, không thể dùng họ vào việc tổ chức nền móng của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa được.

Nhưng bọn hoài nghi nghĩ lầm, vì họ không đếm xỉa đến một số nhân tố có tính chất quan trọng quyết định ở đây. Chúng ta hãy xem những nhân tố chính trong các nhân tố ấy.

Một là: không nên lẫn lộn nông dân Liên-xô với nông dân phương Tây. Những nông dân đã trải qua kinh nghiệm của ba cuộc cách mạng; đã từng cùng với giai cấp vô sản và dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, đấu tranh chống Nga hoàng và chính quyền của giai cấp tư sản; những nông dân đã nhận được ruộng đất và hòa bình do cách mạng vô sản đưa lại và do đó đã trở thành lực lượng hậu bị của giai cấp vô sản, những nông dân đó nhất định phải khác những nông dân đã đấu tranh trong cuộc cách mạng tư sản dưới sự lãnh đạo của phái tư sản tự do, đã nhận được ruộng đất từ tay giai cấp tư sản ấy, và do

đó, đã trở thành lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản. Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng nông dân xô-viết, vốn đã biết thế nào là tình hữu nghị chính trị và sự hợp tác chính trị với giai cấp vô sản, và đã nhờ tình hữu nghị và sự hợp tác ấy mà được tự do, thì không thể nào mà họ lại không đặc biệt sẵn sàng hợp tác kinh tế với giai cấp vô sản.

Ăng-ghen đã nói : « Việc Đảng xã hội chủ nghĩa cướp chính quyền đã trở thành một vấn đề tương lai gần đây ». Và « muốn cướp chính quyền, Đảng phải bắt đầu từ thành thị tiến về làng mạc và trở thành một lực lượng ở nông thôn ». (Xem Ăng-ghen, *Vấn đề nông dân*, xuất bản năm 1922). Ăng-ghen viết những dòng này vào khoảng cuối thế kỷ trước, khi nói về nông dân phương Tây. Những người cộng sản Nga, trải qua ba cuộc cách mạng, đã làm tròn được một công tác lớn lao về mặt đó, nên đã gây được ở nông thôn một ảnh hưởng và một chỗ dựa mà các đồng chí chúng ta ở phương Tây thậm chí cũng không dám nghĩ là có thể đến như thế được, — điều đó liệu có cần phải chứng minh không? Nhân tố ấy đã khiến việc tổ chức hợp tác kinh tế giữa giai cấp công nhân và nông dân ở Nga, được căn bản dễ dàng; điều đó có thể nào mà phủ nhận được chăng?

Khi nói đến những người tiểu nông, bọn hoài nghi luôn luôn nhắc lại rằng những người đó là một nhân tố không thích hợp với công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Nhưng, các đồng chí hãy nghe Ăng-ghen nói về những người tiểu nông ở phương Tây :

« Chúng ta cương quyết đứng về phía người tiểu nông; chúng ta sẽ làm đủ mọi cách để giúp cho đời sống của họ được dễ chịu hơn, làm cho họ dễ dàng chuyển sang làm ăn hợp tác, nếu họ quyết định chuyển như thế; nhưng, trong trường hợp họ còn chưa quyết định, thì chúng ta sẽ cố gắng để cho họ thật nhiều thì giờ suy nghĩ vấn đề đó trên mảnh đất nhỏ của họ. Chúng ta sẽ xử sự như thế, không những vì chúng ta cho rằng có thể làm cho người tiểu nông đang làm việc cho bản thân họ, đứng về phía chúng ta, mà cũng vì đó là lợi ích trực tiếp của Đảng nữa. Số nông dân mà chúng ta không để cho rơi xuống mức sống của người vô sản, và chúng ta tranh thủ được trong khi họ còn là nông dân, càng đông bao nhiêu, thì việc cải tạo xã hội càng mau chóng và dễ dàng bấy nhiêu. Muốn tiến hành việc cải tạo ấy, chúng ta không cần phải đợi đến lúc nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đâu đâu cũng

phát triển cho đến mức đưa đến những hậu quả cùng cực của nó; không cần phải đợi đến lúc người tiểu thủ công cuối cùng, người tiểu nông cuối cùng trở thành nạn nhân của nền đại sản xuất tư bản chủ nghĩa. Xét về phương diện kinh tế tư bản chủ nghĩa thì những sự hy sinh về vật chất lúc đó đành phải bắt công quỹ chịu để làm lợi cho nông dân, có thể coi như là một sự phung phí tiền bạc; nhưng, đấy chính là sử dụng tiền một cách tốt nhất, vì như thế sẽ tiết kiệm được những số tiền có lẽ còn lớn gấp mười lần trong việc chi tiêu để cải tạo toàn bộ xã hội. Và, theo hướng đó, chúng ta có thể rất rộng rãi đối với nông dân.» *(Như trên.)*

Đấy là những điều Ăng-ghen nói về nông dân phương Tây. Nhưng há chẳng phải rõ ràng là những điều Ăng-ghen nói đó, không phải ở đâu cũng có thể thực hiện được dễ dàng và đầy đủ bằng ở nước của chuyên chính vô sản, hay sao? Há chẳng phải rõ ràng là, chỉ ở nước Nga xô-viết mới có thể thực hiện được đầy đủ và ngay tức khắc việc «làm cho người tiểu nông đang làm việc cho bản thân họ đứng về phía chúng ta», cũng như những «hy sinh về vật chất» cần thiết và «sự rộng rãi đối với nông dân», sự rộng rãi cần thiết để thực hiện mục đích trên, hay sao? Há chẳng phải rõ ràng là những biện pháp đó và những biện pháp khác tương tự có lợi cho nông dân đều đã được thi hành ở Nga rồi hay sao? Làm thế nào mà phủ nhận được rằng hoàn cảnh ấy nhất định phải làm cho công cuộc xây dựng kinh tế của nước xô-viết được dễ dàng và tiến tới?

Hai là: không nên lẫn lộn kinh tế nông nghiệp ở Nga với kinh tế nông nghiệp ở phương Tây. Ở phương Tây, kinh tế nông nghiệp phát triển theo con đường bình thường của chủ nghĩa tư bản, trong khi đó thì nông dân bị phân hóa sâu sắc, ở phía này là những điền địa rộng lớn và những trang trại mênh mông của tư bản tư nhân và ở phía kia lại là cảnh nghèo khó, khốn cùng và nô lệ làm thuê. Cho nên ở những nước đó, sự tan rã và mục nát là những hiện tượng hoàn toàn tự nhiên. Ở Nga thì không như thế. Ở nước ta, sự phát triển của kinh tế nông nghiệp không thể đi theo con đường đó, vì sự tồn tại của chính quyền xô-viết và việc quốc hữu hóa các công cụ và tư liệu sản xuất chủ yếu không cho phép phát triển như thế. Ở Nga, sự phát triển của kinh tế nông nghiệp phải đi theo con đường khác, con đường hợp tác bao gồm hàng triệu tiểu nông

và trung nông, con đường phát triển của sự hợp tác có tính chất quần chúng ở nông thôn, được Nhà nước giúp đỡ bằng cách cho vay vốn với những điều kiện dễ dãi. Trong những bài bàn về chế độ hợp tác, Lê-nin đã chứng minh một cách có lý rằng, ở nước ta, sự phát triển của kinh tế nông nghiệp phải theo một con đường mới, con đường khiến có thể dùng sự hợp tác mà lôi cuốn đa số nông dân vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, con đường làm cho những nguyên tắc của chế độ tập thể dần dần thâm nhập vào kinh tế nông nghiệp, trước hết là vào lĩnh vực tiêu thụ, rồi sau đó, vào lĩnh vực sản xuất nông phẩm.

Về phương diện này, tác dụng của công tác hợp tác xã nông nghiệp khiến cho chúng ta thấy xuất hiện, ở nông thôn, những hiện tượng mới rất đáng chú ý. Ai nấy đều biết rằng trong Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp[28], đã được thành lập những tổ chức mới, lớn, theo ngành nông nghiệp: lanh, khoai, dầu v.v... những tổ chức này có một tương lai vĩ đại. Hợp tác xã lanh trung ương, chẳng hạn, gồm có cả một hệ thống các hợp tác xã nông dân sản xuất lanh. Nó cung cấp cho nông dân những hạt giống và những công cụ sản xuất; rồi nó mua tất cả số lanh nông dân sản xuất ra, sau nó đem bán buôn ở thị trường; nó bảo đảm cho nông dân được chia lãi, do đó, thông qua Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, nó gắn chặt kinh tế nông dân với công nghiệp quốc doanh. Một hình thức tổ chức sản xuất như thế, gọi là gì? Theo ý tôi, đó là chế độ gia công của nền đại sản xuất xã hội chủ nghĩa quốc doanh, trong lĩnh vực nông nghiệp. Ở đây, tôi nói chế độ gia công của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa quốc doanh, là ví nó với chế độ gia công của chủ nghĩa tư bản, như ngành sợi chẳng hạn, trong đó những người tiểu thủ công nhận dụng cụ và nguyên liệu của nhà tư bản đem về làm, rồi nộp cho nhà tư bản đó tất cả số sản xuất của mình, như thế thực ra, những người này là những công nhân nửa làm thuê làm việc ở nhà mình. Đấy là một trong nhiều dấu hiệu chỉ rõ con đường phát triển kinh tế nông nghiệp mà nước ta phải đi theo. Đây là chưa nói đến những dấu hiệu khác cùng một loại như thế, trong các ngành khác của nông nghiệp.

Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng tối đại đa số nông dân sẽ vui lòng đi theo con đường phát triển mới ấy, mà rời bỏ con đường các trang trại mênh mông của tư bản tư nhân, và cảnh nô lệ làm thuê, tức là con đường khốn cùng và phá sản.

Lê-nin nói về những con đường phát triển của kinh tế nông nghiệp nước ta như sau:

« Việc chính quyền Nhà nước chi phối hết thảy mọi tư liệu sản xuất chủ yếu, việc giai cấp vô sản nắm giữ chính quyền Nhà nước, việc giai cấp vô sản liên minh với hàng triệu tiểu nông và tiểu tiểu nông, việc giai cấp vô sản nắm vững quyền lãnh đạo nông dân v.v...,— phải chăng những việc đó không phải là tất cả những thứ cần thiết để có thể xây dựng, với việc hợp tác hóa, và chỉ riêng với việc hợp tác hóa mà trước đây chúng ta coi là có tính chất con buôn, và bây giờ đây dưới Chính sách kinh tế mới, về một vài mặt nào đó, chúng ta vẫn có quyền coi như thế, — phải chăng những việc đó không phải là tất cả những thứ cần thiết để xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa toàn vẹn hay sao? Đó chưa phải là xây dựng toàn vẹn xã hội xã hội chủ nghĩa, nhưng đó là tất cả những cái cần thiết và đầy đủ để làm việc xây dựng đó. » (Xem t. XXVII, tr. 392[29].)

Sau đó, khi nói đến sự cần thiết phải giúp đỡ về mặt tài chính và về các mặt khác cho chế độ hợp tác, tức là « nguyên tắc mới trong việc tổ chức nhân dân » và « chế độ xã hội » mới, dưới chuyên chính vô sản, Lê-nin nói tiếp:

« Bất cứ chế độ xã hội nào cũng chỉ nảy sinh với điều kiện là được một giai cấp nhất định nào đó giúp đỡ về tài chính. Chẳng cần phải nói cũng thấy rằng phải tốn cả hàng trăm, hàng trăm triệu rúp, thì chủ nghĩa tư bản « tự do » mới nảy nở ra được. Hiện nay chúng ta phải hiểu và thực hành cụ thể chân lý này tức là: trong lúc này, chế độ xã hội mà chúng ta cần phải đặc biệt giúp đỡ, chính là chế độ hợp tác xã. Nhưng phải giúp đỡ chế độ đó theo đúng nghĩa tiếng giúp đỡ; nghĩa là nếu hiểu sự giúp đỡ đó là giúp đỡ bất cứ một chế độ hợp tác xã nào thì chưa đủ mà phải hiểu sự giúp đỡ đó là giúp đỡ chế độ hợp tác xã được *quần chúng nhân dân chân chính thực sự tham gia*. » (*Như trên*, tr. 393[29].)

Tất cả những điều đó chứng tỏ gì?

Chứng tỏ rằng bọn hoài nghi đã làm.

Chứng tỏ rằng chủ nghĩa Lê-nin coi quần chúng nông dân lao động là lực lượng hậu bị của giai cấp vô sản, như thế là đúng.

Chứng tỏ rằng giai cấp vô sản nắm chính quyền có thể và phải sử dụng lực lượng hậu bị ấy để gắn liền công nghiệp với nông nghiệp, đẩy mạnh công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa tiến lên, và bảo đảm cho chuyên chính vô sản một cơ sở thiết yếu, không có cơ sở này thì không thể tiến lên kinh tế xã hội chủ nghĩa được.

VI

VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Về đề mục này tôi sẽ chú trọng hai vấn đề chính:

a) cách đặt vấn đề;

b) phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức và cách mạng vô sản.

1 *Cách đặt vấn đề*. Suốt trong hai mươi năm gần đây, vấn đề dân tộc có nhiều sự thay đổi rất đáng kể. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ Đệ nhị Quốc tế và vấn đề dân tộc trong thời kỳ chủ nghĩa Lê-nin không phải chỉ là một việc và cùng một việc. Nó khác nhau rất nhiều chẳng những về phạm vi mà còn về tính chất bên trong nữa.

Ngày trước, vấn đề dân tộc thường bị hạn chế trong một khuôn khổ chật hẹp gồm các vấn đề có liên quan chủ yếu đến các dân tộc «văn minh». Dân tộc Ai-rơ-lan, Hung, Ba-lan, Phần-lan, Xéc-bơ và vài dân tộc khác ở châu Âu, đấy là loại các dân tộc không được hưởng những quyền đầy đủ, số phận của họ đã được các nhân vật Đệ nhị Quốc tế quan tâm đến. Hàng chục và hàng trăm triệu người thuộc các dân tộc châu Á và châu Phi, chịu sự áp bức dân tộc dưới hình thức tàn nhẫn nhất và hung bạo nhất, thì thường lại không được để ý tới.

Người ta đã không dám đặt người Da trắng và người Da đen, người «văn minh» và người «không văn minh» ngang hàng nhau. Vài ba nghị quyết vừa ngọt ngào vừa gay gắt, và rỗng tuếch, cố ý tránh vấn đề giải phóng các thuộc địa, đấy là tất cả những điều mà những con người của Đệ nhị Quốc tế có thể khoe khoang được. Ngày nay tính chất hai mặt và do dự ấy trong vấn đề dân tộc phải được coi như là đã được thanh toán. Chủ nghĩa Lê-nin đã lột trần sự thiên lệch quá rõ rệt ấy, nó đã phá hủy bức tường ngăn cách những người Da trắng và người Da đen, người châu Âu và người châu Á, những người nô lệ «văn minh» và «không văn minh» của chủ nghĩa đế quốc, và như thế là nó đã gắn vấn đề dân tộc vào vấn đề thuộc địa. Cũng chính vì thế mà vấn đề dân tộc, từ một vấn đề đặc biệt, một vấn đề nội bộ của Nhà nước, đã trở thành một vấn đề chung và quốc tế, vấn đề thế giới về sự giải phóng các dân tộc bị áp bức ở các xứ phụ thuộc và thuộc địa ra khỏi ách chủ nghĩa đế quốc.

Ngày trước, nguyên tắc quyền dân tộc tự quyết thường được giải thích một cách sai lạc và thường bị thu hẹp lại thành quyền dân tộc tự trị. Một số lãnh tụ Đệ nhị Quốc tế lại còn đi đến mức là làm cho quyền tự quyết biến thành quyền tự trị về văn hóa, nghĩa là quyền của các dân tộc bị áp bức được có những cơ quan văn hóa của mình, còn toàn thể chính quyền thì vẫn ở trong tay dân tộc thống trị. Vì thế, ý niệm quyền tự quyết rất có thể từ một vũ khí chống chính sách thôn tính mà trở thành một công cụ biện hộ cho chính sách thôn tính. Sự lẫn lộn ấy, hiện nay phải được coi như đã bị phá tan. Chủ nghĩa Lê-nin đã mở rộng quan niệm quyền tự quyết bằng cách giải thích nó là quyền của các dân tộc bị áp bức ở các xứ phụ thuộc và thuộc địa được thoát ly hoàn toàn, là quyền các dân tộc được tồn tại với tư cách là những quốc gia độc lập. Chính vì thế mà đã gạt bỏ được khả năng biện hộ cho những cuộc xâm lược bằng cách giải thích quyền tự quyết là quyền tự trị. Còn về nguyên tắc tự quyết, thì chính vì thế mà nguyên tắc đó, từ một công cụ dùng để lừa bịp quần chúng, công cụ mà không còn nghi ngờ gì được nữa bọn xã hội sô-vanh đã nắm được hồi chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, đã trở thành một

công cụ dùng để lột trần những tham vọng đế quốc chủ nghĩa và những âm mưu sô-vanh thuộc đủ các loại, các hạng, đã trở thành một công cụ giáo dục chính trị cho quần chúng theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế.

Ngày trước, vấn đề các dân tộc bị áp bức thường được coi là một vấn đề thuần túy pháp lý. Công bố trịnh trọng về « quyền bình đẳng dân tộc », tuyên bố không biết bao nhiêu lần mà kể về « quyền bình đẳng giữa các dân tộc », đấy là những việc mà các đảng Đệ nhị Quốc tế vẫn làm, họ che lấp sự thật này là : nói đến « quyền bình đẳng giữa các dân tộc », dưới chủ nghĩa đế quốc trong lúc mà một nhóm dân tộc này (thiểu số) sống bám vào một nhóm dân tộc khác bị bóc lột, thì như thế là phỉ báng các dân tộc bị áp bức. Hiện nay quan điểm pháp quyền tư sản ấy trong vấn đề dân tộc phải được coi như là đã bị bóc trần. Chủ nghĩa Lê-nin đã kéo xuống đất, vấn đề dân tộc trước kia vẫn bay lượn trên những lời tuyên bố trống rỗng, bằng cách chỉ rõ rằng, nếu các đảng vô sản không ủng hộ trực tiếp cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức thì những lời tuyên bố về « quyền bình đẳng giữa các dân tộc » chỉ là những lời tuyên bố trống rỗng và giả dối. Vì vậy mà vấn đề dân tộc bị áp bức đã trở thành vấn đề ủng hộ, vấn đề giúp đỡ thiết thực và thường xuyên các dân tộc bị áp bức, trong khi họ đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc để giành quyền bình đẳng thiết thực giữa các dân tộc, để giành quyền tồn tại như quốc gia độc lập.

Ngày trước, người ta dùng quan điểm cải lương chủ nghĩa mà xét vấn đề dân tộc, coi đó là một vấn đề riêng biệt, độc lập, mà không gắn nó vào vấn đề chung về chính quyền của Tư bản, về sự lật đổ chủ nghĩa đế quốc, về cách mạng vô sản. Người ta đã giả định ngầm rằng giai cấp vô sản ở châu Âu có thể thu được thắng lợi, mà không cần phải liên minh trực tiếp với phong trào giải phóng trong các thuộc địa : rằng vấn đề dân tộc và thuộc địa có thể được giải quyết một cách âm thầm, « một cách tự phát », tách rời con đường lớn của cách mạng vô sản, mà không cần phải đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc. Hiện nay, quan điểm phản cách mạng ấy

phải được coi như là đã bị bóc trần. Chủ nghĩa Lê-nin đã chứng thực và cuộc chiến tranh đế quốc và cuộc cách mạng ở Nga đã xác nhận rằng vấn đề dân tộc chỉ có thể giải quyết được, nếu đem gắn nó với cách mạng vô sản và đặt nó trên cơ sở cách mạng vô sản; rằng ở phương Tây, con đường thắng lợi của cách mạng phải thông qua sự liên minh cách mạng với phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc chống chủ nghĩa đế quốc. Vấn đề dân tộc là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản, một bộ phận của vấn đề chuyên chính vô sản.

Vấn đề đặt ra như sau: những khả năng cách mạng của phong trào giải phóng cách mạng của các nước bị áp bức *đã được dùng hết hay chưa?* Và nếu chưa dùng hết, thì liệu còn có hy vọng, có lý do dùng những khả năng ấy để làm cách mạng vô sản, để biến các nước phụ thuộc và thuộc địa, từ chỗ là lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa thành lực lượng hậu bị của giai cấp vô sản cách mạng, để làm cho các nước ấy thành đồng minh của giai cấp vô sản cách mạng không?

Trả lời câu hỏi ấy, chủ nghĩa Lê-nin trả lời rằng có, nghĩa là thừa nhận rằng có những khả năng cách mạng trong phong trào giải phóng dân tộc của các nước bị áp bức và xét thấy có thể dùng những khả năng ấy để lật đổ kẻ thù chung, để lật đổ chủ nghĩa đế quốc. Quy luật phát triển của chủ nghĩa đế quốc, chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và cách mạng ở Nga đều hoàn toàn xác nhận những kết luận của chủ nghĩa Lê-nin về vấn đề ấy.

Do đó, giai cấp vô sản ở các dân tộc « thống trị » cần phải quyết tâm và tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức và phụ thuộc.

Lẽ dĩ nhiên như thế không có nghĩa là bao giờ và đâu đâu, trong từng trường hợp riêng biệt và cụ thể, giai cấp vô sản đều phải ủng hộ *bất cứ* phong trào dân tộc nào. Vấn đề ở đây là phải ủng hộ những phong trào dân tộc nhằm mục đích làm suy yếu và lật đổ chủ nghĩa đế quốc, chứ không phải nhằm duy trì và củng cố chủ nghĩa đế quốc. Có những trường hợp

mà những phong trào dân tộc của một số nước bị áp bức, xung đột với lợi ích của sự phát triển của phong trào vô sản. Dĩ nhiên là trong những trường hợp ấy, người ta không thể nói đến ủng hộ được. Vấn đề quyền của các dân tộc không phải là một vấn đề biệt lập và độc lập tự tại, mà là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản, một bộ phận phụ thuộc vào toàn bộ và đòi hỏi phải được nhận xét trên quan điểm toàn bộ. Trong những năm 1840 — 1850, Mác ủng hộ phong trào dân tộc của dân Ba-lan và dân Hung, mà phản đối phong trào dân tộc của dân Tiệp và dân Sla-vơ miền Nam. Tại sao? Vì dân Tiệp và dân Sla-vơ miền Nam hồi đó là những « dân phản động », là những « tiền đồn Nga » ở châu Âu, những tiền đồn của chủ nghĩa chuyên chế, còn dân Ba-lan và dân Hung là những « dân cách mạng » đấu tranh chống chủ nghĩa chuyên chế. Vì hồi đó mà ủng hộ phong trào dân tộc của dân Tiệp và dân Sla-vơ miền Nam thì có nghĩa là gián tiếp ủng hộ chế độ Nga hoàng, kẻ thù nguy hiểm nhất của phong trào cách mạng châu Âu.

Lê-nin nói :

« Các yêu sách về dân chủ kể cả quyền dân tộc tự quyết không phải là một điều tuyệt đối, mà là một *bộ phận* của toàn bộ phong trào dân chủ (ngày nay : xã hội chủ nghĩa) *thế giới*. Có thể là trong một số trường hợp cụ thể nào đó, bộ phận lại mâu thuẫn với toàn bộ, lúc đó thì phải vứt bỏ bộ phận đi. » (Xem t. XIX, tr. 257-258[30]).

Đấy, vấn đề liên quan đến các phong trào dân tộc, đến tính chất phản động tạm thời của các phong trào ấy, là như thế, nếu người ta xét những phong trào ấy, cố nhiên không phải trên quan điểm hình thức, không phải trên quan điểm pháp quyền trừu tượng, mà xét một cách cụ thể, trên quan điểm lợi ích của phong trào cách mạng.

Về tính chất cách mạng của các phong trào dân tộc nói chung, thì cũng phải nói như vậy. Bản chất cách mạng không chối cãi được của tối đại đa số các phong trào dân tộc cũng tương đối và độc đáo như là bản chất phản động tạm thời của một số những phong trào dân tộc khác. Trong những điều kiện của sự áp bức đế quốc chủ nghĩa, tính chất cách mạng của phong trào dân tộc không nhất thiết đòi hỏi phải có sự tham

gia của những phần tử vô sản trong phong trào, phải có một cương lĩnh cách mạng hoặc cộng hòa của phong trào, phải có một cơ sở dân chủ của phong trào. Đứng về mặt khách quan mà xét thì cuộc đấu tranh của quốc vương Áp-ga-ni-stan giành độc lập cho nước Áp-ga-ni-stan là một cuộc đấu tranh *cách mạng*, mặc dầu quan điểm của quốc vương và của các bạn chiến đấu của ông là những quan điểm có tính chất quân chủ; vì cuộc đấu tranh đó làm suy yếu, làm tan rã và phá hoại chủ nghĩa đế quốc. Trái lại cuộc đấu tranh của bọn dân chủ và bọn « xã hội chủ nghĩa » « kịch liệt », của bọn « cách mạng » và bọn cộng hòa, như Kê-ren-sky và Tơ-xê-rê-tê-li, Rơ-nô-đen Sây-đơ-man, Tơ-se-rơ-nốp và Đan, Hen-đéc-xơn và Cơ-lai-nét trong chiến tranh đế quốc chủ nghĩa là một cuộc đấu tranh *phản động*, vì kết quả của nó là hóa trang, củng cố chủ nghĩa đế quốc và làm cho chủ nghĩa đế quốc thắng lợi. Cũng vì những lý do trên đây, nên đứng về mặt khách quan mà xét, thì cuộc đấu tranh của những thương gia và trí thức tư sản Ai-cập để giành độc lập cho Ai-cập là một cuộc đấu tranh *cách mạng*, mặc dầu những lãnh tụ của phong trào dân tộc Ai-cập xuất thân từ giai cấp tư sản và là tư sản, và tuy rằng họ chống lại chủ nghĩa xã hội. Trái lại, chính cũng vì những lý do đó mà cuộc đấu tranh của chính phủ « công nhân » Anh nhằm duy trì nước Ai-cập trong tình trạng phụ thuộc là một cuộc đấu tranh *phản động*, mặc dầu các ủy viên trong chính phủ ấy xuất thân từ giai cấp vô sản và là vô sản, và tuy rằng những kẻ này « ủng hộ » chủ nghĩa xã hội. Đây là tôi còn chưa nói đến phong trào dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc khác lớn rộng hơn, như Ấn-độ và Trung-hoa, mà mỗi bước tiến trên con đường tự giải phóng, dù cho có trái với những yêu cầu của nền dân chủ hình thức, thì cũng không vì thế mà không phải là một nhát búa tạ choảng vào chủ nghĩa đế quốc, nghĩa là một bước thực sự *cách mạng*.

Lê-nin đã có lý khi Người nói rằng không được đứng trên quan điểm nền dân chủ hình thức mà đánh giá phong trào dân tộc ở các nước bị áp bức, mà phải đứng trên quan điểm những kết quả thiết thực trong sự tổng kết cuộc đấu tranh chống chủ

nghĩa đế quốc mà đánh giá phong trào đó nghĩa là «không được đánh giá một cách riêng rẽ, mà phải đặt nó trên phạm vi thế giới mà đánh giá». (Xem t. XIX, tr. 257 [30].)

2. Phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức và cách mạng vô sản. Để giải quyết vấn đề dân tộc, chủ nghĩa Lê-nin xuất phát từ những nguyên lý sau đây :

a) thế giới chia ra hai phe : phe một nhúm nhỏ gồm các dân tộc văn minh nắm giữ tư bản tài chính và bóc lột tối đại đa số dân cư trên trái đất và phe các dân tộc bị áp bức và bị bóc lột ở các nước thuộc địa và các nước phụ thuộc họp thành đa số nói trên ;

b) các thuộc dịa và các nước phụ thuộc bị tư bản tài chính áp bức và bóc lột, là một lực lượng hậu bị rộng lớn và một nguồn lực lượng hết sức quan trọng cho chủ nghĩa đế quốc ;

c) cuộc đấu tranh cách mạng của các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa và phụ thuộc chống chủ nghĩa đế quốc là con đường duy nhất đối với họ để tự giải phóng khỏi ách áp bức và bóc lột ;

d) các nước thuộc địa và phụ thuộc đã đi vào con đường vận động giải phóng dân tộc, con đường nhất định phải đưa đến sự khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thế giới ;

đ) lợi ích của phong trào vô sản ở các nước tiên tiến và của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa đòi hỏi là cả hai loại phong trào cách mạng phải kết hợp thành một mặt trận chung chống kẻ thù chung, chống chủ nghĩa đế quốc ;

e) thắng lợi của giai cấp công nhân ở các nước tiên tiến và sự giải phóng của các dân tộc bị áp bức ra khỏi ách chủ nghĩa đế quốc đều không thể có được, nếu không thành lập và củng cố một mặt trận cách mạng chung ;

g) việc thành lập một mặt trận cách mạng chung sẽ không thể thực hiện được, nếu giai cấp vô sản thuộc các dân tộc đi áp bức không trực tiếp và cương quyết ủng hộ phong trào

giải phóng của các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa đế quốc « nước mình », vì « một dân tộc đi áp bức những dân tộc khác, không thể là một dân tộc tự do được » *(Ăng-ghen)*;

h) sự ủng hộ ấy thực hiện bằng cách yêu sách, bảo vệ, và thực hành khẩu hiệu : các dân tộc được quyền tách ra khỏi « chính quốc » và thành lập một quốc gia độc lập ;

i) không thực hành khẩu hiệu ấy thì không thể tổ chức được sự liên hợp và sự hợp tác giữa các dân tộc trong một nền kinh tế thế giới duy nhất, cơ sở vật chất của sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội thế giới ;

k) sự liên hợp ấy chỉ có thể là sự liên hợp tự nguyện, dựa trên sự tín nhiệm lẫn nhau và những mối quan hệ anh em giữa các dân tộc.

Do đó có hai mặt, hai xu hướng trong vấn đề dân tộc: xu hướng giải thoát, về chính trị, ra khỏi sự ràng buộc của chủ nghĩa đế quốc và thành lập những quốc gia dân tộc độc lập, xu hướng này xuất hiện trên cơ sở sự áp bức đế quốc chủ nghĩa và sự bóc lột thuộc địa — và xu hướng làm cho các dân tộc gắn bó với nhau về mặt kinh tế, xu hướng này do sự hình thành của một thị trường thế giới và của một nền kinh tế thế giới sinh ra.

Lê-nin nói :

« Trong quá trình phát triển của mình, chủ nghĩa tư bản đã gặp hai xu hướng lịch sử trong vấn đề dân tộc. Xu hướng thứ nhất là sự thức tỉnh của sinh hoạt dân tộc và của các phong trào dân tộc, là cuộc đấu tranh chống mọi áp bức dân tộc, là sự thành lập các quốc gia dân tộc. Xu hướng thứ hai là việc phát triển và việc tăng gia các mối liên hệ về mọi mặt giữa các dân tộc và sự phá hủy các hàng rào dân tộc, việc tạo ra sự thống nhất quốc tế của Tư bản, của đời sống kinh tế nói chung, của chính trị, của khoa học, v v...

Hai xu hướng đó là một quy luật thế giới của chủ nghĩa tư bản Xu hướng thứ nhất thịnh hành trong lúc chủ nghĩa tư bản bắt đầu phát triển, xu hướng thứ hai chỉ rõ đặc điểm của chủ nghĩa tư bản đã chín muồi, đang đi tới chỗ chuyển biến thành xã hội xã hội chủ nghĩa » Xem t. XVII, tr. 139 - 140 [31]).

Đối với chủ nghĩa đế quốc, hai xu hướng ấy tỏ ra là những mâu thuẫn không thể điều hòa với nhau được, vì chủ nghĩa đế

quốc không thể sống được, nếu không bóc lột các thuộc địa và không dùng vũ lực kìm hãm thuộc địa trong khuôn khổ một « khối duy nhất »; vì chủ nghĩa đế quốc chỉ có thể làm cho các dân tộc gần gũi nhau bằng con đường thôn tính và chiếm đoạt thuộc địa, không thế thì nói chung, chủ nghĩa đế quốc bất thành chủ nghĩa đế quốc nữa.

Trái lại, đối với chủ nghĩa cộng sản thì những xu hướng ấy chỉ là hai mặt của một việc độc nhất, của việc giải phóng các dân tộc bị áp bức khỏi ách đế quốc chủ nghĩa, vì chủ nghĩa cộng sản hiểu rằng sự liên hợp các dân tộc trong một nền kinh tế thế giới duy nhất chỉ có thể có được trên cơ sở một sự tín nhiệm lẫn nhau và một sự thỏa thuận tự nguyện; rằng con đường tạo nên sự liên hợp tự nguyện giữa các dân tộc phải kinh qua việc tách các thuộc địa khỏi cái « khối » đế quốc chủ nghĩa « duy nhất », phải kinh qua sự chuyển biến của các nước đó thành những quốc gia độc lập.

Do đó, cần phải có một cuộc đấu tranh kiên tâm, không ngừng, kiên quyết chống chủ nghĩa sô-vanh chính quốc của bọn « xã hội chủ nghĩa » các dân tộc thống trị (Anh, Pháp, Mỹ, Ý, Nhật, v.v...) là bọn không muốn đánh đổ chính phủ đế quốc chủ nghĩa của chúng, không muốn ủng hộ các dân tộc bị áp bức ở các thuộc địa « của chúng » trong khi họ đấu tranh để thoát ách nô lệ và để tự lập thành những quốc gia độc lập.

Không có một cuộc đấu tranh như thế, thì không thể nào giáo dục được giai cấp công nhân các dân tộc thống trị, theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế chân chính, theo tinh thần gần gũi với quần chúng cần lao các nước phụ thuộc và các thuộc địa, theo tinh thần chuẩn bị thực sự cuộc cách mạng vô sản. Cách mạng có lẽ đã không thể thắng lợi ở Nga, và Côn-tơ-sắc cùng Đê-nê-kin có lẽ đã không bị đánh bại, nếu giai cấp vô sản Nga không có được cảm tình và sự ủng hộ của các dân tộc bị áp bức trong đế quốc Nga cũ. Nhưng muốn tranh thủ được cảm tình và sự ủng hộ của các dân tộc ấy, thì nước Nga trước hết phải bẻ gẫy xiềng xích của chủ nghĩa đế quốc Nga và giải thoát các dân tộc ấy khỏi sự áp bức dân tộc.

Không thế, thì có lẽ đã không có thể củng cố được chính quyền xô-viết, dựng nên chủ nghĩa quốc tế chân chính và sáng

lập được tổ chức hợp tác đáng chú ý của các dân tộc, tổ chức gọi là Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, và là một kiểu mẫu sinh động về sự liên hợp tương lai giữa các dân tộc tập hợp trong một nền kinh tế thế giới duy nhất.

Do đó, cần phải đấu tranh chống xu hướng chỉ bo bo trong khuôn khổ thuần túy dân tộc, tinh thần hẹp hòi, tinh thần cục bộ của bọn xã hội chủ nghĩa ở các nước bị áp bức, họ không muốn nhìn xa ra ngoài bờ cõi nước mình, và không hiểu mối liên hệ ràng buộc phong trào giải phóng nước họ với phong trào vô sản ở những nước thống trị.

Không có một cuộc đấu tranh như thế, thì người ta không thể bảo vệ được chính sách độc lập mà giai cấp vô sản thuộc những dân tộc bị áp bức, phải tiến hành; không thể bảo vệ được tình đoàn kết giai cấp của nó với giai cấp vô sản các nước thống trị trong cuộc đấu tranh để lật đổ kẻ thù chung, trong cuộc đấu tranh để lật đổ chủ nghĩa đế quốc.

Không có cuộc đấu tranh này, thì không thể thực hiện được chủ nghĩa quốc tế.

Đó là con đường phải theo để giáo dục quần chúng cần lao các dân tộc thống trị và các dân tộc bị áp bức, theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế cách mạng.

Về hai nhiệm vụ ấy của chủ nghĩa cộng sản trong việc giáo dục công nhân theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế, Lê-nin nói như sau:

«Đối với các dân tộc lớn đi áp bức và các dân tộc nhỏ bị áp bức, đối với các dân tộc đi thôn tính và các dân tộc bị thôn tính, thì nền giáo dục đó có thể... *giống hệt nhau một cách cụ thể* không?

Hiển nhiên là không. Việc đi đến một mục đích duy nhất — tức là sự bình đẳng hoàn toàn, sự gần gũi mật thiết nhất, và việc *hợp nhất* sau này của *tất cả* các dân tộc, — lẽ dĩ nhiên là ở đây, có thể tiến theo nhiều con đường cụ thể khác nhau: cũng như muốn đi đến, chẳng hạn, một điểm ở giữa trang giấy người ta có thể bắt đầu đi từ rìa phía tả hay từ rìa phía hữu. Nếu khi tuyên truyền việc hợp nhất các dân tộc nói chung, một người xã hội-dân chủ ở một dân tộc lớn xâm lược đi áp bức, lại quên, mặc dầu chỉ quên trong giây lát, rằng Ni-cô-la II «của mình», Guy-ôm «của mình», Gioóc-giơ, Poăng-ca-rê và bọn khác nữa, *chính chúng cũng đều tán thành việc hợp nhất* với các dân tộc nhỏ (hợp nhất bằng những cuộc thôn tính) — Ni-cô-la II tán thành việc «hợp

nhất » với xứ Ga-li-xi, Guy-ôm II thì tán thành việc « hợp nhất » với nước Bỉ v.v... — một người xã hội dân chủ như thế, thì về mặt lý luận là một người giáo điều chủ nghĩa lố bịch, và về mặt thực tiễn, là kẻ phụ lực của chủ nghĩa đế quốc.

Trọng tâm của việc giáo dục chủ nghĩa quốc tế cho công nhân ở các nước đi áp bức bắt buộc phải là việc tuyên truyền và bảo vệ quyền tự do phân lập của các nước bị áp bức. Nếu không thì *không* có chủ nghĩa quốc tế. Bất cứ người xã hội - dân chủ nào thuộc một dân tộc đi áp bức, mà *không* tuyên truyền như thế, thì chúng ta có quyền và có nhiệm vụ coi người đó là một tên đế quốc, là một kẻ vô lại. Đó là một yêu sách tuyệt đối, dù cho rằng, trong một nghìn trường hợp, chỉ có *độc một trường hợp* là có thể có và có thể « thực hiện » được một sự phân lập như thế, trước ngày chủ nghĩa xã hội ra đời.

Trái lại, người xã hội - dân chủ thuộc một dân tộc nhỏ có nhiệm vụ lấy *phần thứ nhất* của công thức của chúng ta là « sự liên hợp tự do » giữa các dân tộc làm trọng tâm công tác tuyên truyền của mình. Người đó có thể *vừa* tán thành nền độc lập chính trị của dân tộc mình, *vừa* tán thành việc sát nhập dân tộc mình vào một quốc gia láng giềng X,Y,Z, v.v..., mà không vi phạm những nghĩa vụ của một người quốc tế chủ nghĩa. Nhưng, ở trường hợp nào cũng thế, người đó phải đấu tranh *chống lại* tinh thần dân tộc hẹp hòi nhỏ nhen, chống lại xu hướng bo bo chỉ biết có mình, tự cô lập mình, và phải đấu tranh để cho tính chất toàn bộ và tính chất tổng quát của phong trào được coi trọng, đấu tranh cho quyền lợi riêng phải phụ thuộc vào quyền lợi chung.

Những người chưa nghiên cứu sâu vấn đề thì thấy rằng việc những người xã hội - dân chủ thuộc các dân tộc đi áp bức nhấn mạnh vào « quyền tự do *phân lập* », và việc những người xã hội - dân chủ thuộc các dân tộc bị áp bức nhấn mạnh vào « quyền tự do *liên hiệp* » là « trái ngược nhau ». Nhưng chỉ cần suy nghĩ một chút là thấy rằng trong hoàn cảnh *như thế* thì không có và không thể có con đường *nào khác* để đi tới chủ nghĩa quốc tế và việc hợp nhất các dân tộc ». (Xem t. XIX, tr. 261-262[30].)

VII

CHIẾN LƯỢC VÀ SÁCH LƯỢC

Về đề mục này, tôi sẽ chú trọng sáu vấn đề :

a) chiến lược và sách lược, tức là khoa học lãnh đạo cuộc đấu tranh giai cấp của vô sản ;

b) những giai đoạn cách mạng và chiến lược;

c) cao trào và thoái trào của phong trào và sách lược;

d) sự chỉ đạo chiến lược;

đ) sự chỉ đạo sách lược;

e) chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa cách mạng.

1. Chiến lược và sách lược, tức là khoa học lãnh đạo cuộc đấu tranh giai cấp của vô sản. Thời kỳ thống trị của Đệ nhị Quốc tế chủ yếu là thời kỳ đào tạo và huấn luyện các đội quân vô sản chính trị trong những điều kiện phát triển tương đối hòa bình. Là thời kỳ mà chế độ đại nghị là hình thức chủ yếu của đấu tranh giai cấp. Những vấn đề thuộc về những cuộc đại xung đột giai cấp, việc chuẩn bị cho giai cấp vô sản chiến đấu cách mạng, những phương pháp để giành chuyên chính vô sản hình như không phải là vấn đề bức thiết. Nhiệm vụ lúc đó tóm lại là như sau: lợi dụng tất cả những con đường phát triển hợp pháp để đào tạo và huấn luyện các đội quân vô sản, lợi dụng chế độ đại nghị đồng thời phải chú ý đến những điều kiện trong đó giai cấp vô sản hình như luôn luôn và phải luôn luôn có một thái độ đối lập. Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng trong một thời kỳ như thế và với một sự nhận định về nhiệm vụ của giai cấp vô sản như thế, thì không thể nào có được chiến lược hoàn chỉnh và sách lược sâu sắc. Chỉ có những mảnh vụn, những ý niệm rời rạc về sách lược và chiến lược mà thôi. Còn sách lược và chiến lược thì không hề có.

Tội lỗi nguy hại của Đệ nhị Quốc tế không phải là đã áp dụng sách lược dùng những hình thức đấu tranh nghị viện trong thời mình, mà là đã đánh giá quá cao tầm quan trọng của các hình thức ấy, những hình thức mà họ coi như những hình thức duy nhất có thể có được hoặc gần như thế; và khi thời kỳ đấu tranh cách mạng công khai đã đến, và vấn đề hình thức đấu tranh ngoài nghị viện đã được đặt lên hàng đầu, thì các đảng Đệ nhị Quốc tế lảng tránh và từ chối những nhiệm vụ mới.

Chỉ đến thời kỳ kế đó, thời kỳ hành động công khai của giai cấp vô sản, thời kỳ cách mạng vô sản, trong đó vấn đề lật đổ giai cấp tư sản trở thành một vấn đề thực tiễn cấp bách;

trong đó vấn đề lực lượng hậu bị của giai cấp vô sản (chiến lược) trở thành một trong những vấn đề bức thiết nhất; trong đó tất cả những hình thức đấu tranh và hình thức tổ chức — trong nghị viện và ngoài nghị viện (sách lược) — đã biểu lộ ra một cách hoàn toàn rõ rệt, — chỉ trong thời kỳ này, mới có thể đặt ra được một chiến lược hoàn chỉnh và một sách lược sâu sắc cho cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản. Chính trong thời kỳ này, Lê-nin lại đem ra ánh sáng những tư tưởng thiên tài của Mác và Ăng-ghen về sách lược và chiến lược, những tư tưởng mà bọn cơ hội chủ nghĩa của Đệ nhị Quốc tế đã đem giấu kín đi. Nhưng Lê-nin không phải chỉ biết có khôi phục những nguyên lý sách lược ấy của Mác và Ăng-ghen. Ông còn phát triển và bổ sung những nguyên lý ấy bằng những tư tưởng và nguyên lý mới, và gom góp hết thảy thành một hệ thống quy tắc và nguyên tắc chỉ đạo để hướng dẫn cuộc đấu tranh giai cấp của vô sản. Không thể chối cãi được, những tác phẩm của Lê-nin như: *Làm gì? Hai sách lược, Chủ nghĩa đế quốc, Nhà nước và Cách mạng, Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-sky, Bệnh ấu trĩ* đều là một trong những cống hiến quý báu nhất vào kho tàng chung của chủ nghĩa Mác, vào xưởng võ khí cách mạng của nó. Chiến lược và sách lược của chủ nghĩa Lê-nin là khoa học về sự chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản.

2. *Những giai đoạn cách mạng và chiến lược.* Chiến lược có nhiệm vụ là căn cứ vào một giai đoạn nhất định của cách mạng mà quy định hướng tấn công chủ yếu của giai cấp vô sản; là đặt ra một kế hoạch thích hợp về sự bố trí các lực lượng cách mạng (lực lượng hậu bị chủ yếu và thứ yếu); là đấu tranh để thực hiện kế hoạch ấy trong suốt giai đoạn cách mạng nói đó.

Cách mạng của chúng ta đã vượt qua hai giai đoạn, và sau Cách mạng tháng Mười, nó đã bước vào giai đoạn thứ ba. Bởi thế, chiến lược đã thay đổi.

Giai đoạn thứ nhất: 1903 - tháng Hai 1917. Mục đích: đánh đổ chế độ Nga hoàng, thủ tiêu hoàn toàn những tàn dư trung cổ. Lực lượng cơ bản của cách mạng: giai cấp vô sản.

Lực lượng hậu bị gần nhất: nông dân. Hướng tấn công chủ yếu: cô lập giai cấp tư sản quân chủ tự do, là giai cấp đang cố lôi kéo nông dân và thủ tiêu cách mạng bằng một *sự thỏa hiệp* với chế độ Nga hoàng. Kế hoạch bố trí lực lượng: liên minh công nông. « Giai cấp vô sản phải làm cách mạng dân chủ tới cùng bằng cách kéo quần chúng nông dân theo mình, để đè bẹp bằng bạo lực sự phản kháng của chế độ chuyên chế và làm tê liệt tính không ổn định của giai cấp tư sản. » (Xem t. VIII, tr. 96 [17].)

Giai đoạn thứ hai: tháng Ba 1917 - tháng Mười 1917. Mục đích: đánh đổ chủ nghĩa đế quốc ở Nga và thoát ra khỏi chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Lực lượng cơ bản của cách mạng: giai cấp vô sản. Lực lượng hậu bị gần nhất: nông dân nghèo. Giai cấp vô sản các nước láng giềng: lực lượng hậu bị có thể có được. Chiến tranh kéo dài và khủng hoảng của chủ nghĩa đế quốc là thời cơ tốt. Hướng tấn công chủ yếu: cô lập phái dân chủ tiểu tư sản (men-sê-vích, xã hội chủ nghĩa - cách mạng) là bọn cố lôi kéo quần chúng nông dân lao động và cố kết thúc cách mạng bằng một *sự thỏa hiệp* với chủ nghĩa đế quốc. Kế hoạch bố trí lực lượng: liên minh giữa giai cấp vô sản với nông dân nghèo. « Giai cấp vô sản phải làm cách mạng xã hội chủ nghĩa bằng cách kéo những thành phần nửa vô sản trong nhân dân theo mình, để đập tan bằng bạo lực sự phản kháng của giai cấp tư sản và làm tê liệt tính không ổn định của nông dân và giai cấp tiểu tư sản. » *(Như trên.)*

Giai đoạn thứ ba: bắt đầu từ sau Cách mạng tháng Mười. Mục đích: củng cố chuyên chính vô sản trong một nước duy nhất và dùng nó làm chỗ dựa để chiến thắng chủ nghĩa đế quốc ở tất cả các nước. Cách mạng vượt ra ngoài khuôn khổ một nước, thời kỳ cách mạng thế giới đã bắt đầu. Lực lượng cơ bản của cách mạng: chuyên chính vô sản trong một nước, phong trào cách mạng của giai cấp vô sản trong tất cả các nước. Lực lượng hậu bị chủ yếu: quần chúng nửa vô sản và tiểu nông trong các nước phát triển, phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Hướng tấn công chủ yếu: cô lập phái dân chủ tiểu tư sản, cô lập các đảng của Đệ nhị

Quốc tế, tức là chỗ dựa chủ yếu của chính sách *thỏa hiệp* với chủ nghĩa đế quốc. Kế hoạch bố trí lực lượng: liên minh giữa cách mạng vô sản với phong trào giải phóng các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Chiến lược nghiên cứu các lực lượng cơ bản của cách mạng và các lực lượng hậu bị của những lực lượng cơ bản đó. Chiến lược thay đổi mỗi khi cách mạng chuyển từ giai đoạn này sang giai đoạn khác, nhưng trong suốt một giai đoạn nhất định thì về căn bản, chiến lược không thay đổi.

3. *Cao trào và thoái trào của phong trào và sách lược.* Sách lược có nhiệm vụ là quy định đường lối hành động của giai cấp vô sản trong một thời kỳ tương đối ngắn của cao trào hoặc thoái trào trong phong trào, của cao trào cách mạng hoặc thoái trào cách mạng; là đấu tranh để áp dụng đường lối ấy, bằng cách đem các hình thức đấu tranh và tổ chức mới thay cho những hình thức đấu tranh và tổ chức cũ, đem những khẩu hiệu mới thay cho những khẩu hiệu cũ, bằng cách phối hợp những hình thức ấy với nhau, v.v... Nếu như mục đích của chiến lược là chiến thắng chẳng hạn chế độ Nga hoàng hoặc giai cấp tư sản, và tiến hành đến cùng cuộc đấu tranh chống chế độ Nga hoàng hay giai cấp tư sản, thì những mục đích của sách lược lại không trọng đại bằng, vì nó phải ra sức chiến thắng, không phải trong toàn bộ cuộc chiến tranh, mà trong những trận chiến đấu này hoặc những trận chiến đấu khác, nó phải ra sức thực hiện có kết quả những chiến dịch này hoặc những chiến dịch khác, những hành động này hoặc những hành động khác thích hợp với tình hình cụ thể, trong một giai đoạn cao trào nhất định hoặc thoái trào nhất định của cách mạng. Sách lược là một bộ phận của chiến lược, phụ thuộc vào chiến lược và cốt để phục vụ chiến lược.

Sách lược thay đổi tùy theo cao trào và thoái trào. Trong lúc mà suốt giai đoạn thứ nhất của cuộc cách mạng (1903 - Tháng Hai 1917), kế hoạch chiến lược vẫn y nguyên, thì sách lược, trong thời gian ấy, đã thay đổi nhiều lần. Trong thời kỳ 1903 - 1905, sách lược của Đảng là sách lược tấn công, vì lúc đó là cao trào cách mạng, phong trào cách mạng đi lên và sách

lược phải căn cứ vào thực tế đó. Do đó, chính những hình thức đấu tranh cũng có tính chất cách mạng và hợp với những đòi hỏi của cao trào cách mạng. Bãi công chính trị địa phương, biểu tình chính trị, tổng bãi công chính trị, tẩy chay viện Đu-ma, khởi nghĩa, khẩu hiệu cách mạng chiến đấu, đấy là những hình thức đấu tranh kế tiếp nhau suốt trong thời kỳ ấy. Cả những hình thức tổ chức cũng thay đổi theo những hình thức đấu tranh. Ủy ban nhà máy, ủy ban nông dân cách mạng, ủy ban bãi công, Xô-viết đại biểu công nhân, đảng công nhân tương đối công khai, đấy là những hình thức tổ chức suốt trong thời kỳ ấy.

Trong thời kỳ 1907 - 1912, Đảng bắt buộc phải chuyển sang sách lược thoái thủ, bởi vì lúc ấy là thời kỳ thoái trào của phong trào cách mạng, thời kỳ thoái trào cách mạng — và sách lược nhất định phải đếm xỉa đến thực tế ấy. Do đó, những hình thức đấu tranh cũng thay đổi, cả những hình thức tổ chức cũng thế. Đáng lẽ tẩy chay viện Đu-ma, thì lại tham gia viện Đu-ma; đáng lẽ hành động cách mạng công khai ngoài nghị viện thì lại phải hành động và công tác trong viện Đu-ma; đáng lẽ tổng bãi công chính trị thì lại phải bãi công kinh tế bộ phận hoặc chỉ im hơi lặng tiếng mà thôi. Người ta hiểu rằng suốt trong thời kỳ ấy, Đảng đã phải chuyển sang hoạt động bí mật; còn các tổ chức cách mạng quần chúng thì được thay thế bằng những hội giáo dục và văn hóa, hợp tác xã, quỹ bảo hiểm và các tổ chức hợp pháp khác.

Cũng phải nói như thế đối với các giai đoạn thứ hai và thứ ba của cách mạng, trong đó sách lược thay đổi hàng chục lần, còn những kế hoạch chiến lược thì vẫn không thay đổi.

Sách lược nghiên cứu những hình thức đấu tranh và những hình thức tổ chức của giai cấp vô sản, việc thay thế lẫn nhau và sự phối hợp với nhau giữa những hình thức ấy. Căn cứ vào một giai đoạn cách mạng nhất định, sách lược có thể đổi thay nhiều lần tùy theo cao trào hoặc thoái trào, tùy theo lúc đang lên hoặc lúc đang xuống của cách mạng.

4. *Sự chỉ đạo chiến lược.* Những lực lượng hậu bị của cách mạng có thể là những lực lượng sau đây:

Lực lượng trực tiếp: a) nông dân, và nói chung, các tầng lớp trung gian của nhân dân trong nước; b) giai cấp vô sản các nước láng giềng; c) phong trào cách mạng trong các nước thuộc địa và phụ thuộc; d) những thành quả và những thành tựu của chuyên chính vô sản mà giai cấp vô sản có thể tạm gác lại một phần — mà vẫn giữ ưu thế về lực lượng — để đổi lấy một thời gian hòa hoãn của một kẻ thù mạnh; và

Lực lượng gián tiếp: a) những mâu thuẫn và xung đột giữa những giai cấp phi vô sản trong nước, mà giai cấp vô sản có thể lợi dụng được để làm suy yếu kẻ thù và tăng cường những lực lượng hậu bị của bản thân mình lên; b) những mâu thuẫn, xung đột và chiến tranh (chiến tranh đế quốc chủ nghĩa chẳng hạn) nổ ra giữa các quốc gia tư sản thù địch với quốc gia vô sản, mâu thuẫn, xung đột, chiến tranh mà giai cấp vô sản có thể lợi dụng được trong cuộc tấn công của mình hoặc trong trường hợp bắt buộc phải thoái thủ.

Tuyệt nhiên không cần phải nói dài dòng về những lực lượng hậu bị loại thứ nhất, tầm quan trọng của lực lượng đó đều dễ hiểu đối với mọi người và mỗi người. Còn về những lực lượng hậu bị thuộc loại thứ hai mà tác dụng thường không được rõ rệt, thì phải nói rằng những lực lượng đó đôi khi là những lực lượng quan trọng bậc nhất đối với tiến trình của cách mạng. Người ta không thể phủ nhận được tầm quan trọng lớn lao của cuộc xung đột giữa phái dân chủ tiểu tư sản (tức bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng) và phái tư sản quân chủ tự do (tức bọn lập hiến - dân chủ), trong và sau cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất chẳng hạn; cuộc xung đột ấy, không thể chối cãi được, đã góp phần vào việc kéo nông dân ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản. Người ta lại càng không thể phủ nhận được tầm quan trọng rất lớn của cuộc chiến tranh chí chết giữa những nhóm đế quốc chủ nghĩa chủ yếu, trong thời kỳ Cách mạng tháng Mười, là lúc mà vì chúi đầu đánh lẫn nhau, bọn đế quốc không thể tập trung lực lượng để chống chính quyền Xô-viết non trẻ, và chính vì lẽ ấy mà giai cấp vô sản đã có thể thực sự bắt tay vào tổ chức lực lượng của mình, vào củng cố chính quyền của mình và chuẩn bị việc đè bẹp

Côn-tơ-sắc và Đê-ni-kin. Phải tin rằng hiện nay khi mà những đối kháng giữa những nhóm đế quốc chủ nghĩa ngày càng gay gắt hơn và một cuộc chiến tranh mới giữa bọn chúng trở thành không thể tránh khỏi, thì những lực lượng hậu bị loại ấy sẽ có một tầm quan trọng ngày càng đáng kể đối với giai cấp vô sản.

Sự chỉ đạo chiến lược có nhiệm vụ vận dụng chính xác tất cả những lực lượng hậu bị ấy, để đạt mục đích căn bản của cách mạng ở một giai đoạn phát triển nhất định của cách mạng.

Thế nào là vận dụng chính xác những lực lượng hậu bị?

Là phải chấp hành đủ một số điều kiện cần thiết, trong số đó những điều kiện sau đây phải được coi là chủ yếu :

Thứ nhất. Tập trung những lực lượng chủ yếu của cách mạng vào lúc quyết định để đánh vào chỗ yếu nhất của địch, khi cách mạng đã chín muồi, khi cuộc tấn công đang được tiến hành hết tốc độ, khi cuộc khởi nghĩa sắp bùng nổ đến nơi và khi việc tập hợp các lực lượng hậu bị vào đội tiền phong là điều kiện quyết định của thắng lợi. Chiến lược của Đảng trong thời kỳ từ tháng Tư đến tháng Mười 1917 có thể coi là một tỷ dụ về cách sử dụng lực lượng hậu bị như thế. Trong thời kỳ ấy, chỗ yếu nhất của địch nhất định là chiến tranh. Chắc chắn là chính trong vấn đề này, một vấn đề được coi là vấn đề cơ bản, Đảng đã tập hợp xung quanh đội tiền phong vô sản những quần chúng nhân dân sâu rộng. Trong thời kỳ này, chiến lược của Đảng tóm lại là như sau : dùng những cuộc biểu tình và tuần hành thị uy mà dạy cho đội tiên phong tiến hành những hoạt động ngoài đường phố và đồng thời thông qua các Xô-viết ở hậu phương và các ủy ban binh sĩ ở tiền tuyến mà đem lại cho đội tiên phong đó những lực lượng hậu bị. Kết cục của cách mạng đã tỏ ra rằng những lực lượng hậu bị đã được sử dụng một cách chính xác.

Dưới đây là điều mà Lê-nin, khi diễn giải những nguyên lý nổi tiếng của Mác và Ăng-ghen về khởi nghĩa, đã nói về điều kiện ấy của việc vận dụng theo chiến lược các lực lượng cách mạng :

«1. Không bao giờ được đùa với khởi nghĩa cả và một khi đã bắt đầu khởi nghĩa thì cần nhớ kỹ rằng phải *tiến cho đến cùng*.

2. Phải tập hợp, ở địa điểm quyết định, trong một thời cơ quyết định, những *lực lượng thật nhiều hơn* lực lượng của địch, nếu không thì địch, được chuẩn bị và có tổ chức hơn, sẽ tiêu diệt những người khởi nghĩa.

3. Một khi đã bắt đầu khởi nghĩa thì phải hết sức *quyết tâm* hành động và dù sao thì cũng phải tuyệt đối chuyển sang *tấn công*. «Phòng ngự là con đường chết của khởi nghĩa vũ trang.»

4. Phải cố gắng đánh bất thình lình vào địch, cố gắng nắm đúng thời cơ khi quân đội địch còn phân tán.

5. Mỗi ngày phải thu được thắng lợi, dù là thắng lợi không được to lớn lắm (nếu là ở thành phố, thì có thể nói là: từng giờ), đồng thời nhất thiết phải giữ cho bằng được «*ưu thế về tinh thần*». (Xem t. XXI tr. 319 - 320[32].)

Thứ hai. Chọn cho thật đúng thời cơ để đánh đòn quyết định, thời cơ để bắt đầu khởi nghĩa, tức là lúc mà cuộc khủng hoảng đã phát triển đến cực độ; lúc mà đội tiền phong đã sẵn sàng chiến đấu đến cùng; lúc mà những lực lượng hậu bị đã sẵn sàng ủng hộ đội tiền phong và lúc mà hàng ngũ địch đã hỗn loạn nhất.

Lê-nin nói:

«Người ta có thể cho rằng đã đến lúc tiến hành trận đánh quyết định *nếu* «(1) tất cả các lực lượng giai cấp thù địch với chúng ta đã gặp phải bước khó khăn đến mức đầy đủ, đã xâu xé nhau đến mức đầy đủ, đã thật suy nhược vì một cuộc đấu tranh quá sức chúng»; *nếu* «(2) tất cả những phần tử trung gian, do dự, bấp bênh, không ổn định — tức giai cấp tiểu tư sản, phái dân chủ tiểu tư sản phân biệt với giai cấp tư sản — bị lột mặt nạ trước nhân dân một cách đầy đủ và vì sự phá sản của họ trong thực tiễn mà tự bêu xấu đến mức đầy đủ»; *nếu* «(3) trong nội bộ giai cấp vô sản, một trào lưu dư luận mạnh mẽ xuất hiện và bắt đầu lôi kéo được quần chúng vào hành động có tính chất quyết định nhất, kiên quyết nhất, táo bạo và cách mạng nhất chống giai cấp tư sản. Chỉ lúc đó cách mạng mới chín muồi, chỉ lúc đó thắng lợi của chúng ta mới được bảo đảm, nếu chúng ta đã thật chú ý đến tất cả những điều kiện nói trên... nếu chúng ta đã chọn được thời cơ thật đúng». (Xem t. XXV, tr. 229[5].)

Việc tổ chức cuộc khởi nghĩa tháng Mười có thể coi là một kiểu mẫu vận dụng chiến lược ấy.

Không theo đúng điều kiện đó thì sẽ phạm phải một sai lầm nguy hiểm mà người ta gọi là « mất nhịp độ »; điều đó cũng sẽ xẩy ra khi Đảng theo không kịp bước tiến của phong trào, hoặc vượt quá xa phong trào, như thế sẽ gây ra nguy cơ thất bại. Một tỷ dụ về việc « mất nhịp độ » ấy, một tỷ dụ về cách chọn thời cơ khởi nghĩa không đúng lúc, ấy là việc một số các đồng chí chúng ta toan bắt đầu cuộc khởi nghĩa bằng việc bắt giam các đại biểu dự Hội nghị dân chủ[33] hồi tháng Chín 1917, lúc mà các Xô-viết còn do dự, quân đội ở tiền tuyến còn trù trừ và các lực lượng hậu bị chưa tiến kịp đội tiền phong.

Thứ ba. Một khi phương hướng đã định, phải kiên trì theo phương hướng đó bất chấp mọi thứ khó khăn và trở ngại trên con đường đưa tới mục đích, để cho đội tiền phong khỏi lạc mất mục đích cơ bản của cuộc đấu tranh, và để cho quần chúng không lạc đường khi tiến tới mục đích ấy và khi ra sức tập hợp xung quanh đội tiền phong. Không theo đúng điều kiện đó thì sẽ đưa đến một sai lầm nặng mà các thủy thủ đều biết rõ và gọi là « mất phương hướng ». Phải coi thái độ sai lầm của Đảng ta, ngay sau cuộc Hội nghị dân chủ, khi Đảng quyết định tham dự Tiền nghị viện, là một tỷ dụ về « mất phương hướng » như thế. Lúc ấy, Đảng hình như quên rằng Tiền nghị viện là một mưu mô của giai cấp tư sản cốt làm cho nước nhà đi chệch con đường Xô-viết, đặng kéo nước nhà đi vào con đường chế độ đại nghị tư sản; rằng sự tham dự của Đảng vào một cơ quan như thế có thể làm rối loạn tất cả mọi kế hoạch và làm lạc hướng công nông là những người đang tiến hành đấu tranh cách mạng dưới khẩu hiệu: « Toàn bộ chính quyền về tay các Xô-viết ». Sai lầm ấy đã được sửa chữa bằng việc các người bôn-sê-vích thoát ly Tiền nghị viện.

Thứ tư. Điều động các lực lượng hậu bị mà rút lui sao cho có trật tự tốt, khi địch mạnh, khi nhất thiết phải rút lui, khi đã rõ rệt rằng địch muốn buộc ta giao chiến, mà ta giao chiến là bất lợi, và khi xét tương quan giữa các lực lượng

đang giao chiến, thì rút lui, trở thành thủ đoạn duy nhất để giúp cho đội tiền phong tránh khỏi ngọn đòn đang hăm dọa nó, và để bảo tồn các lực lượng hậu bị cho nó.

Lê-nin nói:

« Các đảng cách mạng phải hoàn bị việc học tập của mình. Họ đã học được cách tấn công. Nay họ lại phải hiểu rằng khoa học ấy cần được bổ sung bằng khoa học rút lui theo đúng quy tắc. Cần phải hiểu — và giai cấp cách mạng đang chăm chú tìm hiểu bằng kinh nghiệm đau xót của bản thân mình — rằng nếu không học được khoa học tấn công và rút lui theo đúng quy tắc thì không thể chiến thắng được. » (Xem t. XXV, tr. 177[6].)

Mục đích của một chiến lược như thế là để kéo dài thời gian, để lung lạc tinh thần quân địch và để tích lũy lực lượng đặng chuyển sang thế công.

Việc ký hòa ước Bơ-rét-Li-tốp có thể coi như là một kiểu mẫu về chiến lược ấy. Hòa ước đó giúp cho Đảng kéo dài được thời gian, lợi dụng được các cuộc xung đột trong phe đế quốc chủ nghĩa, lung lạc tinh thần các lực lượng của địch, giữ được nông dân đứng về phe mình và tích lũy được lực lượng đặng chuẩn bị tấn công Côn-tơ-sắc và Đê-ni-kin.

Lúc ấy, Lê-nin nói:

« Khi ký kết một hòa ước riêng biệt, *thì theo tất cả khả năng hiện có*, chúng ta thoát khỏi được cả hai nhóm đế quốc chủ nghĩa đang giao chiến, bằng cách lợi dụng sự thù địch giữa chúng và cuộc chiến tranh đang ngăn cản không cho chúng liên minh chống chúng ta; làm như thế thì chúng ta có lợi, và trong một thời gian nào đó, chúng ta được rảnh tay mà tiếp tục và củng cố cách mạng xã hội chủ nghĩa. » (Xem t. XXII, tr. 198[34].)

Ba năm sau khi ký kết hòa ước Bơ-rét-Li-tốp, Lê-nin nói:

« Ngày nay, hết thảy mọi người, cho đến cả kẻ ngu xuẩn nhất, cũng hiểu rằng « hòa ước Bơ-rét-Li-tốp » là một sự nhượng bộ đã làm cho ta mạnh thêm và đã chia rẽ các lực lượng của chủ nghĩa đế quốc quốc tế. » (Xem t. XXVII, tr. 7[35].)

Đấy là những điều kiện chủ yếu bảo đảm có được sự chỉ đạo chiến lược chính xác.

5. *Sự chỉ đạo sách lược.* Sự chỉ đạo sách lược là một bộ phận của chỉ đạo chiến lược và phụ thuộc vào những nhiệm

vụ và những đòi hỏi của chỉ đạo chiến lược. Chỉ đạo sách lược có nhiệm vụ thấu triệt hết thảy những hình thức đấu tranh và hình thức tổ chức của giai cấp vô sản và bảo đảm vận dụng chính xác những hình thức ấy để thu được, trong một tương quan lực lượng nhất định, một số tối đa kết quả, cần thiết để chuẩn bị cho thắng lợi chiến lược.

Thế nào là sử dụng chính xác những hình thức đấu tranh và tổ chức của giai cấp vô sản?

Là làm đầy đủ một số điều kiện tất yếu, trong số đó những điều kiện kể ra sau đây phải được coi là chủ yếu:

Thứ nhất. Phải đặt lên hàng đầu chính là những hình thức đấu tranh và tổ chức thích hợp hơn cả với những điều kiện của một cao trào hoặc thoái trào nhất định của phong trào, những hình thức có thể tạo điều kiện thuận lợi và bảo đảm cho quần chúng tiến tới những trận địa cách mạng, cho quần chúng đông đảo tiến tới mặt trận của cách mạng và cho việc phân phối quần chúng trên mặt trận này.

Điều quan trọng không phải là đội tiên phong nhận thức được rằng không thể duy trì được chế độ cũ và tất yếu không thể không lật đổ chế độ đó đi. Điều quan trọng là quần chúng, quần chúng đông đảo, hiểu rằng tất yếu phải làm như vậy và tỏ ra sẵn sàng ủng hộ đội tiên phong. Nhưng điều ấy, quần chúng chỉ có thể hiểu được qua kinh nghiệm bản thân thôi. Nhiệm vụ là tạo cho quần chúng đông đảo khả năng nhận thấy bằng kinh nghiệm bản thân rằng lật đổ chính quyền cũ là điều không thể tránh được; là đưa ra sử dụng những phương pháp đấu tranh và những hình thức tổ chức khiến cho họ hiểu một cách dễ dàng hơn, qua kinh nghiệm, sự đúng đắn của những khẩu hiệu cách mạng.

Đội tiên phong có lẽ đã thoát ly giai cấp công nhân và giai cấp này có lẽ đã mất liên hệ với quần chúng, nếu lúc đó Đảng đã không quyết định tham gia viện Đu-ma; nếu Đảng đã không quyết định tập trung lực lượng của mình để tiến hành công tác trong viện Đu-ma và phát huy đấu tranh trên cơ sở công tác ấy, để giúp cho quần chúng kinh qua kinh nghiệm bản thân của họ mà nhận thấy rằng viện Đu-ma là vô dụng, lời hứa

của bọn lập hiến-dân chủ là dối trá, sự thỏa hiệp với chế độ Nga hoàng là không thể được, sự liên minh công nông là điều tất yếu không thể tránh khỏi. Không có kinh nghiệm ấy của quần chúng trong thời kỳ viện Đu-ma thì không thể lật được mặt nạ bọn lập hiến-dân chủ và bảo đảm được quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản.

Mối nguy của sách lược của chủ nghĩa triệu hồi[35] là ở chỗ nó muốn tách đội tiên phong ra khỏi lực lượng hậu bị đông đảo của đội tiên phong đó.

Đảng có lẽ đã thoát ly giai cấp công nhân, và giai cấp này có lẽ đã mất ảnh hưởng trong quảng đại quần chúng nông dân và binh sĩ, nếu giai cấp vô sản đi theo bọn cộng sản «tả khuynh» là những kẻ hô hào khởi nghĩa hồi tháng Tư 1917, giữa lúc bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng chưa đủ thời giờ để lộ rõ bộ mặt là những kẻ ủng hộ chiến tranh và chủ nghĩa đế quốc, giữa lúc quần chúng chưa đủ thì giờ để kinh qua kinh nghiệm bản thân mà nhận thấy rằng những diễn văn của bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng về hòa bình, ruộng đất, tự do là những lời dối trá. Không có kinh nghiệm của quần chúng trong thời kỳ Kê-ren-sky, thì bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng có lẽ đã không bị cô lập và chuyên chính vô sản đã không thể có được. Bởi vậy sách lược «giải thích kiên nhẫn» những sai lầm của các đảng tiểu tư sản, và sách lược đấu tranh công khai trong nội bộ các Xô-viết là sách lược chính xác duy nhất.

Mối nguy của sách lược của phái cộng sản «tả khuynh» là ở chỗ nó muốn biến Đảng từ chỗ là người lãnh đạo cách mạng vô sản thành một nhúm người âm mưu rỗng tuếch và không có đất mà đứng.

Lê-nin nói :

«Chỉ có độc một mình đội tiên phong thì không thể thắng nổi. Ném độc một mình đội tiên phong vào một cuộc chiến đấu quyết định, khi mà toàn thể giai cấp, khi mà quần chúng đông đảo chưa có một thái độ hoặc ủng hộ trực tiếp đội tiên phong hoặc ít ra cũng có thái độ trung lập thiện cảm... thì như thế không những là một điều dại dột mà còn là một tội ác nữa. Nhưng muốn cho toàn bộ giai cấp, muốn cho quần chúng đông đảo những người lao động và những người bị

Tư bản áp bức, thực sự có được một lập trường như thế, mà chỉ có tuyên truyền, chỉ có cổ động thôi thì chưa đủ. Muốn thế, thì quần chúng đó phải có kinh nghiệm chính trị bản thân. Đó là một quy luật cơ bản của mọi cuộc cách mạng lớn, quy luật đó hiện nay không những đã được nước Nga mà còn được cả nước Đức xác nhận một cách hết sức mạnh mẽ và nổi bật. Không phải chỉ có quần chúng kém văn hóa, thường là mù chữ ở nước Nga, mà ngay cả quần chúng có trình độ văn hóa cao, không còn có người mù chữ, ở Đức, tất cũng đã phải đích thân nếm tất cả sự bạc nhược, hèn hạ, bất lực, tất cả sự luồn cúi trước giai cấp tư sản, tất cả sự hèn nhát của chính phủ của bọn anh hùng Đệ nhị Quốc tế, tất cả những điều tất nhiên phải xảy ra trong chuyên chính của những phần tử tối phản động (Co-rơ-ni-lốp ở Nga, Cáp và đồng bọn ở Đức), – đứng trước chuyên chính vô sản thì chỉ có con đường đó thôi — rồi mới kiên quyết hướng theo chủ nghĩa cộng sản được.» (Xem t. XXV, tr. 228[5].)

Thứ hai. Trong mỗi thời cơ nhất định, tìm ra được, trong sợi dây xích những quá trình, cái khâu đặc biệt mà nếu nắm được nó thì có thể giữ được toàn bộ sợi xích và chuẩn bị được những điều kiện cho sự thắng lợi chiến lược.

Điều quan trọng, chính là tìm ra được trong các nhiệm vụ đặt ra trước Đảng, nhiệm vụ nào là nhiệm vụ cấp bách mà sự giải quyết nhiệm vụ ấy là điểm trung tâm và làm tròn được nhiệm vụ ấy thì sẽ bảo đảm giải quyết được thỏa đáng những nhiệm vụ cấp bách khác.

Người ta có thể chứng minh tầm quan trọng của nguyên lý này bằng hai tỷ dụ, một lấy ở thời đã qua lâu rồi (thời kỳ thành lập Đảng), một lấy ở thời mới đây (thời kỳ Chính sách kinh tế mới[37]).

Trong thời kỳ thành lập Đảng, khi những tiểu tổ và những tổ chức được lập ra rất nhiều mà còn chưa liên hệ với nhau; khi công tác theo lối thủ công nghiệp và theo từng nhóm biệt lập còn đục khoét Đảng từ trên chí dưới; khi sự hỗn loạn tư tưởng còn là đặc điểm của đời sống nội bộ của Đảng, trong thời kỳ ấy cái khâu cơ bản của sợi xích, nhiệm vụ cơ bản trong tất cả những nhiệm vụ đặt trước mặt Đảng lúc bấy giờ, là việc lập ra một tờ báo bí mật cho toàn nước Nga (tờ *Tia lửa*). Vì sao? Vì trong những điều kiện lúc bấy giờ, chỉ có nhờ vào một tờ báo bí mật cho toàn nước Nga, mới có thể tạo ra được ở

trong Đảng hạt nhân nhất trí, đủ sức hợp tất cả những tiểu tổ và số rất nhiều các tổ chức thành một khối, đủ sức chuẩn bị những điều kiện cho sự thống nhất tư tưởng và sách lược, và do đó đủ sức đặt được những cơ sở cho một đảng chân chính hình thành.

Trong thời kỳ chuyển từ chiến tranh sang xây dựng kinh tế, khi mà công nghiệp sống lây lất trong cảnh sắp bị tan rã, khi mà nông nghiệp khổ vì thiếu các sản phẩm của thành thị, khi mà việc gắn liền công nghiệp quốc doanh với kinh tế nông dân đã trở thành điều kiện cơ bản cho sự thắng lợi của việc xây dựng xã hội chủ nghĩa — trong thời kỳ này, cái khâu chủ yếu trong sợi xích những quá trình, cái nhiệm vụ cơ bản trong tất cả các nhiệm vụ, là phát triển thương nghiệp. Vì sao? Vì trong điều kiện Chính sách kinh tế mới, thì không thể gắn liền công nghiệp với kinh tế nông dân nếu không dùng thương nghiệp; vì trong điều kiện Chính sách kinh tế mới, thì sản xuất mà không tiêu thụ được hàng hóa thì công nghiệp phải chết; vì người ta chỉ có thể mở rộng được công nghiệp bằng cách mở rộng sự tiêu thụ hàng hóa kinh qua sự phát triển thương nghiệp; vì chỉ sau khi được củng cố về mặt thương nghiệp và làm chủ được thương nghiệp, — chỉ sau khi nắm được khâu đó, người ta mới hy vọng gắn liền công nghiệp với thị trường nông thôn và giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức thiết khác đặng tạo điều kiện cần thiết để xây dựng cơ sở cho kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Lê-nin nói:

« Là một người cách mạng và một người tán thành chủ nghĩa xã hội, hoặc là một người cộng sản nói chung, như thế chưa đủ... Trong mỗi thời cơ nhất định, cần phải biết tìm ra cái khâu đích xác mà người ta phải đem toàn lực ra mà nắm lấy, để giữ vững được toàn bộ dây xích và chuẩn bị cho vững chắc để nắm sang khâu bên cạnh...

Hiện nay... khâu ấy, chính là sự chấn hưng *nội thương* theo sự điều tiết (sự hướng dẫn) của Nhà nước. Thương nghiệp, đó là cái « khâu » của dây xích những sự biến lịch sử, trong những hình thức quá độ của công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa của chúng ta năm 1921-1922, cái khâu *« mà chúng ta phải đem toàn lực ra mà nắm chặt lấy... »* (Xem t. XXVII, tr. 82[38].)

Đó là những điều kiện chủ yếu bảo đảm một sự chỉ đạo sách lược chính xác.

6. *Chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa cách mạng.* Sách lược cách mạng khác với sách lược cải lương ở chỗ nào?

Một số người nghĩ rằng chủ nghĩa Lê-nin, nói chung thì chống lại những cải cách, chống lại những sự nhượng bộ và thỏa hiệp. Như thế là hoàn toàn sai. Những người bôn-sê-vích cũng hiểu rất rõ như mọi người rằng theo một ý nghĩa nào đó thì « của cho là của tốt »; rằng trong những trường hợp nào đó thì những cải cách nói chung, những sự nhượng bộ và những sự thỏa hiệp nói riêng, là cần thiết và có ích.

Lê-nin nói:

« Tiến hành cuộc chiến tranh để lật đổ giai cấp tư sản quốc tế, một cuộc chiến tranh khó khăn, lâu dài, phức tạp gấp trăm lần cuộc chiến tranh khốc liệt nhất trong các cuộc chiến tranh thường giữa các quốc gia, mà chưa chi đã từ chối trước không chịu đi quanh co lựa chiều, không chịu lợi dụng những sự đối lập về quyền lợi (dù là quyền lợi nhất thời) đang chia rẽ kẻ thù, không chịu ký kết và thỏa hiệp với những kẻ có thể là bạn đồng minh (dầu là nhất thời, ít chắc chắn, bấp bênh, có điều kiện), như thế há chẳng phải là một thái độ hoàn toàn lố bịch hay sao? Như thế há không phải là giống như trèo một quả núi khó khăn, từ trước đến nay chưa từng có ai đề chân tới và chưa hề có ai trèo nổi, mà chưa chi đã từ chối trước không chịu đôi khi đi quanh co, đôi khi quay trở lại, thay đổi hướng đã chọn để tìm hướng khác, hay sao? » (Xem t. XXV, tr. 210[6].)

Hiển nhiên vấn đề không phải là ở chỗ những cải cách hoặc những sự nhượng bộ và thỏa hiệp, mà là ở việc người ta sử dụng các thỏa hiệp và cải cách.

Đối với người cải lương chủ nghĩa, cải cách là tất cả; còn công tác cách mạng thì chỉ là để cho có hình thức, để mà nói suông, để mà lòe bịp thôi. Bởi vậy, với sách lược cải lương chủ nghĩa, thì trong những điều kiện chính quyền tư sản, một cải cách nhất định phải trở thành một công cụ để củng cố chính quyền tư sản, một công cụ làm tan rã cách mạng.

Đối với người cách mạng, trái lại, điều chủ yếu là công tác cách mạng chứ không phải là cải cách; đối với họ, cải cách chỉ là một sản phẩm phụ của cách mạng. Bởi vậy, với

sách lược cách mạng, thì trong những điều kiện chính quyền tư sản, một cải cách nhất định phải trở thành một công cụ làm tan rã chính quyền tư sản, một công cụ để củng cố cách mạng, một cứ điểm cho phong trào cách mạng phát triển không ngừng.

Người cách mạng thừa nhận cải cách, để vin vào đó mà phối hợp hành động hợp pháp và hành động bí mật, để dùng nó làm một bức bình phong đặng tăng cường công tác bí mật nhằm chuẩn bị tinh thần cách mạng cho quần chúng lật đổ giai cấp tư sản.

Đấy là thực chất của việc sử dụng theo tinh thần cách mạng những cải cách và những sự thỏa hiệp trong những điều kiện của chủ nghĩa đế quốc.

Trái lại, người cải lương chủ nghĩa thừa nhận những cải cách, để từ chối không làm bất cứ công tác bí mật nào, để làm thất bại việc chuẩn bị cho quần chúng làm cách mạng và để nghỉ dưới bóng mát của cải cách « đã được người ta ban cho ».

Đấy là thực chất của sách lược cải lương chủ nghĩa.

Cải cách và thỏa hiệp trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc là như thế đó.

Tuy nhiên, tình thế có thay đổi đôi chút sau khi chủ nghĩa đế quốc bị lật đổ, dưới chuyên chính vô sản. Trong một số trường hợp nào đó, trong một số điều kiện nào đó, chính quyền vô sản có thể bị bắt buộc phải tạm thời rời bỏ con đường cải tạo cách mạng chế độ đương thời, mà đi vào con đường cải tạo tuần tự chế độ đó, « con đường cải lương chủ nghĩa », — như Lê-nin đã nói trong một bài báo trứ danh : « Tác dụng của vàng[38] », — vào con đường ngoắt ngoéo quanh co, con đường cải cách và nhượng bộ đối với các giai cấp phi vô sản, đặng làm tan rã các giai cấp ấy, đặng cho cách mạng có một thời gian nghỉ ngơi, đặng tập hợp các lực lượng và chuẩn bị những điều kiện cho một cuộc tấn công mới. Không thể chối cãi được rằng theo một ý nghĩa nào đó thì con đường ấy là con đường « cải lương chủ nghĩa ». Nhưng, phải nhớ rằng,

ở đây, chúng ta đứng trước một đặc điểm cơ bản là: việc cải cách rõ ràng là do chính quyền vô sản mà ra; việc cải cách đó củng cố chính quyền vô sản và cho chính quyền ấy một thời kỳ nghỉ ngơi cần thiết; nó có nhiệm vụ làm tan rã, không phải cuộc cách mạng, mà những giai cấp phi vô sản.

Do đó, cải cách, trong những điều kiện ấy, biến thành cái đối lập với nó.

Sở dĩ chính quyền vô sản có thể thực hành một chính sách như thế là vì, và chỉ vì trong thời kỳ trước đây, cao trào cách mạng đã đủ lớn mạnh và đã cho nó một phạm vi khá rộng rãi để có thể rút lui được bằng cách đem sách lược rút lui tạm thời, sách lược đi quanh co lựa chiều, thay thế cho sách lược tấn công.

Vậy nên, nếu trước kia, dưới chính quyền tư sản, cải cách là một sản phẩm phụ của cách mạng, thì bây giờ, dưới chuyên chính vô sản, nguồn gốc của những cải cách là do những thắng lợi cách mạng của giai cấp vô sản, do những lực lượng hậu bị tích lũy trong giai cấp vô sản, tạo thành, và gồm những thắng lợi ấy.

Lê-nin nói:

«Chỉ có chủ nghĩa Mác mới quy định một cách rõ rệt và đúng mối quan hệ giữa cải cách và cách mạng; nhưng Mác đã chỉ có thể xét mối quan hệ đó về một mặt mà thôi, tức là: trong những điều kiện trước thắng lợi đầu tiên ít nhiều vững chắc, ít nhiều lâu dài của giai cấp vô sản, ít nhất là trong một nước. Trong những điều kiện lúc bấy giờ, quan hệ đúng đắn đó dựa trên nguyên tắc sau đây: những cải cách là một sản phẩm phụ thuộc của cuộc đấu tranh giai cấp cách mạng của giai cấp vô sản... Sau thắng lợi của giai cấp vô sản, ít nhất là ở trong một nước, đã có cái mới trong mối quan hệ giữa cải cách và cách mạng. Về nguyên tắc thì tất cả vẫn như trước, nhưng về hình thức, thì có một sự thay đổi mà chính Mác đã không thể tiên đoán được, song người ta chỉ có thể nhận ra được sự thay đổi đó, khi nào người ta đứng trên địa hạt triết học và chính trị của chủ nghĩa Mác... Sau khi giai cấp vô sản thắng lợi, thì những cái đó (nghĩa là những cải cách: *J. Sta-lin*.) (về phương diện quốc tế, vẫn cứ là «sản phẩm phụ» như thế) đối với nước đã giành được thắng lợi, lại còn là một sự tạm ngừng cần thiết và chính đáng, trong trường hợp mà, sau một thời gian đấu tranh khẩn trương đến cao độ, nước đó rõ ràng là không đủ lực lượng để vượt qua giai đoạn này hoặc giai đoạn khác, bằng con

đường cách mạng. Thắng lợi còn cung cấp một « lực lượng dự trữ » để đứng vững được ngay cả khi phải lùi bước miễn cưỡng — đứng vững được cả về mặt vật chất cũng như về mặt tinh thần. » (Xem t. XXVII, tr. 81-85 [38]).

VIII

ĐẢNG

Trước cách mạng, trong thời kỳ phát triển tương đối hòa bình, khi các đảng Đệ nhị Quốc tế là lực lượng thống trị trong phong trào công nhân, khi những hình thức đấu tranh nghị viện được coi là những hình thức chủ yếu, — trong những điều kiện như thế, Đảng không có và không thể có tác dụng đáng kể và quyết định mà sau này nó giành được trải qua các trận chiến đấu cách mạng công khai. Biện hộ cho Đệ nhị Quốc tế chống lại những sự công kích nó, Cau-sky nói rằng các đảng Đệ nhị Quốc tế là công cụ hòa bình chứ không phải là công cụ chiến tranh; rằng chính vì lẽ đó mà các đảng ấy không thể làm được một cái gì đáng kể trong chiến tranh, trong thời kỳ hành động cách mạng của giai cấp vô sản. Thật là hoàn toàn đúng. Nhưng như thế nghĩa là gì? Như thế nghĩa là các đảng Đệ nhị Quốc tế không thể dùng được vào cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản, các đảng ấy không phải là những đảng chiến đấu của giai cấp vô sản dìu dắt công nhân ra giành chính quyền, mà là bộ máy tuyển cử, thích hợp với những cuộc tuyển cử nghị viện và đấu tranh nghị viện. Chính điều đó giải thích tại sao trong thời kỳ thống trị của bọn cơ hội chủ nghĩa Đệ nhị Quốc tế, tổ chức chính trị cơ bản của giai cấp vô sản lại không phải là đảng, mà là đảng đoàn trong nghị viện. Người ta biết rằng trong thời kỳ này thì trên thực tế đảng là một vật phụ thuộc vào đảng đoàn nghị viện và phục vụ đảng đoàn. Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng trong những điều kiện ấy, với một đảng như thế đứng đầu, thì không thể bàn đến chuyện chuẩn bị cho giai cấp vô sản làm cách mạng được.

Nhưng tình hình đã thay đổi hẳn với sự xuất hiện của thời kỳ mới. Thời kỳ mới là thời kỳ những cuộc xung đột công khai giữa các giai cấp, thời kỳ hành động cách mạng của giai cấp vô sản, thời kỳ cách mạng vô sản và chuẩn bị trực tiếp các lực lượng để lật đổ chủ nghĩa đế quốc, để giai cấp vô sản cướp chính quyền. Thời kỳ này đặt ra trước giai cấp vô sản những nhiệm vụ mới: cải tổ toàn bộ công tác của Đảng, theo một đường lối mới, cách mạng; giáo dục công nhân theo tinh thần đấu tranh cách mạng để giành chính quyền, chuẩn bị và tập hợp các lực lượng hậu bị, liên minh với những người vô sản các nước láng giềng; thiết lập những mối liên hệ bền vững với phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc v.v... Tưởng rằng có thể dùng những lực lượng của các đảng xã hội-dân chủ cũ đã được giáo dục trong những điều kiện hòa bình của chế độ đại nghị mà làm tròn được nhiệm vụ đó, tưởng như thế là tự dấn thân vào cảnh thất vọng không bờ bến, vào một sự thất bại không thể tránh khỏi. Gánh vác những nhiệm vụ như vậy mà để cho những đảng già cỗi lãnh đạo, là tự giải giáp mình một cách hoàn toàn. Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng giai cấp vô sản không thể nào chịu nhận một tình trạng như thế được.

Do đó, cần thiết phải có một đảng mới, một đảng chiến đấu, cách mạng, đủ can đảm để dìu dắt những người vô sản đấu tranh giành chính quyền, đủ kinh nghiệm để có thể tự chủ trong những điều kiện phức tạp của một hoàn cảnh cách mạng và đủ mềm dẻo để lựa chiều tránh đủ mọi thứ trở ngại trên con đường dẫn đến mục đích.

Không có một đảng như thế, thì ta không thể tính đến chuyện lật đổ chủ nghĩa đế quốc và giành chuyên chính vô sản được.

Đảng mới ấy là Đảng của chủ nghĩa Lê-nin.

Những đặc điểm của Đảng mới ấy là gì?

1. *Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân.* Trước hết, Đảng phải là đội *tiên phong* của giai cấp công nhân. Đảng phải thu hút được tất cả những phần tử ưu tú của giai cấp

công nhân, hấp thu lấy kinh nghiệm của họ, tinh thần cách mạng của họ, sự tận tâm không bờ bến của họ đối với sự nghiệp của giai cấp vô sản. Nhưng muốn thật sự là đội tiên phong, Đảng phải được võ trang bằng lý luận cách mạng, bằng sự hiểu biết các quy luật của phong trào, bằng sư hiểu biết các quy luật của cách mạng. Nếu không, thì Đảng không đủ sức lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, lôi cuốn giai cấp vô sản đi theo mình. Đảng không thể là một Đảng chân chính được, nếu Đảng chỉ biết có ghi chép lấy những điều mà quần chúng giai cấp công nhân cảm thấy và nghĩ, nếu Đảng lê theo đuôi phong trào tự phát; nếu Đảng không biết khắc phục óc thủ cựu và thái độ thờ ơ của phong trào tự phát đối với chính trị; nếu Đảng không biết vượt lên trên những lợi ích nhất thời của giai cấp vô sản; nếu Đảng không biết nâng quần chúng lên đến trình độ giác ngộ quyền lợi giai cấp của giai cấp vô sản. Đảng cần phải đứng đầu giai cấp công nhân; cần phải nhìn xa hơn giai cấp công nhân; phải dìu dắt giai cấp vô sản chứ không phải là lê theo đuôi phong trào tự phát. Những đảng Đệ nhị Quốc tế cổ xúy « chủ nghĩa theo đuôi », những đảng ấy là tay sai của chính sách tư sản là chính sách bắt giai cấp vô sản phải là một công cụ ở trong tay giai cấp tư sản. Chỉ có một Đảng tự coi mình là một đội tiên phong của giai cấp vô sản, và có dủ sức nâng quần chúng đến trình độ giác ngộ quyền lợi giai cấp của giai cấp vô sản, chỉ có một đảng như thế mới đủ sức làm cho giai cấp công nhân tránh được con đường của chủ nghĩa công đoàn, và biến giai cấp công nhân thành một lực lượng chính trị độc lập.

Đảng là lãnh tụ chính trị của giai cấp công nhân.

Trên kia, tôi đã nói đến những khó khăn trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, những điều kiện phức tạp của cuộc đấu tranh ấy, tôi đã nói đến chiến lược và sách lược, đến những lực lượng hậu bị và việc tùy cơ ứng biến, đến tiến công và thoái thủ. Những điều kiện ấy, nếu không phức tạp hơn thì cũng phức tạp ngang những điều kiện của chiến tranh. Ai có thể nhận rõ được những điều kiện ấy? Ai có thể định

phương hướng đúng cho hàng triệu người vô sản? Không có một đạo quân nào đang chiến đấu mà lại không cần đến một bộ tham mưu đầy kinh nghiệm, nếu nó không muốn thất bại. Há chẳng phải rõ ràng là giai cấp vô sản lại càng không thể không cần đến một bộ tham mưu như thế, nếu nó không muốn đem mình làm mồi cho những kẻ tử thù của nó, hay sao? Nhưng tìm đâu ra bộ tham mưu như thế? Chỉ có đảng cách mạng của giai cấp vô sản mới có thể là bộ tham mưu ấy. Giai cấp công nhân mà không có một đảng cách mạng, là một đạo quân không có bộ tham mưu.

Đảng là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp vô sản

Nhưng Đảng không thể chỉ là một đội *tiên phong* không thôi. Đảng đồng thời phải là một đội của *giai cấp*, một bộ phận của *giai cấp*, bộ phận ăn sâu bám rễ trong giai cấp, bộ phận mật thiết liên hệ với giai cấp. Vẫn phải phân biệt giữa đội tiên phong và quần chúng còn lại của giai cấp công nhân, giữa những đảng viên và những người không Đảng, chừng nào mà vẫn còn giai cấp, chừng nào mà giai cấp vô sản vẫn còn được bổ sung bằng những phần tử xuất thân từ những giai cấp khác, chừng nào mà toàn bộ giai cấp công nhân chưa đạt được tới trình độ của đội tiên phong. Nhưng Đảng sẽ lại không phải là Đảng nữa, nếu sự phân biệt ấy trở thành sự phân liệt, nếu Đảng tự co mình lại và tách rời quần chúng không đảng. Đảng không thể lãnh đạo được giai cấp, nếu nó không liên hệ với quần chúng không đảng, nếu không có sự tiếp xúc giữa nó và quần chúng không Đảng; nếu những người này không thừa nhận sự lãnh đạo của nó, nếu Đảng không được quần chúng tín nhiệm về mặt tinh thần và chính trị.

Mới đây, hai mươi vạn công nhân vừa được kết nạp vào Đảng ta. Một điều đáng chú ý: trong tất cả số người đó, thì phần đông không phải là tự mình xin gia nhập Đảng, mà là do tất cả quần chúng không Đảng giới thiệu; quần chúng đã tích cực tham gia vào việc kết nạp những đảng viên mới, những người này sẽ không được kết nạp nếu không được quần chúng đó đồng ý. Điều này chứng tỏ quảng đại quần chúng công nhân không Đảng coi Đảng ta là Đảng *của chính họ*, là một

Đảng *gần gũi và thân thiết* với họ, *họ thấy lợi ích thiết thân của họ* là liên quan với sự phát triển và củng cố của Đảng, họ tự nguyện đem vận mệnh mình ký thác cho sự lãnh đạo của Đảng. Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng nếu không có những mối liên hệ tinh thần vô hình ấy ràng buộc Đảng vào quần chúng không Đảng, thì Đảng có lẽ đã không thể trở thành lực lượng quyết định của giai cấp mình được.

Đảng là bộ phận không thể tách khỏi giai cấp công nhân.

Lê-nin nói :

«Chúng ta là Đảng của giai cấp, bởi vậy *hầu hết toàn bộ giai cấp* (và trong thời kỳ chiến tranh, trong thời kỳ nội chiến, thì toàn bộ giai cấp không trừ một người nào cả) cần phải hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, phải triệt để siết thật chặt hàng ngũ chung quanh Đảng. Nhưng người nào nghĩ rằng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, hầu hết toàn bộ giai cấp hay toàn bộ giai cấp một ngày kia sẽ đủ sức vươn mình lên đến chỗ đạt tới trình độ giác ngộ và tích cực của đội tiên phong của mình, của đảng xã hội - dân chủ của mình thì người ấy sẽ rơi vào chủ nghĩa Ma-ni-lốp [39], và «chủ nghĩa theo đuôi». Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, ngay cả tổ chức công đoàn (tổ chức sơ khai hơn, vừa tầm hơn với sự giác ngộ của những tầng lớp còn lạc hậu), cũng không đủ sức bao trùm hầu hết toàn bộ hay toàn bộ giai cấp công nhân, nên không bao giờ một người xã hội - dân chủ nào biết tôn trọng lẽ phải mà lại nghi ngờ điều đó cả. Nhưng chúng ta sẽ tự dối mình, sẽ nhắm mắt trước những nhiệm vụ bao la của chúng ta, thu hẹp những nhiệm vụ đó, nếu chúng ta quên mất sự khác nhau giữa đội tiên phong và tất cả số quần chúng ở xung quanh đội tiên phong đó ; nếu chúng ta quên mất rằng đội tiên phong có nghĩa vụ thường xuyên là phải *nâng cao* các tầng lớp ngày càng rộng rãi lên trình độ tiên tiến ấy.» (Xem t. VI, tr. 205 - 206 [10].)

2. *Đảng là đội có tổ chức của giai cấp công nhân.* Đảng không phải chỉ là đội *tiên phong* của giai cấp công nhân. Nếu Đảng muốn thực sự lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, thì nó cũng phải là đội *có tổ chức* của giai cấp mình. Nhiệm vụ của Đảng, trong những điều kiện của chủ nghĩa tư bản, thì thật là cực kỳ rộng lớn và phức tạp. Đảng phải lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trong những điều kiện cực kỳ khó khăn của sự phát triển trong nước, ngoài nước ; nó phải dẫn đạo giai cấp vô sản tấn công khi tình thế bắt buộc phải tấn công ; nó phải tránh cho giai cấp vô sản khỏi bị những

đòn của kẻ thù mạnh thế khi tình thế bắt buộc phải rút lui; nó phải giáo dục cho quảng đại quần chúng công nhân không đảng và không được tổ chức thấm nhuần tính kỷ luật và tính kế hoạch trong đấu tranh, tính tổ chức và chí kiên quyết. Nhưng Đảng chỉ có thể làm tròn những nhiệm vụ ấy, khi chính Đảng là hiện thân của tính kỷ luật và tính tổ chức; khi chính Đảng là một đội có *tổ chức* của giai cấp vô sản. Không có những điều kiện ấy, thì không thể nói đến chuyện Đảng lãnh đạo thực sự quảng đại quần chúng của giai cấp vô sản.

Đảng là đội có tổ chức của giai cấp công nhân.

Ý niệm cho rằng Đảng là một chỉnh thể có tổ chức đã được ghi vào công thức nổi tiếng mà Lê-nin thảo ra trong điểm thứ nhất của điều lệ Đảng ta, theo đó Đảng được coi là *tổng số* các tổ chức của Đảng, và các đảng viên là những phần tử của mỗi tổ chức của Đảng. Bọn men-sê-vích, ngay từ năm 1903, đã phản đối công thức ấy, chúng đề nghị thay công thức đó bằng «chế độ» tự liệt danh mình vào Đảng, tức là «chế độ» mở rộng «danh hiệu» đảng viên cho bất cứ «giáo sư» hoặc «học sinh trung học» nào, cho bất cứ «người cảm tình» hoặc «người bãi công» nào mà ủng hộ Đảng bằng cách này hoặc bằng cách khác, nhưng không gia nhập hay không muốn gia nhập một trong những tổ chức của Đảng. Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng «chế độ» độc đáo ấy, nếu được đưa vào Đảng ta, thì có lẽ đã nhất định phải đưa đến chỗ làm cho Đảng đầy tràn những giáo sư và học sinh trung học, làm cho Đảng biến thành một «cơ cấu» mơ hồ, không có hình thù nhất định, không có tổ chức, chìm ngập trong một biển «người cảm tình», xóa bỏ tất cả ranh giới giữa Đảng và giai cấp, đảo lộn nhiệm vụ của Đảng là nâng cao những quần chúng không được tổ chức đến trình độ của đội tiên phong. Không cần phải nói cũng thấy rằng, với một «chế độ» cơ hội chủ nghĩa như thế, Đảng ta có lẽ đã không làm tròn được vai trò hạt nhân, tổ chức của giai cấp công nhân trong cách mạng của chúng ta.

Lê-nin nói:

«Theo quan điểm của đồng chí Ma-rơ-tốp thì ranh giới của Đảng vẫn hoàn toàn không được xác định rõ rệt, vì rằng «mỗi người tham

gia bãi công» đều có thể «tự xưng mình là đảng viên» được. Sự lỏng lẻo ấy có ích lợi gì? Có ích lợi là làm cho nhiều người mang được «danh hiệu» ấy. Cái hại của nó là gây ra tư tưởng làm *hỗn loạn tổ chức:* làm lẫn lộn giai cấp với Đảng.» (*Như trên*, tr. 211.)

Nhưng mà Đảng không phải chỉ là *tổng số* những tổ chức của nó, mà đồng thời cũng là *hệ thống* duy nhất của những tổ chức ấy, sự tổ hợp cụ thể những tổ chức ấy thành một chỉnh thể gồm những cơ quan lãnh đạo cấp trên và cấp dưới, nguyên tắc thiểu số phải phục tùng đa số, với những quyết định thực tế mà hết thảy các đảng viên đều phải tuân theo. Không có những điều kiện ấy, Đảng không thể thành một chỉnh thể duy nhất và có tổ chức, đủ sức bảo đảm sự lãnh đạo có kế hoạch và có tổ chức cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân.

Lê-nin nói:

«*Trước kia*, Đảng ta chưa phải là một chỉnh thể chính thức có tổ chức, mà chỉ là một tổng số những nhóm riêng biệt, do đó, giữa các nhóm ấy không thể có những quan hệ nào khác ngoài ảnh hưởng về mặt tư tưởng ra. *Hiện nay*, chúng ta đã trở thành một đảng có tổ chức; và điều ấy có nghĩa là chúng ta đã tạo ra một quyền lực, biến uy tín về tư tưởng thành uy tín về quyền lực, khiến cấp dưới phải phục tùng cấp trên của Đảng.» (*Như trên*, tr. 291.)

Nguyên tắc thiểu số phải phục tùng đa số, nguyên tắc một cơ quan Trung ương lãnh đạo công tác Đảng thường bị những phần tử bấp bênh công kích, — buộc cho là «chủ nghĩa quan liêu», là «chủ nghĩa hình thức» v.v... Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng nếu không thực hành những nguyên tắc ấy, thì không thể có được công tác có kế hoạch của Đảng — Đảng coi như là một chỉnh thể — và sự lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân. Đứng về mặt tổ chức mà nói thì chủ nghĩa Lê-nin là sự thực hành chặt chẽ những nguyên tắc ấy. Lê-nin gọi cuộc đấu tranh chống lại những nguyên tắc ấy là «chủ nghĩa hư vô Nga» và là «chủ nghĩa vô chính phủ đại quý tộc» đáng chế giễu và đáng vứt bỏ.

Trong quyển *Một bước tiến*, Lê-nin nói về những phần tử bấp bênh ấy như sau:

«Chỉ có phái hư vô Nga mới đặc biệt có thứ chủ nghĩa vô chính phủ đại quý tộc đó. Đối với phái này, tổ chức của Đảng có vẻ như là một «công xưởng» kỳ quái, nguyên tắc bộ phận phục tùng toàn bộ

và thiểu số phục tùng đa số thì họ coi là một sự «nô dịch»..., sự phân công dưới quyền lãnh đạo của một cơ quan trung ương, làm cho họ la lên một cách vừa thảm thiết vừa buồn cười để chống lại việc biến những con người thành «những bánh xe và lò xo»..., chỉ nhắc tới điều lệ tổ chức của Đảng cũng khiến họ nhăn mặt khinh bỉ và nhận xét... một cách miệt thị rằng người ta có thể hoàn toàn không cần đến điều lệ...»

«Hình như rõ ràng là những lời than vãn về cái chủ nghĩa quan liêu nổi tiếng đó chỉ là nhằm che giấu sự bất mãn đối với vấn đề số ủy viên các cơ quan trung ương, đó chỉ là một chiếc lá nho... Anh là một người quan liêu vì anh đã được đại hội cử ra trái với ý muốn của tôi, anh là một người hình thức chủ nghĩa vì anh dựa trên những nghị quyết hình thức của Đại hội chứ không dựa trên sự đồng ý của tôi; anh hành động một cách máy móc thô bạo, vì anh lấy nê đa số «máy móc» của đại hội Đảng chứ không đếm xỉa gì đến nguyện vọng của tôi là muốn được bổ tuyển; anh là một nhà chuyên chế vì anh không muốn giao quyền hành vào tay nhóm bạn bè thân cũ*.» (Xem t. VI, tr. 310 và 287.)

3. *Đảng là hình thức cao nhất về tổ chức giai cấp của giai cấp vô sản.* Đảng là đội có tổ chức của giai cấp công nhân. Nhưng nó không phải là tổ chức duy nhất của giai cấp công nhân. Giai cấp vô sản còn có cả một loạt tổ chức khác, không có những tổ chức ấy thì Đảng không thể đấu tranh thắng lợi chống Tư bản được, những tổ chức đó là: các công đoàn, các hợp tác xã, các tổ chức ở nhà máy, các đảng đoàn nghị viện, các hội liên hiệp phụ nữ không đảng, báo chí, các tổ chức văn hóa và giáo dục, các hội liên hiệp thanh niên, các tổ chức cách mạng chiến đấu (trong thời kỳ hành động cách mạng công khai), các xô-viết đại biểu được coi là hình thức tổ chức Nhà nước (nếu giai cấp vô sản cầm quyền), v.v... Tuyệt đại đa số những tổ chức ấy là những tổ chức không đảng; và chỉ có một vài tổ chức là trực thuộc Đảng hoặc là chi nhánh của Đảng. Trong những điều kiện nào đó, tất cả những tổ chức ấy đều tuyệt đối cần thiết cho giai cấp vô sản, vì không có những tổ chức ấy, thì không thể củng cố các trận địa giai cấp của giai cấp vô sản trong các lĩnh vực khác nhau của cuộc đấu tranh,

---

* Đây là chỉ «nhóm bạn bè thân» gồm có Ac-xen-rốt, Ma-rơ-tốp, Pô-tơ-rét-xốp v v... họ không phục tùng nghị quyết của Đại hội thứ II và buộc cho Lê-nin là «quan liêu chủ nghĩa». *J. Sta-lin.*

không thể tôi luyện cho giai cấp vô sản thành một lực lượng có trách nhiệm đem chế độ xã hội chủ nghĩa thay vào chế độ tư sản. Nhưng làm thế nào thực hiện được sự thống nhất lãnh đạo, khi có rất nhiều những tổ chức như thế? Cái gì có thể bảo đảm rằng việc có nhiều các tổ chức như thế lại không gây ra những tình trạng không ăn khớp trong việc lãnh đạo? Người ta sẽ nói rằng những tổ chức ấy tiến hành công tác của mình trong lĩnh vực riêng biệt của mình và vì thế cho nên không thể gây khó khăn cho nhau được. Dĩ nhiên, điều đó là đúng. Nhưng điều sau đây cũng đúng: các tổ chức ấy đều phải tiến hành công tác của mình theo một hướng duy nhất, vì những tổ chức đó phục vụ một giai cấp *duy nhất*, giai cấp vô sản. Người ta tự hỏi rằng: ai quy định đường lối ấy, phương hướng chung ấy mà tất cả các tổ chức đều phải theo trong công tác của mình? Tổ chức trung ương nào, vì đã có kinh nghiệm cần thiết, nên không những có đủ khả năng định ra đường lối chung ấy, mà còn có thể, vì có đủ uy tín để làm việc này, khuyến khích tất cả những tổ chức ấy thực hành đường lối đó, đặng có được sự thống nhất lãnh đạo và loại bỏ được khả năng phát sinh ra những sự trục trặc không ăn khớp nhau?

Tổ chức ấy, chính là Đảng của giai cấp vô sản.

Đảng có đủ tất cả những điều cần thiết để làm nhiệm vụ ấy: một là vì Đảng là nơi tập hợp các phần tử ưu tú nhất của giai cấp công nhân, họ liên hệ trực tiếp với những tổ chức không đảng của giai cấp vô sản và họ thường lãnh đạo những tổ chức ấy; hai là vì Đảng là nơi tập hợp lớp người ưu tú nhất của giai cấp công nhân nên Đảng là trường học tốt nhất để đào tạo những lãnh tụ của giai cấp công nhân, những lãnh tụ có đủ khả năng lãnh đạo tất cả các hình thức tổ chức của giai cấp họ; ba là vì Đảng là trường học tốt nhất để đào tạo lãnh tụ của giai cấp công nhân, nên Đảng, do kinh nghiệm và uy tín của mình, là tổ chức duy nhất có đủ khả năng tập trung sự lãnh đạo đấu tranh của giai cấp vô sản, và do đó biến các tổ chức không đảng rất phức tạp của giai cấp công nhân thành những tổ chức phụ thuộc và những giây chuyền nối liền Đảng với giai cấp.

Đảng là hình thức tối cao về tổ chức giai cấp của giai cấp vô sản.

Cố nhiên nói như thế không phải có nghĩa là những tổ chức không đảng, như công đoàn, hợp tác xã v.v... phải phụ thuộc một cách cụ thể vào sự lãnh đạo của Đảng. Chỉ cần các đảng viên tham gia các tổ chức ấy mà trong đó họ có uy tín rõ rệt, dùng đủ mọi phương pháp thuyết phục để làm cho các tổ chức không đảng, trong công tác của họ, đi sát với Đảng của giai cấp vô sản và hoàn toàn tự nguyện nhận sự lãnh đạo chính trị của Đảng.

Bởi vậy, Lê-nin nói rằng Đảng là « hình thức *tối cao* về liên hợp giai cấp của những người vô sản » mà sự lãnh đạo chính trị phải lan rộng ra tất cả những hình thức tổ chức khác của giai cấp vô sản. (Xem t. XXV, tr. 194[6].)

Bởi vậy, lý luận cơ hội chủ nghĩa về « tính độc lập » và « tính trung lập » của những tổ chức không đảng, thứ lý luận làm tăng thêm số những nghị viên *độc lập*, những nhà chính luận *tách rời* Đảng, những hội viên công đoàn *thiển cận* và những người vận động hợp tác xã *tư sản hóa*, là lý luận tuyệt đối không thể đi đôi với lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Lê-nin được.

4. *Đảng là công cụ của chuyên chính vô sản.* Đảng là hình thức tổ chức tối cao của giai cấp vô sản. Nó là lực lượng lãnh đạo chủ yếu ngay trong giai cấp vô sản và giữa các tổ chức của giai cấp này. Nhưng tuyệt nhiên không phải vì thế mà có thể coi Đảng như là một mục đích tự nó*, như là một lực lượng độc lập tự tại. Đảng không những chỉ là hình thức tối cao về liên hợp giai cấp của những người vô sản, mà Đảng đồng thời lại là một *công cụ* ở trong tay giai cấp vô sản *để* giành chuyên chính, khi chưa giành được chuyên chính; *để* củng cố và mở rộng chuyên chính, khi đã giành được rồi. Đảng có lẽ đã không thể nâng cao được tác dụng của mình lên đến như thế, và có lẽ đã không hơn tất cả các hình thức tổ chức khác của giai cấp vô sản, nếu giai cấp vô sản không bị đặt trước vấn đề

* Bản Pháp văn : *Une fin en soi.* (N.D.)

chính quyền, nếu những điều kiện do chủ nghĩa đế quốc tạo ra, những cuộc chiến tranh không thể tránh khỏi, nạn khủng hoảng không đòi hỏi phải tập trung hết thảy mọi lực lượng của giai cấp vô sản vào một điểm duy nhất, phải tập hợp hết thảy mọi đầu mối của phong trào cách mạng vào một nơi duy nhất, đặng lật đổ giai cấp tư sản và giành chuyên chính vô sản. Đảng cần cho giai cấp vô sản, trước hết vì nó là bộ tham mưu chiến đấu, thiết yếu để giành lấy chính quyền một cách thắng lợi. Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng không có một Đảng có khả năng tập hợp được xung quanh mình những tổ chức quần chúng của giai cấp vô sản và tập trung được, trong quá trình chiến đấu, sự lãnh đạo toàn bộ phong trào, thì giai cấp vô sản có lẽ đã không thực hiện được chuyên chính cách mạng của mình ở Nga.

Nhưng Đảng không những chỉ cần thiết cho giai cấp vô sản để giành lấy chuyên chính; nó còn cần thiết hơn để duy trì chuyên chính, củng cố và mở rộng chuyên chính, đặng bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi hoàn toàn.

Lê-nin nói:

« Chắc chắn là ngày nay, hầu hết mọi người đều thấy rằng những người bôn-sê-vích sẽ không thể giữ vững được chính quyền, tôi không nói được tới hai năm rưỡi, mà ngay cả đến hai tháng rưỡi cũng không được nữa, nếu Đảng ta không có một kỷ luật nghiêm ngặt nhất, không có một kỷ luật sắt thật sự, không được sự ủng hộ đầy đủ và hoàn toàn của tất cả quần chúng giai cấp công nhân, nghĩa là của tất cả những người nào trong giai cấp ấy mà biết suy nghĩ, có tính trung thực, tận tụy đến mức hy sinh, có uy tín, có khả năng dẫn dắt theo mình hoặc lôi cuốn được những từng lớp chậm tiến. » (*Như trên*, tr. 173.)

Nhưng « duy trì » và « mở rộng » chuyên chính nghĩa là gì? Là giáo dục cho hàng triệu người vô sản thấm nhuần tính kỷ luật và tính tổ chức; là tạo nên trong quần chúng vô sản sự cố kết và một thành lũy chống lại ảnh hưởng đục khoét của thế lực tự phát tiểu tư sản và những tập quán tiểu tư sản; là tăng cường công tác tổ chức những người vô sản nhằm giáo dục lại và cải tạo những tầng lớp tiểu tư sản; là giúp đỡ quần chúng vô sản tự giáo dục để trở thành một lực lượng đủ sức xóa bỏ các giai cấp và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho

việc tổ chức nền sản xuất xã hội chủ nghĩa. Vả lại không thể thực hiện được tất cả những việc ấy, nếu không có một Đảng mạnh nhờ sự đoàn kết của nó và kỷ luật của nó.

Lê-nin nói :

« Chuyên chính vô sản là một cuộc đấu tranh kiên trì, đổ máu và không đổ máu, bạo lực và hòa bình, bằng quân sự và kinh tế, bằng giáo dục và hành chính, chống những thế lực và tập tục của xã hội cũ. Sức mạnh của tập quán ở hàng triệu và hàng chục triệu người là sức mạnh ghê gớm nhất. Không có một đảng gang thép, được tôi luyện trong đấu tranh, không có một đảng được tất cả những phần tử trung thực trong giai cấp nói trên tín nhiệm, không có một đảng biết nhận xét tâm trạng quần chúng và biết ảnh hưởng lại tâm trạng đó, thì không thể tiến hành cuộc đấu tranh ấy thắng lợi được. » (*Như trên*, tr. 190.)

Giai cấp vô sản cần phải có Đảng *để* giành lấy và duy trì chuyên chính của mình. Đảng là công cụ của chuyên chính vô sản.

Vậy nên, các giai cấp mà biến đi và chuyên chính vô sản mà tiêu vong thì Đảng cũng tiêu vong theo.

5. *Đảng là khối thống nhất ý chí không dung nạp những tổ chức bè phái*. Không thể giành và duy trì được chuyên chính vô sản, nếu không có một Đảng mạnh nhờ sự đoàn kết và kỷ luật sắt của nó. Nhưng không thể quan niệm là có kỷ luật sắt trong Đảng được, nếu không có sự thống nhất ý chí, không có sự thống nhất hành động hoàn toàn và tuyệt đối của toàn thể đảng viên. Như thế, dĩ nhiên không có nghĩa là vì đó mà gạt bỏ khả năng đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng. Trái lại, kỷ luật sắt đã không gạt bỏ phê bình và đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng mà còn là tiền đề của phê bình và đấu tranh đó. Hơn nữa, như thế lại càng không có nghĩa là kỷ luật phải là kỷ luật « mù quáng ». Trái lại kỷ luật sắt không gạt bỏ sự phục tùng tự giác và tự nguyện mà còn là tiền đề của sự phục tùng đó, vì chỉ có một kỷ luật tự giác mới có thể thực sự là một kỷ luật sắt. Nhưng một khi cuộc đấu tranh tư tưởng đã chấm dứt, việc phê bình đã xong rồi, và nghị quyết đã thông qua, thì sự thống nhất ý chí và thống nhất hành động của toàn thể đảng viên là điều kiện thiết yếu, không có nó thì người ta không thể quan niệm được một đảng thống nhất, cũng như một kỷ luật sắt trong Đảng.

Lê-nin nói :

« Trong thời kỳ nội chiến gay go này, Đảng Cộng sản chỉ có thể làm tròn nghĩa vụ của mình nếu được tổ chức một cách tập trung nhất, nếu được điều khiển bởi một kỷ luật sắt gần được như kỷ luật quân sự, và nếu Trung ương Đảng là một cơ quan có uy tín cao, có quyền hạn rộng rãi và được toàn thể đảng viên tín nhiệm. » (Xem t. XXV, tr. 282 - 283[40].)

Kỷ luật Đảng trong những điều kiện đấu tranh trước khi giành được chuyên chính là như thế.

Cũng phải nói như thế, nhưng trong một phạm vi còn rộng hơn, về kỷ luật của Đảng, sau khi giành được chuyên chính.

Lê-nin nói :

« Kẻ nào chỉ làm yếu chút ít kỷ luật sắt trong Đảng của giai cấp vô sản (nhất là trong thời kỳ chuyên chính của nó), thì thật ra là đã giúp cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản. » Xem t. XXV, tr. 190[6].)

Bởi vậy cho nên sự tồn tại của những bè phái không thể đi đôi được với sự thống nhất của Đảng và với kỷ luật sắt của Đảng. Không cần chứng minh cũng thấy rằng sự tồn tại của những bè phái sản sinh ra nhiều trung ương ; mà sự tồn tại nhiều trung ương có nghĩa là không có một trung ương chung trong Đảng, là ý chí thống nhất bị phân tán, kỷ luật lỏng lẻo và tan rã, chuyên chính lỏng lẻo và tan rã. Cố nhiên, các đảng Đệ nhị Quốc tế là các đảng đấu tranh chống lại chuyên chính vô sản và không muốn dẫn đạo những người vô sản đến việc cướp chính quyền, thì có thể tự cho phép mình theo chủ nghĩa tự do này là : quyền tự do lập bè phái, vì chúng không hề cần đến kỷ luật sắt. Nhưng các Đảng của Quốc tế Cộng sản là những đảng tổ chức công tác của mình trên cơ sở nhiệm vụ : giành lấy và củng cố chuyên chính vô sản, — thì không thể nào dung nạp được « chủ nghĩa tự do » cũng như quyền tự do lập bè phái.

Đảng chính là sự thống nhất ý chí gạt bỏ mọi chủ nghĩa bè phái và mọi sự phân tán quyền lực trong Đảng.

Bởi vậy, Lê-nin vạch ra sự « nguy hiểm của hành động bè phái đối với sự thống nhất trong Đảng và việc thực hiện sự

thống nhất ý chí trong đội tiên phong của giai cấp vô sản, điều kiện căn bản đảm bảo cho chuyên chính vô sản thắng lợi », ý niệm này đã được ghi trong một bản nghị quyết đặc biệt « Về sự thống nhất trong nội bộ Đảng [41] », nghị quyết đã được đại hội đảng lần thứ X của Đảng ta thông qua.

Bởi vậy Lê-nin đòi « xóa bỏ hoàn toàn mọi hành động bè phái », và « giải tán tức khắc hết thảy mọi nhóm đã thành lập trên lập trường này hoặc lập trường nọ, không trừ một nhóm nào », nếu không thì « chắc chắn và tức khắc bị khai trừ ra khỏi Đảng ». (Nghị quyết « Về sự thống nhất trong nội bộ Đảng ».)

6. *Đảng mạnh lên bằng cách thanh trừ những phần tử cơ hội chủ nghĩa.* Những phần tử cơ hội chủ nghĩa trong Đảng, đấy là nguồn gốc của chủ nghĩa bè phái. Giai cấp vô sản không phải là một giai cấp đóng kín cửa*. Luôn luôn người ta thấy những phần tử xuất thân là nông dân, là tiểu tư sản, những người trí thức vô sản hóa trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, nhập vào giai cấp đó. Đồng thời, có một quá trình giải thể trong các tầng lớp trên của giai cấp vô sản, nhất là trong đám những lãnh tụ công đoàn và những nghị viên mà giai cấp tư sản nuôi dưỡng bằng siêu lợi nhuận lấy ở các thuộc địa. Lê-nin nói : « Lớp công nhân tư sản hóa hay « công nhân quý tộc » ấy, hoàn toàn mang tính chất tiểu tư sản do lối sống, do tiền lương, do thế giới quan của họ, là trụ cột chủ yếu của Đệ nhị Quốc tế, và ngày nay là *cột trụ chủ yếu về mặt xã hội* (chứ không phải về mặt quân sự) *của giai cấp tư sản.* Vì họ là những *tên tay sai* thực sự *của giai cấp tư sản trong phong trào công nhân*, là những công nhân tay chân của giai cấp tư bản..., những tay truyền bá thực sự chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa sô-vanh. » (Xem t. XIX, tr. 77[15].)

Hết thảy các nhóm tiểu tư sản ấy chui vào Đảng bằng cách này hay bằng cách khác : họ mang vào Đảng tinh thần dao động và cơ hội chủ nghĩa, tinh thần bạc nhược và lưỡng lự.

---

* Bản Pháp văn : *Une classe fermée.* (N.D.)

Chính họ là nguồn gốc của chủ nghĩa bè phái và sự tan rã, nguồn gốc làm hỗn loạn tổ chức Đảng mà họ phá hoại từ bên trong. Đánh nhau với chủ nghĩa đế quốc mà có những « đồng minh » như thế ở hậu phương, là đưa mình vào thế bị đánh cả hai phía, phía trước và phía sau. Cho nên đấu tranh quyết liệt chống những phần tử như thế và đuổi chúng ra khỏi Đảng là điều kiện tiên quyết để thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Lý luận cho rằng người ta « có thể chiến thắng » được những phần tử cơ hội chủ nghĩa bằng một cuộc đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng, cho rằng người ta phải « chế ngự » được những phần tử ấy trong khuôn khổ của một đảng duy nhất, là một lý luận thối tha và nguy hiểm, nó nguy hiểm ở chỗ là nó làm cho Đảng bị tê liệt và bị ốm yếu kinh niên, làm cho Đảng trở thành miếng mồi của chủ nghĩa cơ hội, làm cho giai cấp vô sản mất đảng cách mạng, làm cho giai cấp vô sản mất vũ khí chủ yếu trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Có lẽ Đảng ta sẽ không thể đi vào con đường lớn, sẽ không nắm được chính quyền, và tổ chức được chuyên chính vô sản, sẽ không thắng lợi trong cuộc nội chiến, nếu trong hàng ngũ của Đảng mà có bọn Ma-rơ-tốp và bọn Đan, bọn Pô-tơ-rét-xốp và bọn Ác xen-rốt. Nếu Đảng ta đã kiến lập được sự thống nhất nội bộ và sự đoàn kết chưa từng có trong hàng ngũ của mình, thì trước hết là vì Đảng ta đã biết kịp thời tẩy rửa được nhơ nhớp của chủ nghĩa cơ hội, vì đã biết đuổi ra khỏi Đảng bọn thủ tiêu và bọn men-sê-vích. Con đường phát triển và củng cố của các đảng vô sản phải kinh qua việc thanh trừ bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn cải lương chủ nghĩa, bọn xã hội-đế quốc chủ nghĩa và bọn xã hội-sô-vanh, bọn xã hội-ái quốc và bọn xã hội-hòa bình chủ nghĩa.

Đảng mạnh lên bằng cách thanh trừ những phần tử cơ hội chủ nghĩa.

Lê-nin nói:

« Nếu trong hàng ngũ ta, có bọn cải lương chủ nghĩa, bọn men-sê-vích, thì ta *không thể* làm cho cách mạng vô sản thắng lợi được, *không thể* bảo vệ được cách mạng vô sản. Đấy là một nguyên tắc

hiển nhiên. Kinh nghiệm của nước Nga, của nước Hung đã xác nhận rõ rệt điều ấy... Ở Nga, đã *nhiều lần* gặp những tình thế khó khăn trong đó chế độ Xô-viết *chắc chắn* bị lật đổ, nếu bọn men-sê-vích, bọn cải lương chủ nghĩa, bọn dân chủ tiểu tư sản hãy còn ở trong Đảng ta... ở Ý, theo nhận xét chung, thì người ta đang đi tới những cuộc chiến đấu quyết liệt của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản để giành lấy chính quyền Nhà nước. Gặp lúc như thế, không những là tuyệt đối cần thiết phải đuổi ra khỏi Đảng, bọn men-sê-vích, bọn cải lương chủ nghĩa, bọn Tu-ra-ti, mà thậm chí còn có thể cần phải đuổi ra khỏi Đảng những người cộng sản rất tốt, có thể do dự và đã do dự muốn «thống nhất» với bọn cải lương chủ nghĩa, cần phải gạt họ ra khỏi những chức vụ quan trọng... Ngay trước khi cách mạng bùng nổ và trong những lúc đấu tranh quyết liệt nhất để giành thắng lợi, những sự do dự nhỏ nhặt trong nội bộ Đảng cũng có thể làm *hỏng hết mọi việc*, làm cho cách mạng thất bại, làm cho giai cấp vô sản bị cướp mất chính quyền vì chính quyền ấy chưa được vững vàng, vì sự tấn công mà nó phải chịu đựng còn quá mạnh. Nếu, gặp lúc như thế, mà những lãnh tụ dao động rút lui đi, thì như thế không làm cho cả Đảng, cả phong trào công nhân và cả cuộc cách mạng yếu đi, mà lại làm cho mạnh thêm.» (Xem t. XXV, tr. 462, 463, 464[42].)

IX

TÁC PHONG CÔNG TÁC

Đây không phải là bàn về tác phong văn học. Tôi muốn nói với các đồng chí về tác phong công tác, về điều đặc biệt và độc đáo trong thực tiễn của chủ nghĩa Lê-nin, về điều đã tạo nên điển hình đặc biệt: người chiến sĩ lê-nin-nít. Chủ nghĩa Lê-nin là một trường lý luận và thực tiễn đào tạo ra một điển hình đặc biệt về người chiến sĩ trong Đảng cũng như trong bộ máy Nhà nước, sáng tạo ra một tác phong đặc biệt trong công tác, tác phong lê-nin-nít.

Những đặc trưng của tác phong ấy là những gì? Những đặc điểm của tác phong ấy là những gì?

Có hai đặc điểm :

a) nhiệt tình cách mạng Nga và

b) tinh thần cầu thực Mỹ.

Tác phong của chủ nghĩa Lê-nin là sự kết hợp hai đặc điểm ấy trong công tác ở trong Đảng và ở trong bộ máy Nhà nước.

Nhiệt tình cách mạng Nga là một thứ thuốc khử độc chống tính ỳ, óc thủ cựu, chủ nghĩa bảo thủ, sự đình trệ của tư tưởng, sự phục tùng nô lệ đối với các truyền thống tổ tiên. Nhiệt tình cách mạng Nga, chính lực lượng làm phấn khởi nhân tâm ấy thức tỉnh tư tưởng, thúc đẩy tiến tới, đập tan quá khứ, vạch rõ tiền đồ. Không có nhiệt tình ấy, thì không thể có một phong trào tiến bộ nào cả.

Nhưng trong thực tiễn, nhiệt tình cách mạng Nga rất dễ có cơ thoái hóa thành bệnh ma-ni-lốp « cách mạng » rỗng tuếch, nếu trong công tác, nhiệt tình đó không được kết hợp với tinh thần cầu thực Mỹ. Những tỉ dụ về sự thoái hóa này, người ta đã thấy nhiều và quá nhiều. Ai mà không biết cái bệnh rặn ra văn « cách mạng » và bệnh kế hoạch « cách mạng » phát sinh từ sự tin tưởng mù quáng rằng quyền lực của sắc lệnh có thể thu xếp được và chuyển biến được mọi việc ? Trong câu chuyện nhan đề là *U-scom-tơ-sen* (Người cộng sản hoàn thiện), một văn sĩ Nga, I. Ê-ren-bua đã tả một điển hình người « bôn-sê-vích », mắc phải bệnh ấy, hắn tự đặt cho mình cái mục đích là phác họa ra con người hoàn thiện và lý tưởng, để rồi... « chết đuối » trong « công tác » ấy. Trong câu chuyện ấy, phần lớn là nói cường điệu lên ; nhưng tác giả đã hiểu thấu căn bệnh ấy, đó là điều không còn phải nghi ngờ gì nữa. Nhưng hình như không ai chế giễu những người mắc bệnh ấy một cách tàn nhẫn và thẳng cánh bằng Lê-nin. Lê-nin gọi sự tin tưởng không lành mạnh vào bệnh rặn ra văn và bệnh thảo sắc lệnh là « bệnh kiêu căng cộng sản ».

Lê-nin nói :

« Bệnh kiêu căng cộng sản, là hiện tượng của một người đảng viên cộng sản chưa bị khai trừ ra khỏi Đảng, tưởng rằng cứ dùng những pháp lệnh cộng sản chủ nghĩa là có thể làm tròn tất cả mọi nhiệm vụ của mình. » (Xem t. XXVII, tr. 50 51[43].)

Chống lại thói ba hoa « cách mạng », Lê-nin thường đưa ra những nhiệm vụ thông thường, hàng ngày, nhấn mạnh rằng việc rặn ra văn « cách mạng » là trái với tinh thần và văn tự của chủ nghĩa Lê-nin chân chính.

Lê-nin nói :

« Hãy bớt những lời nói hoa mỹ đi, và hãy làm thêm công việc giản dị, *thường ngày*... »

« Hãy bớt lải nhải về chính trị mà quan tâm hơn nữa đến những sự việc... tầm thường nhất, nhưng sinh động, của công cuộc xây dựng cộng sản chủ nghĩa. » (Xem t. XXIV, tr. 343 và 335.[44])

Tinh thần cầu thực Mỹ, trái lại, là liều thuốc khử độc chống bệnh ma-ni-lốp « cách mạng » và những việc rặn ra văn hư ảo. Tinh thần cầu thực Mỹ là một lực lượng bất khuất, nên không biết đến và không thừa nhận một trở ngại nào cả, nó đạp đổ đủ hạng đủ thứ chướng ngại với lòng kiên nhẫn khéo léo của nó ; nó không thể không làm cho đến cùng một nhiệm vụ đã được bắt đầu, dầu là nhiệm vụ nhỏ đến mấy cũng vậy ; đó là lực lượng mà không có thì không thể quan niệm được một công cuộc xây dựng đáng kể nào.

Nhưng tinh thần cầu thực Mỹ rất dễ có cơ thoái hóa thành một chủ nghĩa sự vụ thiển cận và vô nguyên tắc, nếu nó không kết hợp với nhiệt tình cách mạng Nga. Ai còn không biết đến cái bệnh chủ nghĩa thực tế hẹp hòi và chủ nghĩa sự vụ vô nguyên tắc, nó thường đưa một số người « bôn-sê-vích » đến chỗ thoái hóa và lìa bỏ sự nghiệp cách mạng ? Cái bệnh đặc biệt này đã được nhà văn sĩ Pin-ni-ác mô tả trong cuốn tiểu thuyết của ông nhan đề là : *Năm trần trụi*, trong đó tác giả nêu ra những điển hình người « bôn-sê-vích » Nga, đầy ý chí và quyết tâm thực tiễn, « làm việc » với rất nhiều « nghị lực », nhưng tuyệt không nhìn thấy triển vọng, không biết « làm để làm gì » và vì thế mà đi chệch con đường công tác cách mạng. Không ai chế giễu chua cay cái bệnh sự vụ ấy bằng Lê-nin. Người gọi là « chủ nghĩa thực tế hẹp hòi », « chủ nghĩa sự vụ ngu xuẩn ». Chống lại bệnh đó, Người thường

nêu ra sự nghiệp cách mạng sinh động và sự tất yếu phải có triển vọng cách mạng trong những nhiệm vụ nhỏ nhặt nhất của công tác hàng ngày của chúng ta, nhấn mạnh rằng chủ nghĩa sự vụ vô nguyên tắc, cũng như bệnh rặn ra văn « cách mạng » đều trái với chủ nghĩa Lê-nin chân chính.

Nhiệt tình cách mạng Nga kết hợp với tinh thần cầu thực Mỹ, đấy là thực chất của chủ nghĩa Lê-nin trong công tác Đảng và công tác Nhà nước.

Chỉ có sự kết hợp ấy mới đem lại cho chúng ta điển hình hoàn bị về người chiến sĩ lê-nin-nít, tác phong của chủ nghĩa Lê-nin trong công tác.

CHÚ THÍCH

1. Những bài giảng của Sta-lin: *Những cơ sở của chủ nghĩa Lê-nin* được đăng trên báo *Sự thật* trong vòng tháng Tư - tháng Năm 1924. Tháng Năm 1924, tập *Lê-nin và chủ nghĩa Lê-nin* được xuất bản, gồm những ký ức của Sta-lin về Lê-nin và cuốn *Những cơ sở của chủ nghĩa Lê-nin*. Trong tất cả các lần xuất bản tập *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*, đều có in cuốn *Những cơ sở của chủ nghĩa Lê-nin* cả. — *Tr. 9.*

2. Xem Lê-nin: *Làm gì?*, bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1957. — *Tr. 18, 27.*

3. *Ô-giát* là một ông vua trong thần thoại Hy-lạp, nổi tiếng là có những chuồng ngựa chứa tới 3.000 con, mà suốt trong 30 năm chưa từng quét dọn một lần nào. — *Tr. 20.*

4. Đây là nói đến ý kiến của Mác trong bức thư viết cho Ăng-ghen, ngày 16 tháng Tư 1856. — *Tr. 22.*

5. Đây là nói đến bài báo của Ăng-ghen: *Bọn theo chủ nghĩa Ba-cu-nin hành động*. — *Tr. 23.*

6. Xem Lê-nin: *Bệnh ấu trĩ («tả khuynh»)* trong phong trào cộng sản, bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ hai, 1958. — *Tr. 24, 25, 46, 47, 88, 90, 93, 95, 107, 110, 120, 150, 160, 179, 184, 186, 189, 193, 300, 303.*

7. Xem Lê-nin: *Những người «bạn dân» là thế nào và họ đấu tranh chống những người xã hội - dân chủ ra sao*, bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1958. — *Tr. 24.*

8. *Đại hội Ba-lơ* của Đệ nhị Quốc tế họp từ ngày 24 đến 25 tháng Một 1912. Nhân cuộc chiến tranh vùng Ban-căng và nguy cơ chiến tranh thế giới sắp sửa nổ ra, nên Đại hội đó đã được triệu tập. Đại hội đã nhận định tình hình quốc tế và xét vấn đề hành động chung chống chiến tranh. Bản tuyên bố, đã được hội thông qua, kêu gọi công nhân hãy dùng tổ chức và lực lượng của giai cấp vô sản mà đấu tranh cách mạng chống nguy cơ chiến tranh và hãy tuyên bố «lấy chiến tranh chống chiến tranh». — *Tr. 24.*

9. Xem Lê-nin: *Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-sky*, bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1958. — *Tr. 25, 39, 43, 45, 46, 52, 124, 153, 156, 160, 161, 239, 492.*

10. Xem Lê-nin: *Một bước tiến, hai bước lùi*, bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1958. — *Tr. 26, 102, 319.*

11. Xem Các Mác: Lời bạt cho lần xuất bản thứ hai tập I, bộ *Tư bản*, bằng Đức văn. — *Tr. 26.*

12. Xem F. Ăng-ghen: *Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*, bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ hai, 1957. — *Tr. 28.*

13. *Tia lửa* là tờ báo mác-xít đầu tiên xuất bản bí mật cho toàn nước Nga. Lê-nin đã sáng lập ra tờ báo đó ở ngoại quốc vào tháng Chạp 1900. Tờ báo đó đã được bí mật đưa từ ngoại quốc vào Nga. Muốn hiểu rõ tầm quan trọng của tờ báo đó, xem *Lịch sử Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Liên-xô*. — *Tr 29.*

14. Xem Các Mác: *Luận đề về Phơ-bách*, trong *Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*, bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ hai, 1957. — *Tr. 30.*

15. Xem Lê-nin: *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản*, bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ hai, 1957. — *Tr. 31, 32, 111, 128.*

16. Xem Lê-nin: *Thà ít, mà tốt*, trong *Thời kỳ chuyển sang công cuộc hòa bình khôi phục kinh tế quốc dân (phần II)* bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1957. — *Tr. 35, 155, 570.*

17. Xem Lê-nin: *Hai sách lược của đảng xã hội - dân chủ trong cách mạng dân chủ tư sản*, bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ hai, 1958. — *Tr. 37, 83, 237.*

18. Xem Lê-nin: *Báo cáo về việc Đảng Xã hội - dân chủ tham gia chính phủ cách mạng lâm thời, đọc tại Đại hội lần thứ III của Đảng Công nhân xã hội - dân chủ Nga*, bản Nga văn, xuất bản lần thứ ba, t. VII. — *Tr. 37.*

19. Ở đây, Sta-lin viện dẫn những bài của Lê-nin, viết năm 1905: *Đảng Xã hội - dân chủ và chính phủ cách mạng lâm thời*, mà Sta-lin trích dẫn một đoạn, *Chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân*, và *Bàn về chính phủ cách mạng lâm thời*. — Tr. 37.

20. Xem Lê-nin: *Đảng Xã hội - dân chủ và chính phủ cách mạng lâm thời*, bản Nga văn, xuất bản lần thứ ba, t. VII.— *Tr. 38.*

21. Xem Lê-nin: *Hai đường lối của cách mạng*, bản Nga văn, xuất bản lần thứ ba, t. XVIII. — *Tr. 39, 41, 124.*

22. Xem Mác và Ăng-ghen: *Phát lộ vụ án những người cộng sản ở Cô-lô-nhơ*, trong Mác và Ăng-ghen toàn tập, t. VIII. — *Tr. 47.*

23. Đây là nhại lại câu: «Trên đèo Síp-ca, mọi việc đều yên ổn cả.» Năm 1877 - 1878, trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ, tuy trên đèo Síp-ca, chiến sự diễn ra rất ác liệt; song bộ tham mưu quân đội Nga hoàng vẫn thông báo là: «Trên đèo Síp-ca, mọi việc đều yên ổn cả.».— *Tr. 48.*

24. Xem Lê-nin: *Nhà nước và Cách mạng*, bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ hai, 1957. — *Tr. 49, 51, 152, 169, 191.*

25. Đây là tên mấy nhà tư bản lũng đoạn có tiếng trên thế giới. — *Tr. 50.*

26. Xem Lê-nin : *Những đề cương và báo cáo về chế độ dân chủ tư sản và chuyên chính vô sản tại Đại hội lần thứ I của Quốc tế Cộng sản*, bản Nga văn, xuất bản lần thứ ba, t. XXIV. — *Tr. 54, 55, 184.*

27. Xem Lê-nin : *Đề cương về Quốc hội lập hiến*, bản Nga văn, xuất bản lần thứ ba, t. XVII. — *Tr. 56.*

28. *Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp* tồn tại từ tháng Tám 1921 đến tháng Sáu 1929.— *Tr. 68.*

29. Xem Lê-nin : *Bàn về chế độ hợp tác*, bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ hai, 1958.— *Tr. 69, 136, 210, 218, 225, 227, 450.*

30. Xem Lê-nin : *Tổng kết cuộc thảo luận về quyền dân tộc tự quyết*, bản Nga văn, xuất bản lần thứ ba, t. XIX.— *Tr. 76, 80.*

31. Xem Lê-nin : *Nhận xét một cách phê phán về vấn đề dân tộc*, bản Nga văn, xuất bản lần thứ ba, t. XVII.— *Tr. 77.*

32. Xem Lê-nin : *Lời khuyên của một người vắng mặt* trong tập *Về chiến tranh cách mạng*, bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, xuất bản lần thứ nhất, 1957.— *Tr 88.*

33. *Hội nghị dân chủ* họp từ 14 đến 22 tháng Chín 1917 ở Pê-tơ-rô-gơ-rát. Hội nghị này là do bọn lãnh tụ men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa-cách mạng trong Ban Chấp hành trung ương toàn Nga các Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ, và trong ban Chấp hành các Xô-viết đại biểu nông dân, triệu tập. Dự hội nghị này, có các đại biểu của những đảng xã hội chủ nghĩa, của các xô-viết điều hòa, của các công đoàn, các hội đồng tự trị, các giới công thương và của cả các đơn vị quân đội nữa. Hội nghị đã chỉ định một Tiền nghị viện làm cơ quan cố vấn cho Chính phủ lâm thời. Bọn điều hòa đã muốn dùng Tiền nghị viện để chặn cách mạng lại và đưa nước Nga đang đi trên con đường cách mạng xô-viết sang con đường phát triển theo hiến pháp tư sản.— *Tr. 89.*

34. Xem Lê-nin : *Đề cương về việc ký kết một hòa ước riêng rẽ và có tính chất xâm lược*. Bản Nga văn, xuất bản lần thứ ba, t. XXII.— *Tr. 90.*

35. Xem Lê-nin : *Thời đại mới, sai lầm cũ dưới một hình thức mới* trong tập *Thời kỳ chuyển sang công cuộc hòa bình khôi phục kinh tế quốc dân*, (phần I) bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1957. — *Tr. 90.*

36. *Chủ nghĩa triệu hồi* (tiếng Nga âm là: Ốt-dô-vi-smơ, do tiếng ốt-dô-vát nghĩa là gọi về) là trào lưu tư sản cơ hội chủ nghĩa phát sinh trong những năm bọn phản động hoành hành (1908 - 1912) trong hàng ngũ những người bôn-sê-vích. Bọn triệu hồi chủ nghĩa đòi phải triệu hồi những đảng viên đảng xã hội-dân chủ, nghị viên trong viện Đu-ma, và đòi bỏ công tác trong công đoàn và các tổ chức hợp pháp khác của công nhân.—*Tr. 92.*

37. *Thời kỳ Chính sách kinh tế mới ở Liên-xô.* Khi nội chiến kết thúc, chính sách cộng sản thời chiến không phù hợp nữa, nên Đảng và Chính phủ kịp thời chuyển sang Chính sách kinh tế mới. Chính sách này bắt đầu bằng việc lấy thuế lương thực thay cho chế độ trưng thu lương thực thừa. Chính sách này do Lê-nin đề ra từ năm 1918, nhưng do đế quốc can thiệp, nội chiến xẩy ra, nên không thực hiện được, mà mãi sau nội chiến, bắt đầu từ cuối 1926 mới thực hiện được, và đến năm 1936 thì kết thúc. — *Tr. 93.*

38. Xem Lê-nin : *Tác dụng của vàng hiện nay và sau khi chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi*, trong tập *Thời kỳ chuyển sang công cuộc hòa bình khôi phục kinh tế quốc dân (phần I)*, bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1957. — *Tr. 94, 96, 98.*

39. *Chủ nghĩa Ma-ni-lốp* là lấy ở tên của một địa chủ tên là Ma-ni-lốp trong *Những linh hồn chết* của Gô-gôn, có nghĩa là sự lo lắng băn khoăn, tính tình cảm yếu đuối và tính kỳ quặc không nhằm mục đích gì cả. — *Tr. 102.*

40. Xem Lê-nin : *Điều kiện kết nạp các Đảng vào Quốc tế Cộng sản*, xuất bản lần thứ ba, t. XXV. — *Tr. 110.*

41. Nghị quyết « Về sự thống nhất của Đảng » là do Lê-nin thảo ra được thông qua tại Đại hội Đảng Cộng sản (b) Nga họp từ ngày 8 đến ngày 16 tháng Ba 1921. — *Tr. 111.*

42. Xem Lê-nin : *Những lời nói giả dối về tự do*, bản Nga văn, xuất bản lần thứ ba, t. XXV. — *Tr. 113.*

43. Xem Lê-nin : *Diễn văn đọc tại Đại hội lần thứ II của các người làm công tác giáo dục chính trị ở Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, ngày 17 tháng Mười 1921*, bản Nga văn, xuất bản lần thứ ba, t. XXVII. — *Tr. 114, 484.*

44. Xem Lê-nin : *Sáng kiến vĩ đại*, bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1957. — *Tr. 115, 123, 173, 415.*

45. *Trên con đường Cách mạng tháng Mười.* Tập này của Sta-lin được xuất bản hai lần, vào tháng Giêng và tháng Năm. Tập này gồm tất cả những tác phẩm in trong tập III, toàn tập Sta-lin. Tác giả viết tựa cho tập này vào hồi tháng Chạp 1924. Phần lớn bài Tựa đó được xuất bản dưới nhan đề là : *Cách mạng tháng Mười và sách lược của những người Cộng sản Nga.* Một phần nữa trong tập III toàn tập Sta-lin được xuất bản dưới nhan đề : *Chống chủ nghĩa liên bang.* — *Tr. 117.*

46. Xem Lê-nin : *Người ta đã dùng khẩu hiệu tự do và bình đẳng để lừa dối nhân dân như thế nào*, bản Nga văn, xuất bản lần thứ ba, t. XXIV. — *Tr. 122, 170, 171, 173, 182, 709.*

47. Xem Lê-nin : *Bàn về khẩu hiệu liên bang châu Âu*, bản Việt văn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1958. — *Tr. 129, 156, 209.*

48. Xem Lê-nin : *Diễn văn đọc tại Hội nghị toàn thể của Xô-viết Mạc-tư-khoa, ngày 20 tháng Một 1922*, bản Nga văn, xuất bản lần thứ ba, t. XXVII. — *Tr. 135, 413.*

NHỮNG VẤN ĐỀ CHỦ NGHĨA
LÊ-NIN

IN 5.000 c. TẠI NHÀ MÁY IN TIẾN-BỘ
175, NGUYỄN-THÁI-HỌC — HÀ-NỘI
KHỔ 15 × 22 — XONG NGÀY 8-8-1959
SỐ XUẤT BẢN: 034 — SỐ: IN 0193
GỬI LƯU CHIỂU THÁNG 8 NĂM 1959